

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Tâm
Tr. 13 *hoang vu*



Sân hận hại thân
Tr. 36

Bài toán nhân sinh
Tr. 4



TÔN HOA SEN
Mãi ấm gia đình Việt



ÔNG NHƯA HOA SEN
Đã nguồn hạnh phúc

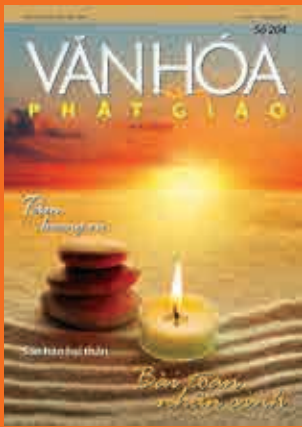


ÔNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

www.hoasengroup.vn * www.toasanghiviet.vn

**TẠP CHÍ EUROMONEY BÌNH CHỌN TẬP ĐOÀN HOA SEN
LÀ "CÔNG TY ĐƯỢC QUẢN LÝ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2014"**





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Bài toán nhân sinh (Nguyễn Cần)	4
Báo chí và tự do (Trần Văn Chánh)	7
Văn tế vua Hàm Nghi, linh hồn phong trào Cần Vương kháng Pháp (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	10
Tâm hoang vu (Nguyễn Kim)	13
Bài kệ Tám Thức Bốn Trí của Lục tổ Huệ Năng (Nguyễn Thế Đăng)	16
Hạnh phúc và Tự do trong giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer (Thích Nguyên Thành)	18
"Vận dụng" Kim Cang (Đỗ Hồng Ngọc)	21
Vi sao người Phật tử cúi lạy (Seth Zuiho Segali - Trần Khiết Bách dịch)	24
Mạn đàm Thế nào là người Phật tử (Trần Tuấn Mẫn)	26
Hãy soi gương mỗi ngày (Đỗ Liên)	30
Vài nét về Bảo tàng Văn hóa Huế (Nguyễn Văn Toàn)	31
Tìm hiểu nghi lễ cúng voi của người M'Nông (Man Đức Huy & Nguyễn Thị Lan Anh)	34
Sân hận hại thân (Nguyễn Hữu Đức)	36
Nỗi lòng gia sư (Lê Hải Đăng)	38
Kho tàng của sự im lặng (Elena Pucillo Truong; Trương Văn Dân dịch)	41
Khóa và mở tình yêu (Cao Huy Hóa)	44
Ăn "bụi" mùa World Cup (Đặng Trung Thành)	46
Ngắm nhìn quê hương (Hạt Cát)	48
Thứ mỗi nhữ tối thượng (Trần Kiên Hạ)	50
Tuổi Tây, tuổi ta (Kim Hoa)	51
Thơ (Vĩnh Hiền, Trường Khánh, Phan Thành Minh, Nguyễn Tăng Khôi, Lý Thị Minh Châu, Kim Hoa, Nguyễn Miên Thượng, Võ Bá)	52
Khi con vắng nhà (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Một đêm trà đạo (Nguyễn Đông Nhật)	56
Ký ức đồng dao (Linh Lan)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Tâm bình an. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Lâu nay, tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vẫn thường tiếp nhận các bức điện thư hay những cuộc điện thoại từ quý độc giả nêu nhận xét về các bài đã đăng. Riêng trong khoảng hơn mười ngày qua, chúng tôi liên tiếp nhận được các ý kiến đóng góp về một loạt những bài viết vừa đăng trên số báo 203 phát hành ngày 15-6-2014. Những bài được đặc biệt chú ý gồm có “Quan điểm Phật giáo về những thách thức của thế kỷ XXI” của tác giả Thích Giác Toàn; “Lễ tế Âm hồn thất thủ kinh đô 23.5 Ất Dậu” của tác giả Nguyễn Phúc Vinh Ba; “Chính trị và chính nghiệp” của tác giả Nguyễn Cảnh; “Bốn nghiệp pháp: Cá nhân và Quốc gia” của tác giả Nguyễn Thế Đăng; “Nước của những người chưa bao giờ khuất phục” của tác giả Lê Vũ Trường Giang.

Hẳn là giữa bối cảnh thời sự đang nóng bỏng vì việc Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan dầu khí Hải Dương 981 trong vùng đặc quyền kinh tế biển của nước ta và tiếp tục có những động thái mang tính gây sự, vi phạm nặng nề chủ quyền đất nước khiến nhiều vị độc giả đã bức xúc quan tâm đến những bài viết nêu trên, mà trực tiếp hay gián tiếp, đều nói lên tinh thần yêu chuộng hòa bình, lòng yêu nước, quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước và phê phán những hành động sai trái hoặc những âm mưu nham hiểm của những kẻ có tham vọng đất đai, áp đặt lên các quốc gia khác những đòi hỏi quá đáng, đối xử đối trá với đồng loại.

Quả thật, những ý kiến chuyển đến tòa soạn cho thấy quý độc giả đồng tình với cách đặt vấn đề của các tác giả, thẳng thắn, nhẹ nhàng, kiên quyết đồng thời có liên hệ với giáo pháp từ bi và trí tuệ của Đức Phật. Chúng tôi xin cảm ơn quý độc giả và mong quý vị tiếp tục có những nhận định về nội dung của tạp chí.

Hy vọng rằng trong một thời điểm thuận tiện, chúng tôi sẽ dành một trang thường xuyên đăng tải ý kiến quý độc giả về những bài đã đăng.

Tiếp tục mùa An cư, xin thành tâm kính chúc quý độc giả thành tựu công đức cặn sự của hàng cư sĩ.

Văn Hóa Phật Giáo



Do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sinh không sinh khởi và các lậu hoặc đã sinh được trừ diệt.

Trung Bộ - Kinh Tất cả lậu hoặc

Ảnh: Ngô Văn Thông



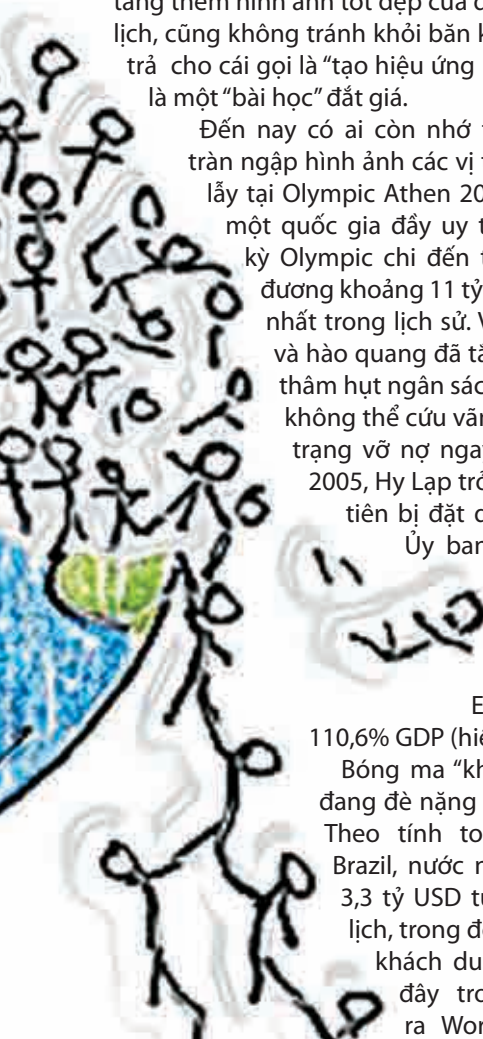
Bài toán nhân sinh

NGUYỄN CÂN

World Cup và người Brazil

Có ai đó từng nói, trong đầu mỗi người dân Brazil đều có một quả banh; vì ở đất nước này, bóng đá là một "tôn giáo". World Cup giờ đây đang diễn ra tung bừng rộn rã. Hàng trăm ngàn du khách đang tấp nập đổ về 12 thành phố lớn nơi có các sân vận động vừa mới xây hay sửa lại. Nhưng các cuộc biểu tình vẫn không ngừng diễn ra trên các đường phố. Ngay trong ngày khai mạc, cảnh sát thành phố Sao Paulo phải dùng đến hơi cay

để giải tán họ. Vì sao? Những người biểu tình nói thẳng rằng 12 tỷ (hay 15?) là một con số quá lãng phí để đầu tư sân bóng cho một tháng tranh giải; cho dù không có tham nhũng đi nữa, một giải thiết không tưởng. Số tiền đó sẽ có ích biết bao nếu dùng xây trường học, bệnh viện, cho các dịch vụ công ích... nói chung là rất nhiều việc, trừ giải trí; dù là dành cho bóng đá, môn chơi mà họ say mê. Đất nước Brazil theo thống kê có đến 20% dân số rất nghèo (khoảng 40 triệu người).



Những người Brazil trung lưu lạc quan nhất dù đang kỳ vọng một kỳ World Cup diễn ra thành công sẽ làm tăng thêm hình ảnh tốt đẹp của đất nước, cải thiện du lịch, cũng không tránh khỏi băn khoăn về cái giá phải trả cho cái gọi là “tạo hiệu ứng hình ảnh” mà Hy Lạp là một “bài học” đắt giá.

Đến nay có ai còn nhớ tới một lễ khai mạc tràn ngập hình ảnh các vị thần kiêu hãnh, lộng lẫy tại Olympic Athen 2004. Hy Lạp khi đó là một quốc gia đầy uy tín, vẻ vang với một kỳ Olympic chi đến tới 9 tỷ euro (tương đương khoảng 11 tỷ đô-la hiện tại), nhiều nhất trong lịch sử. Và rồi khi ngọn đuốc và hào quang đã tắt, còn lại là nợ công, thâm hụt ngân sách khổng lồ, lạm phát không thể cứu vãn. Hy Lạp rơi vào tình trạng vỡ nợ ngay sau Olympic. Năm 2005, Hy Lạp trở thành quốc gia đầu tiên bị đặt dưới sự giám sát của Ủy ban Tài chính châu Âu với mức thâm hụt ngân sách 61,% GDP (gấp 2 lần mức cho phép của Eurozone), nợ công 110,6% GDP (hiện tại là 165,3%).

Bóng ma “khủng hoảng Hy Lạp” đang đè nặng lên người dân Brazil. Theo tính toán của Chính phủ Brazil, nước này có thể thu được 3,3 tỷ USD từ 3,7 triệu khách du lịch, trong đó có khoảng 600.000 khách du lịch nước ngoài tới đây trong thời gian diễn ra World Cup. Tuy nhiên, thực tế lại không như vậy, Hãng hàng không GOL (Brazil) thông báo khả năng có thể sẽ thua lỗ trong tháng Sáu khi số lượng khách du lịch đến vì World Cup không đủ bù đắp cho sự sụt giảm lên đến 70% số khách du lịch kinh doanh.

Theo đánh giá của hãng bảo hiểm tín dụng ICIC, tình hình nền kinh tế của Brazil sẽ không được cải thiện mà còn trở nên trầm trọng hơn. Bất chấp việc các dự án đầu tư liên quan đến World Cup đã giúp tổng sản phẩm quốc nội của Brazil tăng thêm 0,5% nhưng đi cùng với đó là lạm phát tăng 2,5%. Trong khi đó, theo dự báo, tác động tích cực từ các dự án đầu tư này sẽ nhanh chóng tiêu tan sau khi World Cup đi qua, chỉ lạm phát là còn ở lại!

Như vậy, có thể thấy, dù World Cup 2014 hào nhoáng vẫn đang từng ngày diễn ra hoành tráng lung linh trên các sân cỏ, thì người dân và chính quyền Brazil vẫn còn rất nhiều việc phải làm nếu không muốn phải trả một

cái giá quá đắt cho thời kỳ hậu World Cup như Hy Lạp với hậu Olympic.

Phía sau một bức tranh, như người ta nói, là những vết sơn, vết dầu, dấu tay loang lổ... Các sự kiện thể thao, khi tổ chức, người ta hay nói đến những giá trị vô hình nhưng cái mất đi thì lại rất hữu hình: tiền. Có ai hỏi ẩn tượng gì còn lại trong Thế vận hội mùa đông Sochi – một sự kiện còn lặng lẽ hơn nhiều so với World Cup – mà Chính phủ Nga đã tiêu đến 50 tỷ USD? Hay Ukraine đã oằn mình vì Euro 2012 cho đến bây giờ với bao giá đình tiếp tục khó khăn ở đó...

Bao nhiêu tiền cho thể thao và giáo dục là vừa?

Có ai tính đến bài toán nhân sinh khi dự định tổ chức Asiad với số tiền 150 triệu USD (thật ra là 400 triệu USD nếu tính các khoản đầu tư của địa phương)? May sao chính phủ đã từ chối xét đến nhiều lý do và phương diện, dù các quan chức “nội địa” hù dọa là chúng ta sẽ bị cấm cửa tham dự các sự kiện thể thao thế giới. Nhưng Ban Tổ chức Asiad hoàn toàn thông cảm và chấp nhận khi chúng ta rút lui. Người ta hiểu, tham dự cuộc vui hay ngày hội thì lòng dạ phải hân hoan phấn khởi, chứ bán nhà đi đãi khách, mặt như đưa đám, lòng như bún thiêu, thì ai chung vui được! Chúng ta cần nhớ Brazil có GDP trên đầu người là 10.263 USD (một con số rất lớn nếu so với 1.900 USD/người của VN) mà người dân còn phản đối.

Nhưng gần đây vẫn có những con số làm người ta giật mình: 2.300 tỷ cho Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc tại An Giang, 19.500 tỷ phát triển thể thao Hà Nội đến 2020 hay 34.000 tỷ cho cải cách giáo dục... Thử lấy con số 34.000 tỷ xem các vị đầu ngành giải thích ra sao? Ngài Bộ trưởng, khi bị chất vấn, cho biết: “... con số 34.000 tỷ đồng nói trên là tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của các nhóm chuyên gia khác nhau dựa theo các nội dung của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, ước tính không chỉ cho đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông mà còn cho những công việc khác như: Đào tạo lại giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học trên toàn quốc...”. Được giải thích rõ hơn, người ta biết con số 34.000 tỉ đồng xuất hiện khi ngài Bộ trưởng đang đi công tác, chủ trì một cuộc họp quan trọng của Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á ở nước ngoài với vai trò là chủ tịch; con số đó được một đồng chí lãnh đạo cấp vụ của bộ ngồi phía sau trao lên cho đồng chí Thứ trưởng trong một tờ giấy. Ông cũng thật thà: “Thưa Quốc hội, thưa..., anh em dự một cuộc họp quan trọng như vậy, trang nghiêm như vậy nên anh em bị khớp nên đã đọc con số đó, chứ con số đó bộ chưa có bàn bạc gì cả”.

Chưa bàn bạc mà đã có con số. Người Anh có thành ngữ: “Đầu vào tẻ, đầu ra hại” (Garbage in, garbage out).



Nếu không có những tính toán chi li thì khi làm cũng sẽ cầu thả, không biết thừa hay thiếu, và thừa thiếu vì sao, từ khoản mục nào, không rõ. Tiền thuế của nhân dân không thể xài bừa bãi. Phạm làm việc gì cũng phải tính hiệu quả nhân sinh. Nếu biết rằng bao nhiêu doanh nghiệp vất vả, bao nhiêu công nhân, nông dân dài nắng dầm mưa mới sinh ra được “giá trị thặng dư” mà đóng thuế, các quan chức cao cấp phải có trách nhiệm sử dụng tiền ngân sách sao cho hiệu quả cao nhất, ích nước lợi nhà... Không ai cản chi tiền cho giáo dục, thể thao; nhưng nếu như có phương án hiệu quả hơn, sao không làm? Ví dụ như con số nêu trên 2.300 tỷ cho Đại hội TDTT ở An Giang, nếu làm tại Cần Thơ với cơ sở vật chất có sẵn sẽ giảm được 1.000 tỷ như có vị thúc giã đã nêu.

Khi tam độc được định chế hóa

Bài toán nhân sinh không chỉ ứng dụng trong nước mà ở khắp nơi. Đã có học giả nhìn nhận những vấn đề thời đại chúng ta dưới lăng kính nhà Phật và ông nhận ra tam độc đã được định chế hóa, biện minh cho mọi hành vi và dự án của các vị quan chức bằng những mỹ từ. Thực chất ra sao?

Khi lòng tham được định chế hóa

Theo David R. Loy, bất chấp tất cả mọi lợi ích của nó, hệ thống kinh tế của chúng ta đã định chế hóa lòng tham ít nhất là theo hai cách: các tập đoàn không bao giờ có lợi nhuận đủ, và con người không bao giờ tiêu dùng đủ. Để tăng thêm lợi nhuận, chúng ta đã bị quy định vào việc tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống của chúng ta bằng việc mua sắm và tiêu dùng. Hãy xem thị trường chứng khoán hoạt động thế nào? Nó có xu hướng thực hiện chức năng như là một lỗ đen đạo đức làm giảm nhẹ trách nhiệm đối với những hậu quả có thực do lòng tham tập thể gây ra vốn hiện giờ đang cung cấp nhiên liệu cho sự tăng trưởng kinh tế... Cứ như thế chúng ta hy sinh mọi thứ vì lợi nhuận bất chấp môi trường và chất lượng cuộc sống vì sinh quyền thành “tài nguyên” cho ta khai thác còn con người là “nguồn nhân lực”!

Tâm sân hận cũng được định chế hóa

Bỏ sang một bên những chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa quân phiệt. Hàng trăm triệu người đã chết vì chiến tranh các loại trong thế kỷ XX, vì các cuộc

tàn sát nhân danh cách mạng văn hóa, đấu tranh giai cấp... Chỉ nói tới việc chạy đua vũ trang mà nhân loại đang theo đuổi hiện nay lên tới hàng nghìn tỷ USD. Khi Trung Quốc tuyên bố chi 160 tỷ cho ngân sách quốc phòng thì các nước lân bang, dù bé dù nghèo cũng phải thắt lưng buộc bụng trang bị phòng khi hữu sự trước tham vọng bá quyền, chẳng hạn Việt Nam, Philippines cũng phải tiêu ngót nghét vài tỷ USD để mua tàu ngầm, tàu chiến... chưa nói đến những nước lớn hơn như Nhật hay Úc cũng phải lao theo. Dù bản thân người nghèo Trung Quốc vẫn cứ nghèo như họ vẫn được gọi “The Super Power of The Poor” (*Siêu cường của người nghèo*). Buồn thay! Tất cả chúng ta đều công nhận ấy là nhu cầu tự bảo vệ. Vấn đề cơ bản với chiến tranh là cho dù chúng ta là người tốt hay kẻ xấu, nó vẫn thúc đẩy phần tệ hại nhất của chúng ta: chiến đấu dù là tự vệ cũng đều tổn hao nhân lực, tài sản cả phía mình và phía đối phương... Các dự án, các khu quân sự đã định chế hóa lòng sân hận... Có ai băn khoăn nếu số tiền chi cho súng đạn ấy dùng để giúp người nghèo, xây bệnh viện, cấp thuốc thì quả đất này có phải đẹp và bình yên hơn không?

Tâm si mê cũng được định chế hóa

Chúng ta đang sống trong một thế giới giống như giấc mơ. Tại sao thế? Mỗi người chúng ta sống bên trong bọt bóng riêng lẻ của những ảo tưởng vốn bóp méo nhận thức và kỳ vọng của chúng ta...' (David R. Loy – Money-Sex-War-Karma – Notes for a Buddhist Revolution). Tác giả lý luận nhờ vào những quảng cáo, con trai tôi biết khao khát có đôi giày Nike và áo sơ mi Gap mà không biết về việc nó được làm ra như thế nào. Tôi có thể thềm một cốc cà-phê mà không biết về những điều kiện xã hội của những người nông dân đang trồng những hàng hóa đó cho tôi và không có bất cứ ý thức nào về những gì đang xảy ra với môi trường tôi đang sống... Tương tự như khi anh ném tiền nhân dân vào những cuộc chơi lớn nhân danh Olympic hay World Cup mà anh không biết ý nghĩa và hậu quả của nó thì anh nên dừng lại, nhường cho người khác, nước khác, ai có đủ điều kiện hơn anh. *Theo Phật giáo, luân hồi không những là một thế giới của đau khổ mà nó còn là thế giới của ảo tưởng, bởi vì những ảo tưởng là căn nguyên của sự đau khổ của chúng ta...* Tác giả kết luận rằng những đau khổ cá thể và đau khổ tập thể còn tiếp tục gây ra khủng hoảng to lớn về xã hội kinh tế và sinh thái trong thời đại chúng ta chính là những thách thức tâm linh. Những cuộc biểu tình vẫn cứ diễn ra bất chấp Brazil có giành được cúp hay không; vì cái mà người ta muốn kêu gọi là ý thức sẻ chia và lẽ công bình chứ không phải vinh danh sáu lần vô địch (hexa champion) như các anh tuyên bố sẽ đem về. Có ý nghĩa gì khi sau ngày lấy cúp, lũ trẻ vẫn nhếch nhác trên đường với ước mơ cháy bỏng, làm sao bán hết số kẹo trong ngày!

Vậy đó, bài toán nhân sinh là thách thức trước mọi định chế. ■



Nguồn: phanvantu.wordpress.com

Báo chí và tự do

TRẦN VĂN CHÁNH

Bản chất của báo chí là phải được tự do. Suy cho cùng, nếu không được tự do, báo chí sẽ trở nên kém hữu ích, có hại, hoặc thậm chí mị dân. Trong trường hợp này, báo chí không giúp nâng cao trình độ dân trí đủ để người dân nhận thức sáng suốt những vấn đề cơ bản liên quan quyền lợi thiết thân cùng nghĩa vụ của họ, trong bất kỳ xã hội nào đặt nền tảng trên nguyên tắc người dân được quyền làm chủ.

Thomas Jefferson (1743-1826), Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ, người được chọn để dự thảo bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776, đã từng phát biểu một câu rất nổi tiếng liên quan vai trò của báo chí trong đời sống quốc gia: *"Nếu bất tôi phải chọn lựa chúng ta nên có một nền chính quyền không báo chí hay có một nền báo chí không chính quyền thì tôi không hề do dự chọn lựa ngay cái thứ hai"*.

Từ rất lâu, ở nhiều nước trên thế giới, báo chí thường được ví như "cơ quan quyền lực thứ tư" (đệ tứ quyền), nhân tố quyết định để có được một xã hội công bằng, giàu mạnh, và điều xác tín này hầu như không ai có thể nói khác được.

Hơn nửa thế kỷ trước, trong bài báo 10 chính sách Việt Minh viết theo lối diễn ca, cựu Chủ tịch nước Hồ Chí Minh đã từng nói:

*Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Hợp hành, đi lại có quyền tự do.*

Như vậy, quyền tự do báo chí hẳn phải là mục tiêu của mọi cuộc vận động cách mạng để đạt được xã hội dân chủ. Cũng vì vậy mà Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua nhiều lần sửa đổi (với lần sau cùng thông qua ngày 28.11.2013, có hiệu lực từ



Nguồn: tuoitre.vn

1.1.2014) trước sau vẫn khẳng định quyền tự do báo chí, ghi rõ tại Điều 25: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.*”

Tính đến khi Luật Báo chí sửa đổi, bổ sung của Việt Nam ra đời năm 1999 thì ở Điều 2, vấn đề quyền tự do ngôn luận/ báo chí lại một lần nữa được xác nhận rõ thêm: “*Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình. Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, phát sóng.*”

Xét lịch sử báo chí trên toàn thế giới, người ta thấy hai chữ “tự do” luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt thể hiện trong hầu hết nếu không muốn nói tất cả các bộ luật báo chí khắp nơi và từ xưa đến giờ. Marx cũng nói đạo đức của báo chí là tự do, và quan niệm báo chí chính là sự thể hiện cái tinh thần, con mắt và trái tim của nhân dân.

Luật Báo chí năm 1881 của Pháp (áp dụng chung cho cả những nước thuộc Pháp, gồm cả Việt Nam) chỉ là một đạo luật quy định quyền tự do ngôn luận. Theo đúng truyền thống Cách mạng Pháp, các nhà lập pháp năm 1881 cho rằng: “*Con người trung bình đủ lương tri để tự mình phân biệt chân ngụy giữa những mớ tin tức và bình luận trái ngược...!*”

Tuy nhiên trên thực tế, giai cấp thống trị và một số nhà độc tài vẫn thường tìm cách hạn chế báo chí cách này cách khác với đủ mọi lý do. Bất cứ nhà độc tài nào cũng cho rằng chỉ có mình hoặc phe đảng mình mới thực sự nắm vững nguyện vọng của dân chúng và có sứ mạng thực hiện các nguyện vọng ấy theo kiểu riêng của họ; sự bền vững của chế độ là trọng, còn tự do của cá nhân thì không đáng kể. Nhà độc tài Mussolini (người Ý, 1883-1945) đã từng tuyên bố: “*Báo chí là một bộ phận của chế độ và một sức mạnh để phục vụ chế độ*” (la presse est un élément du régime et une force à son service).

Kinh nghiệm thực tế ở mọi nước đều cho thấy báo chí luôn được tự do và cũng luôn bị hạn chế. Chẳng hạn một nước đang tuyên chiến với nước khác thì dù đang theo chính sách tự do cũng không thể để cho nhà báo trong nước tự do xáo động dân chúng đi theo đối phương được. Đó là chính trị, cũng là đời thường, như một lẽ tự nhiên không có gì phải tranh cãi. Điều đáng nói là đôi khi trong thời bình, một số nhà chính trị độc tài cũng tìm cách hạn chế báo chí bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, mặc dù ngoài miệng họ vẫn luôn nói đến tự do và quyền lợi của công chúng. Thường khi đây lại là vấn đề có liên quan đến tầng lớp thống trị đặc quyền như Marx đã từng viết: “*Vấn đề không phải là cần biết có quyền tự do báo chí hay không vì quyền này vẫn có. Vấn đề chính là cần biết quyền tự do báo chí là đặc quyền của một thiểu số cá nhân hay đặc quyền của con người.*”

Trên cơ sở của quyền tự do ngôn luận, báo chí phải đồng thời giải quyết ổn thỏa hai mối quan hệ vừa đối

với công chúng vừa đối với các nhà đương cuộc. Trong quan hệ thứ nhất, tự do báo chí còn là tự do của độc giả có quyền được biết tin tức đầy đủ và chính xác, do vậy nhà báo luôn bị một mối ràng buộc thuộc bản chất nghề nghiệp là không phải muốn dùng tờ báo của mình để loan tin gì cũng được, hoặc muốn nói gì thì nói. Trong quan hệ thứ hai (với chính quyền), vì bản chất nghề nghiệp là phải luôn bênh vực quyền lợi của công chúng, nhất là đối với tầng lớp lao động nghèo khổ bị áp bức, nhà báo luôn coi quyền lợi của nhân dân là luật pháp tối thượng hơn cả mọi luật pháp, và đôi khi còn phải có can đảm phê phán những luật lệ đương thời, hoặc chủ trương, chính sách, hành động sai trái của các nhà chức trách. Ở khắp mọi nơi và từ xưa đến giờ, chưa hề có một nhà báo nào được gọi tiến bộ và được công chúng tin cậy mà lại chỉ chuyên xu phụ tô điểm cho chính sách sai lầm của các nhà cầm quyền. Những nhà báo như vậy đâu đâu cũng bị đặt cho cái tên chung quen thuộc là “bồi bút”, bị thiên hạ xem thường.

Cũng có hạng nhà báo vì cuộc sống cá nhân hay vì nhiều loại lý do khác nữa sẵn sàng phục vụ cho các chính quyền mị dân bằng cách viết những bài báo mà mới xem qua thì có vẻ phê phán kịch liệt những sai trái của các nhà đương cuộc nhưng thực tế lại chỉ dừng đến những phần rìa rìa không thuộc bản chất của những vấn đề cần nghiên cứu giải quyết tận gốc rễ. Điều tai hại này khiến cho một bộ phận dân chúng ngây thơ hồn nhiên tưởng rằng tình trạng tiêu cực của các nhà chức trách sắp bị triệt tiêu rồi mà không dè dặt như vậy chỉ là một cách thông hơi để giúp duy trì lâu hơn cho tình trạng bê bối tiêu cực. Nếu những nhà cách mạng cũng là nhà báo tiên phong tiên bối như Marx, Lenin, Hồ Chí Minh, Nguyễn An Ninh, Cù Thu Bạch, Lỗ Tấn... mà cũng làm báo kiểu đó thì các tầng lớp thống trị đương thời họ chắc chắn sẽ hoan nghênh họ hết sức, và họ cũng không thể góp phần tạo ra những tình huống cách mạng thuận lợi để đấu tranh cho những người cùng khổ.

Ngược lại, mọi chính quyền sáng suốt và vì dân luôn biết lợi dụng báo chí theo một chiều khác để phát hiện và sửa chữa những sai lầm của mình trên căn bản lý thuyết và đường lối, nhờ vậy vừa duy trì được lý tưởng của chế độ vừa tranh thủ được sự ủng hộ và tình cảm chân thực của mọi tầng lớp nhân dân. Lenin thường biết chú ý lắng nghe ý kiến của những người đối lập, thậm chí đọc cả các sách báo của kẻ thù viết về cuộc Cách mạng Tháng 10 ở Nga (năm 1917), và tự nhủ: *“Những người này đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Họ nhắc chúng ta chú ý đến tất cả những sai lầm và hành động nguốc ngoặc mà chúng ta đã mắc phải. Chúng ta phải cảm ơn họ”* (Lenin, *Về văn học nghệ thuật*, NXB Văn Hóa Nghệ Thuật, Hà Nội, 1963, tr.114).

Đã hẳn quyền tự do báo chí là không thể chối cãi, nhưng cái cách thể hiện tự do thì trên thực tế còn tùy

thuộc vào truyền thống dân chủ và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước. Ở nhiều nơi, quyền tự do báo chí đương nhiên được công nhận trên Hiến pháp, nhưng các viên chức có trách nhiệm thực thi trực tiếp thường không chỉ ra được chỗ giới hạn rõ rệt khiến các nhà báo dù có nghĩa khí đến đâu cũng không biết hành động viết lách ra sao cho phải, để vừa không bị chụp mũ (“phản động”, “diễn biến hòa bình”...), vừa không có mặc cảm tội lỗi với công chúng mà vẫn phụ lực được cho các nhà chức trách trong công cuộc hợp tác xây dựng xứ sở. Để khắc phục tình trạng này, các điều khoản ghi trong Luật Báo chí cần phải rõ ràng minh bạch hơn nữa, tuyệt đối tránh những câu chữ mù mờ lưỡng nghĩa mà ai muốn giải thích và bắt chẹt ra sao cũng được. Có luật rõ ràng rồi, nếu ai làm trái luật thì cứ đem ra tòa xét xử.

Tuy nhiên, liên hệ với tình trạng thực tế Việt Nam, cho mãi tới hiện nay, điều khó khăn nhất đối với một nhà báo vẫn là phải luôn suy lường, cảnh giác để xác định đâu là cái lằn ranh hay “vùng cấm” vô hình buộc mình phải tự hạn chế, tự biên tập lấy bài trước khi bị ông tổng biên tập cắt xén vào những chỗ tâm đắc nhất, vì việc này ngoài kinh nghiệm thực tế ra, không có một quy chuẩn hay sách vở, luật lệ nào chỉ rõ. Riêng cái gọi “vùng cấm”, hay thứ tương tự là những “vấn đề nhạy cảm”, trước sau vẫn mờ mờ ảo ảo, như chuyện tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc, trước đây không ai bảo ai bị coi là vấn đề nhạy cảm, thậm chí vùng cấm, nay các nhà báo lại đồng loạt nói huých toẹt ra, bình luận đủ thứ. Giả định cứ để cho được tự do hơn, vấn đề có lẽ đã biến chuyển theo những hướng khác, thuận lợi cho phía Việt Nam hơn, vì dân phải “biết” thì mới “bàn” được, từ đó phát huy quyền làm chủ và tinh thần trách nhiệm, cùng nhau tính kế bảo vệ Tổ quốc.

Một số người vì không muốn vướng vào những sự phức tạp tế nhị như thế đã tự động bỏ nghề, hoặc chuyển qua chỉ viết cho các báo mạng, để cố nói lên các sự thật. Đơn giản bởi vì nhà báo chân chính vốn không chỉ yêu sự thật mà còn phải ra sức bảo vệ sự thật nữa. Đây vừa là trách nhiệm vừa là lương tâm của người cầm bút, thể hiện một cách cụ thể trong quá trình viết lách, hoặc biên tập và quyết định bài vở của người khác, trên cơ sở lấy lợi ích của nhân dân làm nòng cốt mà không hề khuất phục bất kỳ một thế lực nào. Nếu tính trung thực luôn gắn liền với lòng can đảm thì lương tâm và trách nhiệm cũng thế, không thể tách rời nhau được. Vì vậy, lời phát biểu sau đây của nhà báo Pháp nổi tiếng Jean Lacouture được trích dẫn từ bản tiếng Việt của tạp chí *Người đưa tin UNESCO* (tháng 9.1990, tr.13) thật đáng để cho mọi nhà báo suy gẫm, nhân Ngày Nhà báo Việt Nam 21.6 năm nay: *“Nhà báo là một sinh vật có một lương tâm mà không một ông trùm báo chí nào, không một hệ tư tưởng thống trị nào, không một sự đồng lõa với phe đảng nào khuất phục được hoàn toàn”*. ■



Văn tế vua Hàm Nghi

linh hồn phong trào Cần Vương kháng Pháp
(*Nhân 129 năm ngày ban Dụ Cần Vương*)

NGUYỄN PHÚC VINH BA

Hỡi ơi,
Đất khách thân lưu.
Quê nhà hồn mộng.
Vua một nước lưu đầy vì nước, khổ ấy là vinh,
Người hai quê khoắc khoải nhớ quê, chết mà như sống.
Việc bôn tẩu mưu đồ diệt tặc, dân còn ghi cốt khắc tâm minh,
Chuyện bại hư hữu chí vô thời, sử đã chép công bình chính thống.
Thế mới hay,
Đạo nghĩa¹ vốn trường tồn,
Giang sơn là chí trọng.
Suốt muôn đời, gương ái quốc treo cao,
Khắp mọi chốn, tiếng ưu dân truyền rộng.
Nhớ linh xưa.
Bẩm tính thông minh
Giống dòng vương tộc.
Đến cái lúc hoàng triều suy nhược, Nam Kỳ mất rồi Bắc Kỳ² cũng mất, nhường sông cắt đất đã hung.
Gặp phải thời bạch quỷ xâm lăng, chiến phí nhiều thêm bồi phí quá nhiều, đòi nợ réo tiền quá thúc.
Bóng triều ca tà xế tựa chiếu, tứ nguyệt những tam vương³
Mối xa thư vùi rối như tơ, nhất giang mà lưỡng quốc.
Giang sơn binh cách⁴, tang tóc thương vong tràn ngập, quân dân xương máu tươi bời,
Điện miếu đảo khuynh, đổi thay phế truất liên hồi, quan tướng kế mưu hiểm hóc⁵.
Lên ngôi báu tuổi vừa mới lớn⁶, thấy cỏ bèo mà sợ, từ mẫu ngóng theo,
Cầm quyền uy tóc vẫn măng tơ, lên bảo điện còn run, thị thần dẫn bước.
Điện Thái Hoà rộn gót giày sáng đá⁷, nghĩ tới thêm đau,
Cửa Ngọ Môn vang giọng nói lang sa⁸, nghe mà nổ óc.
Nghĩ lễ quàng xiên,
Thánh uy meo mốc.
Than ôi,
Trong đã không yên,
Ngoài thì quá bức.

Đờ Cuốc-xy⁹ ngông nghênh dọa nạt, lâu la đồng đảo, ta cũng nao lòng,
 Hoàng thái hậu¹⁰ mềm dẻo nhún nhường, lễ vật dâng hoàng, chúng càng cậy sức.
 Quan Quận cam tâm sang ra mắt, giặc lại làm kiêu,
 Quan Tướng phần chí thác nằm nhà, mình lo lựa lúc.
 Chốn Tân Sở, sơn phòng đã lập, gạo tiến đồn lũy sẵn sàng
 Nơi Kinh Thành, cai đội đang chờ, gươm giáo đao khiên túc trực.
 Nhìn dân lành dầu sôi lửa bỏng, lòng xót miền man.
 Thấy bọn ác cổ cỡi đầu đề, máu hờn sôi sục.
 Chết vì đất nước cũng đành.
 Sống với địch thù quá cực.
 Đêm Hãm hai, quân ta xuất trận, Tòa Khâm Mang Cá lửa cháy pháo vang,
 Rạng Hai ba, bọn chúng phản công, Thượng Tứ Lương Y đạn vèo lê thúc.
 Dân hoảng hốt đổ xô chạy loạn, lớp chết lớp thương
 Lĩnh kiên gan ào ạt diệt thù, đũa rơi đũa gục.
 Thương ôi! Gậy gộc chống ngăn đạn sắt, kẻ lũng bụng lòi gan,
 Giận thật! Ghe thuyền đánh với tàu đồng, người tan thân vỡ ngực.
 Thôi thôi,
 Hoàng thành bá biệt, trí thơ ngậy nào hiểu được quân cơ¹¹,
 Hiểm địa tị thân, lòng khôn lớn dần nhìn ra thế cuộc.
 Cần vương ban chiếu¹², kêu muôn dân góp sức diệt sai lang,
 Cứu quốc truyền văn, gọi trăm xứ vùng lên tru xâm lược.
 Sơn lam chướng khí, Quảng Trị rồi Quảng Bình Hà Tĩnh, lao đao thân ngọc hao mòn,
 Duyên hải viễn biên, Bình Định đến Thanh Hóa Hưng Yên, chốn chốn lòng son sáng rực.
 Ngược Bắc có Đình Phùng, Thiện Thuật,... máu thề Tây đẫm giáo dân lành,
 Xuôi Nam thì Xuân Thuởng, Trung Đình¹³ gươm quân Việt bêu đầu bọn ác.
 Khi Ấu Sơn khi Tuyên Hóa, chân ngày đi quen ghềnh thác rú rừng,
 Lúc Tân Sở lúc Hương Khê¹⁴, thân đêm ngủ bạn muối mòng sên vắt.
 Dân vì nước, gà trâu heo lúa, bán sạch mà mua súng đánh Tây
 Vua vì dân, đèo ải buôn mường, len khắp cả giương cờ phá tặc.
 Sốt run cầm cập, chí đầu sồn bởi chính nghĩa nấu nung,
 Rét lạnh rẩy run, lòng vẫn ấm vì nhân dân đùm bọc.
 Thương ơi,
 Lương cùng đạn kiệt, quan Tướng đành cầu viện lân bang¹⁵,
 Thế lẻ thân cô, nhà vua bị gian thần phản trắc¹⁶.
 Sa vào tay bạch quỷ vẫn bình tâm thanh thản¹⁷, long uy xui lũ cướp kính vì,
 Chết dưới kiếm phản đồ mà bất khuất hiên ngang, hộ giá¹⁸ để đời sau ngưỡng phục.
 Mẹ đau cũng mặc¹⁹, nhà tan nước đổ, tâm ý nào thăm viếng dưới trên;
 Thầy đến phải chào²⁰, giấy rách lẽ nguyên, lễ nghĩa vẫn giữ gìn sau trước.
 Cờ quân địch tựa như muối xát, mĩa mai chi người đã thất cơ.
 Còi tàu binh nào khác ốt hun, giày vò mãi kẻ đà bại cuộc.
 Tủi thân đón cuộc lưu đày,
 Xa xót đi về đảo giặc.
 Thảm ơi,
 Nghìn trùng thương đất mẹ, từ nay côi cút xứ người,
 Vạn lý nhớ quê nhà, e trọn sầu bi cõi tục.
 Ngàn Thông²¹ đó lâu cao gió thổi, vui chi đâu lòng nghẹn mối căm hờn,
 “Chiều tà”²² đây góc tạm đời thừa, buồn biết mấy dân còn nơi cũ ngực.
 Giữ trang phục, luôn dài đen luôn búi tóc²³, nào có quên thân kiếp sa chân.
 Giết thời gian, khi khắc tượng khi vẽ tranh, cố tìm nguôi nỗi buồn mất nước.
 May mắn thật, nên chồng nên vợ, trai gái nối đôi giòng²⁴.
 Hiếu nghĩa sao, cũng bánh cũng hương, cháu con thờ họ tộc²⁵.
 Năm mươi sáu năm lưu đày vong quốc, tha phương nặng trĩu gánh sầu,
 Bảy mươi tư tuổi thọ mãn phúc phần²⁶, tiên cảnh nhẹ nhàng cánh hạc
 Đất lạ mồ xa gửi xác, lênh đênh An Rế²⁷ lại Lang Sa.

Làng yêu quê mến du hồn, phiêu bạt Cẩm Thành²⁸ qua Thương Bạc.
Nay,
Bùi ngùi bao, tưởng nhớ bậc minh vương.
Cay đắng lắm, xót thương người chính trực
Trời xa mộ lạnh, Tho-nac²⁹ ơi, xin ấp ôm tàn cốt anh hùng
Đất mẹ quê xưa, Huế đô này, tưởng nhớ mãi uy linh thống khốc.
Hoa hương bày biện, truy niệm ân thâm
Bánh trái cúng dâng, tụng xưng tạ hạnh đức.
Hồn hỡi linh thiêng,
Xin về thụ lộc. ■

Chú thích:

1. Đạo làm vua phải lo cho dân, nghĩa làm dân phải lo bảo vệ đất nước (Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách).

2. Theo Hiệp ước Patenôtre (Giáp Thân, 1884), triều đình Huế công nhận sự bảo hộ của Pháp ở cả Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Nam Kỳ thì đã cắt cho Pháp, triều đình Huế chỉ là một hư vị.

3. Trong vòng bốn tháng, ba vị vua (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc) đã liên tiếp bị phế truất trước khi vua Hàm Nghi lên ngôi. Pháp đặt Tòa Khâm sứ ở hữu ngạn sông Hương chính thức bảo hộ Nam triều theo Hiệp ước Giáp Thân. Hồi ấy truyền tụng câu đối “Nhất giang lưỡng quốc nan phân Thuyết/ Tứ nguyệt tam vương triều bất Tường”.

4. Ở Nam Kỳ cũng như Bắc Kỳ, các phong trào kháng Pháp nổ ra khắp nơi gây nhiều tổn thất cho giặc Pháp.

5. Hai Phụ chánh đại thần Nguyễn Văn Tường (Quan Quận) và Tôn Thất Thuyết (Quan Tướng) đã ám hại nhiều người như vua Dục Đức, vua Hiệp Hòa, vua Kiến Phúc, Phụ chánh Trần Tiễn Thành, Hồng Sâm, Hồng Phi... vì họ không theo chủ trương đánh Pháp của hai ông này.

6. Vua Hàm Nghi (1871 - 1944) lên ngôi mới 13 tuổi. Khi có người đưa áo mào đến ngài không dám nhận, và khi bước lên ngai vàng phải có thị thần dìu đi.

7. Đại tá Guerrier và Khâm sứ Rheinart vào Điện Thái Hòa làm lễ phong vương cho vua Hàm Nghi ngày 27.6 năm Giáp Thân (1884).

8. Tháng Tư năm Ất Dậu, Thống tướng De Courcy sang Bắc Kỳ. Tháng Năm, y mang 1.024 quân đi tâu đến Huế, đòi hai quan phụ chánh Tường và Thuyết sang Tòa Khâm trình diện. Giày da của lính Pháp thường được gọi là giày săng đá (soldat: người lính).

9. France (nước Pháp) được âm ra tiếng Việt là Phú-lang-sa, hay còn gọi tắt là Lang-sa.

10. Hoàng thái hậu Từ Dũ lệnh mang lễ sang tặng Thống tướng De Courcy để mua chuộc lòng y, nhưng y không nhận.

11. Theo Nguyễn Quang Trung Tiến trong bài “Vị thiếu niên trưởng thành từ niên thiếu” đăng ở tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ* số 01 (7), 1995 thì khi hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tâu vua lánh đi tị nạn, vua Hàm Nghi bảo “*Ta có đánh nhau với ai mà phải chạy?*”

12. Ra Tân Sở, ông Thuyết xin lệnh vua ra hịch Cần Vương, rồi sau đó ban Dụ Cần Vương kêu gọi sĩ phu và dân chúng nổi lên đánh Pháp, giành độc lập Tổ quốc.

13. Phong trào Cần Vương sôi sục nổ ra khắp nước, tiêu biểu như Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên, Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh, Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi,...

14. Tân Sở (Quảng Trị), Ấu Sơn, Hương Khê (Hà Tĩnh), Tuyên Hóa (Quảng Bình) là những nơi vua Hàm Nghi đã ở lại trước khi bị bắt.

15. Phụ chánh Tôn Thất Thuyết đã để vua ở lại Hà Tĩnh, còn mình đi Quảng Châu cùng Đề đốc Lê Trực, Phạm Tuấn cầu viện Trung Hoa.

16. Suất đội Nguyễn Đình Tín dự được Trương Quang Ngọc đầu thú, rồi dẫn Pháp đến vây bắt vua Hàm Nghi khuya 26 tháng 9 Mậu Tý (1888).

17. Khi bị bắt, nhà vua bình thản chỉ mặt Ngọc quát “*Thà mi giết ta đi còn hơn mang ta ra nộp cho Tây!*”

18. Con trai của ông Thuyết, Tôn Thất Thiệp, lúc ấy đang hộ vệ nhà vua bị đâm chết. Tôn Thất Đạm nghe tin cũng treo cổ tự ái.

19. Khâm sứ Rheinart báo cho vua biết là Thái hậu đang ốm nặng, nếu nhà vua muốn thăm hỏi thì sẽ cho rước về gặp mặt. Vua Hàm Nghi đáp, “*Tôi thân đã tù, nước đã mất, còn dám nghĩ gì đến cha mẹ anh em nữa!*”

20. Dù vua Hàm Nghi làm ngọc, giả như là không phải là vua khiến giặc Pháp hoài nghi không biết có phải bắt nhầm người hay không. Tuy vậy, khi thấy thấy giáo cũ là Nguyễn Nhuận đến xem, Ngài đứng dậy vái chào khiến đã lộ ra chân tướng.

21. Pháp bố trí nhà vua ở tại biệt thự Ngàn Thông (Villa des Pins) trong thủ đô Alger, sau nhà vua cải tên thành biệt thự Gia Long.

22. “Chiều tà” là một bức tranh nổi tiếng của vua Hàm Nghi. Ngài có thiên khiếu về mỹ thuật, điêu khắc và đã vẽ nhiều bức tranh rất đẹp theo trường phái Gauguin. Hàm ý của bức tranh “Chiều tà” có lẽ là cuộc đời êm ả về chiều của một kiếp người bất hạnh chăng?

23. Ở Algerie, nhà vua luôn mặc y phục Việt (áo dài đen, khăn bịt đầu), tóc búi tó, ăn cơm Việt. Dân bản xứ gọi Ngài là ông Hoàng An Nam (Prince d’Annam). Ngài luôn luôn giữ tư cách một nhà vua yêu nước và bất khuất nên chính quyền thực dân Pháp tại Alger tỏ ra rất kính trọng Ngài.

24. Nhà vua lấy vợ người Pháp là bà Marcelle Aimée Léonie Laloe và có ba người con: hai gái và một trai. Đó là công chúa Như Mai, công chúa Như Lý và hoàng tử Minh Đức.

25. Tại nơi lưu đày, nhà vua cho xây Gia Long các hai tầng, có bộ mái tựa như Phu Văn Lâu để thờ vua Gia Long và liệt tổ liệt tông. Ngài tổ chức cúng bái tổ tiên hàng năm ở đây.

26. Trên mộ Ngài có ghi 1871 – 1944, tức nhà vua thọ 74 tuổi ta, và đã ở Algérie tổng cộng 56 năm (1888 - 1944).

27. Ghi âm từ Alger, thủ đô của Algérie.

28. Tử Cẩm thành.

29. Nghĩa trang ở làng Thonac, Dordogne thuộc Pháp nơi hiện nay có mộ vua Hàm Nghi, được cải táng từ thủ đô Alger sang. Vợ con Ngài (ngoại trừ công chúa Như Lý) cũng chôn cất tại đây.

Tâm hoang vu

NGUYỄN KIM

Trong kinh Tâm hoang vu thuộc *Tuyển tập Trung Bộ*, Đức Thế Tôn nhắc nhở các Tỷ-kheo:

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triển phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong pháp luật này, sự kiện này không xảy ra.”

Lời của bậc Giác ngộ xác nhận rất rõ rằng điều kiện tiên quyết cho việc tu học có kết quả của người xuất gia là phải diệt trừ năm tâm hoang vu và đoạn tận năm tâm triển phược. Nói khác đi, người xuất gia muốn có được sự tiến bộ, lợi ích và an lạc trong sự nghiệp tu học giáo pháp giác ngộ của Phật thì cần phải xem xét tâm tư của mình có rơi vào cảm giác hoang mang trống trải và có bị dục vọng chi phối trói buộc hay không để mà khắc phục và vượt qua. Bài viết này chỉ nói về năm tâm hoang vu và giải pháp khắc phục.

Thế nào là tâm hoang vu? Trước hết, hoang vu (*khila*) tức là một khoảng không bao la mà ở đó con người hoàn toàn không tìm thấy phương hướng nào để đi, rơi vào tình trạng hoang mang, tiến thoái lưỡng nan, giống như đoàn lữ hành hoàn toàn đánh mất phương hướng khi đi lạc vào vùng sa mạc hoang vu vậy. Thế nên, tâm hoang vu (*cetokhila*) là một tâm thức hoàn toàn trống trải và hoang mang, không tìm thấy phương hướng, rơi vào nghi ngờ và phân vân, do dự, không quyết đoán, không tự tin, không có đủ tinh táo và sáng suốt trong việc định hướng mọi hành vi của mình, không biết điều gì nên làm hay không nên làm, phó mặc cho cuộc thế xoay vần thế nào cũng được. Đây là trạng thái bất ổn của tâm thức đưa đến lối sống thụ động tiêu cực, mất hết niềm tin và nghị lực, không còn nhiệt tâm, kiên trì và tinh tấn; đời sống trở nên nhàm chán, không thú vị, mệt mỏi, không hân hoan, chán chường, không thoải mái, không an ổn. Sau đây là lời nhắc nhở của bậc Giác ngộ:

“Thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn trừ? Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tinh tấn, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ đối với các đồng phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh



tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm chưa được diệt trừ. Như vậy là năm tâm hoang vu chưa được diệt trừ”¹

Như vậy, Đức Phật đã chỉ rõ có năm lý do khiến cho người xuất gia rơi vào tâm trạng trống trải, hoang mang, không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, không đạt được sự lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong sự nghiệp xuất gia tu học của mình. Đó là nghi ngờ, không có lòng tịnh tín đối với Phật, đối với Pháp của Phật, đối với chư Tăng, đối với các học giới và biểu lộ sự phẫn nộ, chống đối, không có hoan hỷ với các vị đồng tu Phạm hạnh.

Xét năm lý do trên thì rõ là người xuất gia không thể có được bất kỳ sự tiến bộ và trưởng thành nào về phương diện tu học một khi tự để cho mình rơi vào tình trạng nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, nghi ngờ học giới và có thái độ xử sự không hòa nhã đối với các bạn đồng tu Phạm hạnh. Người xuất gia quyết tâm đi theo con đường giác ngộ của Phật mà tỏ ra nghi ngờ đối với Phật, nghi ngờ giáo pháp giác ngộ của Phật, nghi ngờ Tăng thể thanh tịnh tức là nghi ngờ về khả năng giác ngộ của mình, nghi ngờ các học giới tức nghi ngờ về thiện pháp và tỏ ra bực tức đối với chư vị đồng Phạm hạnh thì hoàn toàn mất phương hướng, hoàn toàn không có lý tưởng để theo, không có đường hướng để thực hành, không có mục đích để theo đuổi. Do đâu mà người xuất gia rơi vào tình trạng tâm tư trống trải, hoang mang, nghi ngờ, phân vân như vậy và đâu là biện pháp khắc phục?

Ai cũng biết rằng đối với Phật tử nói chung thì Phật-Pháp-Tăng là biểu tượng cao quý nhất tiêu biểu cho lý tưởng giải thoát mà mọi người con Phật, xuất gia cũng như tại gia, đều nhất tâm hướng tới. Lễ tất nhiên, đó không phải là biểu tượng mang tính thần thánh hóa mà là biểu tượng của hiện thực lịch sử, đáng cho mọi người quan tâm tìm hiểu nghiên cứu để xác chứng về giá trị chân thực. Phật giáo không khuyến khích một đức tin mù quáng, thiếu cơ sở xem xét và khảo chứng thực tế khách quan.

Đức Phật chủ trương giáo pháp của Ngài dành cho người thấy (*passato*) và người biết (*jànato*) với câu nói nổi tiếng *Ehi passiko*, tức là mời bạn đến để thấy. Theo lời Phật thì người ta chỉ nên tin tưởng và đi theo người nào đó hay đường lối của người nào đó sau khi đã tìm hiểu đầy đủ về người ấy, đường lối của người ấy và xét thấy rằng người ấy không có tham-sân-si và đường lối do người ấy giảng dạy không chất chứa tham-sân-si². Hết thấy Phật tử đều thông suốt chủ trương trong sáng này của bậc Đạo sư và vì vậy họ không ngừng tìm hiểu học hỏi về đức năng giác ngộ của Phật, về giáo pháp giác ngộ của Ngài và về nhân cách giác ngộ của chư Tỷ-kheo Tăng, những người nguyện trọn đời đi theo con đường giác ngộ của Phật. Có một điều hầu như bất ngờ khá lý thú thường xảy đến cho những người chuyên nghiên cứu về đạo Phật, đó là càng tìm hiểu tường tận về Phật-Pháp-Tăng, thì lòng tin Tam bảo của các vị này càng được củng cố cùng lúc họ càng mong muốn thực thi lẽ sống giác ngộ hiền thiện của Phật. Học giả Fausboll xác nhận: *“Càng hiểu biết về Đức Phật, tôi càng yêu kính Ngài”³*. Cựu Chủ tịch Hội Pali Text Society, Rhys Davids, thì tâm sự: *“Dẫu là Phật tử hay không, tôi nghiên cứu từng hệ thống tôn giáo lớn trên thế gian, và trong tất cả, tôi không tìm thấy trong tôn giáo nào có cái gì cao đẹp và toàn vẹn hơn Bát chánh đạo của Đức Phật. Tôi chỉ còn có một việc làm là thu xếp nếp sống sao cho phù hợp với con đường ấy”⁴*

Từ những nhận thức trên, ta có thể đi đến nhận xét rằng việc thiếu hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về Tam bảo, Phật-Pháp-Tăng, chính là lý do khiến cho người con Phật nói chung và người xuất gia nói riêng dễ đánh mất lòng tin trong sự nghiệp tu học của mình. Một khi không có lòng tin Tam bảo thì không tha thiết học hỏi lời Phật dạy, không có nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn thực hành giáo pháp giác ngộ của Phật; kết quả là vị Tỷ-kheo không có được sự lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Phật pháp, nghĩa là không đạt được sự tiến bộ về giới đức, tâm đức, tuệ đức. Như vậy, do thiếu hiểu biết về Tam bảo, không tha thiết học hỏi lời Phật, không nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn thực hành pháp giác ngộ của Phật, không đạt được sự lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Phật pháp, người xuất gia rơi vào tâm lý hoang mang, do dự, nghi ngờ đối với Phật-Pháp-Tăng, nghi ngờ các học giới, xử sự không hòa nhã với bạn đồng tu của mình. Đây là năm lý do đưa đến tâm hoang vu hay khiến cho tâm tư trở nên trống trải, hoang mang, luôn luôn dao động, nghi ngờ, mất niềm tin, mất phương hướng, không thích thú, hân hoan, không tha thiết học hỏi hay làm bất cứ việc gì lợi ích tốt đẹp. Người xuất gia mà tự để cho mình rơi vào tình trạng đáng tiếc như thế thì thật là uổng phí chí nguyện xuất gia của mình.

Để ngăn tránh và khắc phục tâm lý trống trải đáng sợ trên, Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo cần phải thường xuyên tìm hiểu sâu về Tam bảo, nỗ lực học tập gương sáng giác ngộ của Phật-Pháp-Tăng, nhận rõ tính chất cao đẹp và lợi lạc của các học giới, thể hiện nếp sống hòa ái với các vị

đồng Phạm hạnh. Một trong số các phương pháp giúp cho người xuất gia nuôi dưỡng lòng tịnh tín đối với Tam bảo là quán niệm về tính chất cao quý của Phật-Pháp-Tăng, tức là nghĩ nhớ về phẩm hạnh giác ngộ của Đức Phật, chiêm nghiệm về tính chất hướng thượng lợi lạc của Chánh pháp, suy niệm về gương sáng đức hạnh của chư Tăng. Bậc Giác ngộ khuyên mọi người thực tập các pháp suy niệm như vậy:

“Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận.

Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận.

Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; ứng lý là hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đời tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.” Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận.”⁵

Bên cạnh việc nghĩ nhớ về công đức Tam bảo có khả năng tạo niềm tin hân hoan cho người xuất gia, giúp cho vị ấy diệt trừ các tâm thái trống trải và phiền não, Đức Phật cũng lưu ý các Tỷ-kheo nên chuyên tâm học tập và hành sâu giáo pháp giác ngộ của Ngài, tức hành sâu về con đường giới-định-tuệ, để tâm tư hoàn toàn không còn rơi vào hoang vu, trống trải, do dự, không quyết đoán, để có được lòng tịnh tín, hân hoan, để phát khởi tâm tinh cần, kiên trì, tinh tấn, để đạt được sự thăng tiến về giới đức, tâm đức, tuệ đức. Có như vậy thì người xuất gia mới thoát khỏi tâm hoang vu, trống trải, mới thực sự lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật của Đức Phật, mới tìm thấy lợi ích an lạc trong sự nghiệp tu học của mình. Nói khác đi, chỉ có chuyên tâm học hỏi gương sáng giác ngộ của Tam bảo, hành sâu về giáo pháp giác ngộ của Phật thì người xuất gia mới không rơi vào khoảng trống hoang vu, mới tạo dựng được lòng tịnh tín đối với Phật-Pháp-Tăng, mới tìm thấy lẽ sống giải thoát an lạc thực sự trong đời sống tu học của mình.

Bậc Giác ngộ từng tuyên bố rất rõ rằng giáo pháp khéo thuyết giảng của Ngài là *thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu*. Chính vì vậy mà bất cứ người nào chuyên tâm học hỏi và hành trì pháp của Phật thì đều nhận được lợi ích an lạc, sinh khởi lòng tịnh tín bất động đối với Phật, Pháp, Tăng. Hẳn nhiên, hơn ai hết, người xuất gia sẽ dễ dàng vượt qua tâm trạng hoang vu trống trải,

thiết lập được lòng tin bất động đối với Phật, Pháp, Tăng, thể hiện nếp sống đức hạnh hiền thiện và biểu lộ tâm thương quý đối với các bạn đồng tu của mình, nếu vị ấy có sự học hiểu đầy đủ về Tam bảo và có sự dốc tâm hành trì giáo pháp giác ngộ hiền thiện của Phật. Vì sao vậy? Bậc đạo sư xác nhận:

“Này các Tỷ-kheo, một đệ tử cần phải đến gần bậc Đạo sư thanh tịnh để được nghe pháp. Vị Đạo sư thuyết pháp cho vị ấy từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương. Này các Tỷ-kheo, tùy theo vị Đạo sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương; vị Tỷ-kheo, tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Vị ấy khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì”. Này các Tỷ-kheo, nếu có người khác hỏi Tỷ-kheo ấy như sau: “Tôn giả có những dữ kiện gì, có những bằng chứng gì để Tôn giả nói rằng: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì?” Này các Tỷ-kheo, muốn trả lời một cách chân chánh, vị Tỷ-kheo phải trả lời như sau: “Ở đây, này Hiền giả, tôi đến yết kiến Thế Tôn để nghe thuyết pháp, Thế Tôn thuyết pháp cho tôi, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng. Này Hiền giả, tùy theo Thế Tôn thuyết pháp cho tôi như thế nào, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng; tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, tôi đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Tôi khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì.”⁶

“Này các Tỷ-kheo, trong một pháp luật khéo thuyết giảng như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các giới luật, sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một pháp luật khéo thuyết giảng, khéo hiển thị, hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị”. ■

Chú thích:

1. Kinh Tâm hoang vu, *Trung Bộ*.
2. Kinh Canki, *Trung Bộ*.
3. Thích Phước Sơn, *Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật*, tr.274, NXB.Văn Hóa-Văn Nghệ, 2013.
4. Bhikkhu Narada, *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, tr.281, NXB.Hồng Đức, 2014.
5. Kinh Những ngày trai giới, *Tăng Chi Bộ*.
6. Kinh Tư sát, *Trung Bộ*.
7. Tiểu kinh Sư tử hống, *Trung Bộ*.



Bài kê Tám Thức Bốn Trí của Lục tổ Huệ Năng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Khi vị Tăng Trí Thông hỏi về Bốn Trí, Lục tổ nói bài kệ:

Đại viên cảnh trí: tánh thanh tịnh
 Bình đẳng tánh trí: tâm không bệnh
 Diệu quan sát trí: thấy chẳng công
 Thành sở tác trí: đồng viên cảnh
 Năm, tám, sáu, bảy quả nhân chuyển
 Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh
 Nếu nơi chỗ chuyển chẳng lưu tình
 Rộn ràng vẫn mãi Na-già định.

“Đại viên cảnh trí: tánh thanh tịnh”. Đại viên cảnh trí là trí như tấm gương lớn tròn sáng. Đây là bản tâm Phật tánh, hay nói theo Lục tổ, là tự tánh mà mỗi chúng sanh đều có. Ở chúng sanh, tấm gương tâm ấy bị nhiễm ô, chứa tất cả những kinh nghiệm của chúng sanh, như gương chứa tất cả hình bóng, và những hình bóng ấy che khuất tấm gương. Còn ở người giải thoát thì vẫn là tấm gương ấy nhưng chẳng bị các bóng làm nhiễm ô, các bóng chẳng “lưu tình”, nên gương vẫn hằng sáng, hằng “vẫn mãi Na-già định”.

Tấm gương ấy chứa giữ tất cả mọi nhiễm ô nên ở chúng sanh thì gọi là thức căn bản A-lại-da hay Tạng thức. A-lại-da thức là Đại viên cảnh trí có ô nhiễm. Duy thức tông nói “chuyển thức thành trí” là chuyển A-lại-da thức bị ô nhiễm

thành Đại viên cảnh trí không ô nhiễm.

Sở dĩ người ta có thể loại bỏ hay tịnh hóa nhiễm ô bởi vì nhiễm ô do duyên sanh nên tạm thời có, không bền vững mãi. Nhất là bản chất của gương vốn trong sáng, không từng bị nhiễm ô. Gương chứa tất cả bóng nhưng gương không nhiễm ô, chẳng có bóng nào in chết cứng vào gương được; có bóng hay không có bóng, gương vẫn hằng trong sạch và sáng chiếu.

Gương ấy, tự tánh ấy, theo Lục tổ vốn là thanh tịnh, không hề bị nhiễm ô: “tánh thanh tịnh”. Tu hành là thấy được tấm gương ấy tánh vốn thanh tịnh, và như thế giải thoát khỏi mọi hình bóng nhiễm ô. Một khi đã chứng ngộ được “Đại viên cảnh trí: tánh thanh tịnh” thì các bóng trong tấm gương đại viên cảnh trí thanh tịnh ấy cũng thanh tịnh.

“Bình đẳng tánh trí: tâm không bệnh”. Tâm không có bệnh phân biệt thương ghét, lấy bỏ... thì đây là Bình đẳng tánh trí. Bình đẳng tánh trí vẫn là tấm gương Đại viên cảnh trí, nhưng nhấn mạnh phẩm tính bình đẳng của tấm gương. Gương thì bình đẳng, phẳng như nhau ở tất cả các bóng, không có cao thấp, xa gần, sâu cạn, dơ sạch, nhiều ít... Tất cả những cái này đều là vọng tưởng, vọng thấy của người không biết tấm gương. Tất cả các bóng đều bình đẳng trong gương vì tất cả các bóng đều là gương.

Mạt-na thức thứ bảy với những bệnh ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái của nó đã tạo ra bệnh khiến thấy gương có nhấp nhô, cao thấp, đến đi, nhiều ít. Hết bệnh thì Mạt-na thức là Bình đẳng tánh trí.

“Điều quan sát trí: thấy chẳng công”. Điều quan sát trí là thấy mà không gia thêm ý thức phân biệt, không có công sức của ý thức phân biệt, bám chấp. Thấy chẳng do công sức như gương sáng đồng thời hiện tất cả các bóng, tất cả các hình tượng mà gương vẫn bất động. Đây là cái mà kinh *Lăng Nghiêm* gọi là tánh thấy. Thức thứ sáu, Ý thức, khi dứt cái nghiệp phân biệt của nó thì chính ngay đó là Điều quan sát trí.

“Thành sở tác trí: đồng viên cảnh”. Năm thức trước, tức là năm thức giác quan, mắt tai mũi lưỡi thân, một khi đã thanh tịnh thì đây là Thành sở tác trí, và Thành sở tác trí ấy chính là Đại viên cảnh trí đang hoạt động nơi các giác quan. Các hiện tượng do các giác quan kinh nghiệm đều thanh tịnh, nghĩa là đều là Đại viên cảnh trí. Như vậy, những sự vật trong cuộc đời sanh tử vô thường này được chuyển hóa thành Chân như, sanh tử biến mất. Các bóng trong gương khi đã thanh tịnh thì các bóng là gương.

Thế nên, Lục tổ nói các thức giác quan đã chuyển hóa thành thanh tịnh, thì các giác quan và các đối tượng của chúng đồng với Đại viên cảnh trí, nghĩa là các tướng đều thanh tịnh, đồng với tánh thanh tịnh.

“Năm, tám, sáu, bảy quả nhân chuyển”. Năm là năm thức giác quan. Sáu là Ý thức thứ sáu. Bảy là thức chấp ngã Mạt-na thức bảy. Tám là thức A-lại-da. Tất cả tám thức được chuyển hóa theo tiến trình nhân quả. Mỗi thức vừa là nhân vừa là quả cho thức khác, như tiến trình duyên sanh. Chuyển hóa là từ gốc đến ngọn và từ ngọn đến gốc.

Nhưng tổng quát thì sự chuyển hóa có hai loại. Với người không biết, vô minh, thức càng chuyển thì lại càng tối tăm bất tịnh. Với người hiểu biết thì thức càng chuyển càng trở thành trí, càng thanh tịnh, an vui. Với người trước thì tánh chuyển thành tướng. Với người sau thì tướng chuyển thành tánh.

“Chỉ dùng danh xưng không thật tánh”. Tất cả tám thức bản tánh vốn thanh tịnh, cho nên chia làm tám thức nhiễm ô thì đó chỉ là danh xưng chứ không thật. Tám thức chỉ có trong chân lý tương đối để dễ dàng thực hành. Còn trong chân lý tuyệt đối chỉ có một vị thanh tịnh, dù tánh dù tướng cũng chỉ một vị thanh tịnh.

Thể của thức vốn là trí, hằng hằng thanh tịnh. Chỉ vì những nhiễm ô tạm thời mà chia làm các thức. Như thế, các thức chỉ có trên danh xưng, chứ các thức không có thật tánh. Bởi vì thật tánh của các thức là trí vốn thường hằng thanh tịnh. Như đại dương chuyển thành các sóng, cả hai đều cùng một vị mặn của đại dương. Như một chất vàng làm ra các thứ đồ dùng, thứ nào cũng có bản chất là vàng. Đã là Phật tánh thì chuyển thể nào cũng là Phật tánh.

“Nếu nơi chỗ chuyển chẳng lưu tình”. Tắm gương luôn luôn có, luôn luôn “chuyển” thành các bóng, nhưng gương vẫn mãi là gương. Mọi sự rắc rối phiền não bắt đầu sanh ra khi nơi có các bóng chuyển thành ấy mà có xúc tình sanh ra, lưu lại, có thương ghét, lấy bỏ, có cái tôi và cái chẳng phải tôi, có cái của tôi và cái chẳng phải của tôi... Có lưu tình như vậy liền có nhiễm ô, phiền não, khổ đau.

“Rộn ràng vẫn mãi Na-già định”. Nếu chẳng gia thêm vào tắm gương với các bóng những xúc tình làm cho méo mó, lộn xộn thì dù các bóng rộn ràng chuyển động xuôi ngược đến đâu, tắm gương tâm vẫn “mãi ở Na-già định”. Na-già là loài rồng, tượng trưng cho bậc Giác ngộ. Na-già định hay Phật định là cái định vốn như vậy từ vô thủy đến vô chung. Đó cũng chính là tắm gương tâm: “Đại viên cảnh trí: tánh thanh tịnh”.

Thực hành là biến những điều trên thành hiện thực, hiện thực hóa (to realize) chúng. Đó là đời sống bất tử và thanh tịnh mà đạo Phật để nghị.

2 Qua bài kệ khai thị về Tám Thức và Bốn Trí này của Lục tổ, chúng ta còn nhận thấy những điều như sau:

Đức Phật đã nói, như đại dương chỉ có một vị mặn, Pháp của Phật chỉ có một vị. Dù về sau Phật giáo có chia thành các tông phái phù hợp với căn cơ người thực hành nhưng các tông phái ấy đều cùng một vị. Một vị ấy là “thật tướng của tất cả các pháp”. Do đó, các tông phái tương thông, hỗ trợ lẫn nhau chứ không chống trái, phủ định nhau. Tất cả tông phái đều cùng một nền tảng mà kinh *Viên Giác* gọi là “nhân địa thanh tịnh bản khởi của chư Phật, cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh”. Từ nền tảng ấy mà có những con đường khác biệt để đi đến cùng một quả Phật.

Nói về Bốn Trí, là một chủ đề lớn của Duy Thức tông, chúng ta còn thấy có Mật tông (Ngũ Trí Như Lai), và ở đây là Thiền tông, và rải rác ở vài tông phái khác. Các tông phái ở trong Một Vị thì không khác nhau. Thế nên, các đại sư của một dòng truyền thừa đều thông hiểu và mở rộng để bao trùm các tông phái khác làm cho Phật giáo càng thêm phong phú.

Trong những lời dạy của Lục tổ trong kinh *Pháp Bảo Đàn*, ngài đã đề cập và trích từ nhiều kinh luận như *Duy Ma Cật*, *Kim Cương*, *Đại Bát Niết-bàn*, *Thành Duy Thức luận*, *Đại Bát-nhã*... Trong kinh này, ngài nói đến nhiều chủ đề của Đại thừa như Ba Thân Phật, Vô tướng, Vô trụ, Vô niệm, Thiền định, quy y, phát tâm, sám hối...

Một vị Tổ của một tông phái là người đã đi vào biển Phật pháp, nên vị ấy thông hiểu sâu rộng để có thể dung thông tất cả các tông phái khác khiến cho chúng sanh được nhiều lợi lạc, như lời nguyện của Bồ-tát: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Lịch sử Phật giáo đã cho thấy rằng tông phái nào đủ bề sâu để mở rộng ra tiếp xúc, bao gồm các tông phái khác thì phát triển được lâu dài với thời gian. ■



Hạnh phúc và Tự do

trong giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer

THÍCH NGUYỄN THÀNH

Dẫn nhập

Người Khmer tiếp nhận tư tưởng Phật giáo từ rất sớm. Theo những phát hiện khảo cổ mới nhất thì có thể tư tưởng Phật giáo ban đầu thâm nhập các vương triều Phù Nam, Chân Lạp và đế quốc Khmer là tư tưởng Đại thừa, chịu ảnh hưởng của vương triều Sailendra trong vùng Nam đảo (Indonesia); trong thời gian này, tư tưởng Phật giáo Theravada cũng đã có mặt nhưng chỉ có tác động trong dân chúng. Vào thế kỷ XII, một vị Tỳ-kheo là Tamalinda – được nhiều nhà nghiên cứu cho là con trai của vua Javavarman VII – đã tham gia đoàn hành hương do các tu sĩ Miến Điện tổ chức đến Sri Lanka và sau đó mang về xứ nhiều kinh điển thuộc giáo phái Theravada. Kể từ thế kỷ thứ XV, trong quá trình suy sụp của đế quốc Khmer, Phật giáo Theravada lần lần trở thành nền tảng tư tưởng của người Khmer và tiếp tục có ảnh hưởng mãi đến sau này.

Từ thế kỷ thứ XVI, những cọ xát giữa Đại Việt, Thái Lan và Cambodia, lúc ấy còn có các danh xưng Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp, đã dần dần làm cho lãnh địa của người Khmer ngày càng bị thu hẹp. Đến cuối thế kỷ thứ XVII thì toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành đất đai của người Việt. Với nền tảng tư tưởng là giáo lý Phật giáo theo truyền thống Theravada, những người Khmer còn tiếp tục ở lại trên vùng đất cũ từng bước hòa nhập vào cuộc sống mới dưới sự quản trị của người Việt và cũng đã có nhiều đóng góp để làm phong phú văn hóa Việt. Một trong những giá trị đó chính là giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer, đã được người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gìn giữ theo kinh điển Pali, gồm trong các bộ kinh Nikaya. Bản tham luận dưới đây sẽ trình bày quan niệm về Hạnh phúc và Tự do theo giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer.

Quan điểm Hạnh phúc và Tự do

Sau khi đế quốc Angkor tan rã, người Khmer tiếp tục chịu những sức ép mạnh mẽ từ phía Xiêm La (Thái Lan ngày nay) và Đại Việt (Việt Nam ngày nay). Các thế lực cát cứ khi phải dựa vào Xiêm, lúc phải nhờ vào Việt để duy trì quyền thống trị khiến lãnh thổ Khmer dần dần bị thu hẹp.

Cuối thế kỷ XVIII, toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành lãnh thổ Việt Nam. Những người Khmer còn tiếp tục định cư trong vùng đã trở thành công dân Việt Nam, cùng chịu đựng với người Việt Nam số phận dân bị trị khi hầu hết vùng Đông Nam Á trở thành thuộc địa của các cường quốc phương Tây. Trong hoàn cảnh đó, người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục gìn giữ truyền thống Phật giáo Theravada mà họ đã thấm nhuần từ vài trăm năm trước. Truyền thống ấy cũng được gìn giữ trong thời gian Việt Nam trải qua hai cuộc chiến tranh Đông Dương hồi giữa thế kỷ XX và từ khi Việt Nam thực hiện được sự thống nhất đất nước vào năm 1975 cho đến nay, kể cả giai đoạn có cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam với Khmer đỏ. Theo từng thời kỳ, và tùy theo hoàn cảnh chính trị thực tế, đã có nhiều tổ chức quy tụ những nhà sư và các vị cư sĩ Phật giáo người Việt gốc Khmer được thành lập để thực hiện việc tu tập, học hỏi và truyền bá giáo pháp Theravada.

Sau năm 1981, mọi tổ chức Phật giáo của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long thống nhất gia nhập Giáo hội Phật giáo Việt Nam dưới danh xưng Phật giáo Nam tông Khmer, xác định rõ một hệ phái Phật giáo lấy tư tưởng Theravada làm căn bản, thực hiện mọi hoạt động tu tập trên nền tảng các bộ kinh Nikaya và truyền thống của người Khmer, dẫn xuất từ kinh điển do ngài Tamalinda đem về từ Sri Lanka hồi thế kỷ XII. Như vậy, quan điểm về hạnh phúc và tự do trong giáo lý Phật giáo Nam tông Khmer chính là những điều được đúc rút từ các bộ kinh Nikaya.

Vấn đề hạnh phúc

Có thể nói rằng mục đích của cuộc sống con người là mưu cầu hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc là gì? Thông thường, người ta nghĩ rằng hạnh phúc là sự thỏa mãn cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, một điều rất rõ là những yêu cầu cần thỏa mãn về vật chất và tinh thần của mỗi cá nhân lại khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cá tính, thời đại... Có người thấy rằng những yêu cầu ấy là tiền bạc, sức khỏe, gia đình, tiện nghi... Lại có người nhấn mạnh đến việc được khen, được yêu, được thực hiện lý tưởng gắn gũi với một đấng Thượng đế... Như vậy thì ý nghĩa của hạnh phúc vẫn chưa phải là ý niệm chung nhất của mọi người và như vậy, chưa có những tiêu chuẩn để đánh giá hạnh phúc. Như đã được ghi nhận bởi các nhà nghiên cứu về hạnh phúc, ngay từ thời cổ đại, triết gia Hy Lạp Aristotle đã rất quan tâm đến việc tìm hiểu những nguyên nhân mang lại hạnh phúc nhưng ông cũng cho rằng sự tiến bộ trong lãnh vực này khó mà đạt được.

Vấn đề tự do

Nói chung, các triết gia hiện sinh phương Tây, như Albert Camus, Simone de Beauvoir... Jean Paul Sartre..., đều đề cao tự do trong hành động. Tự do được quan niệm là tình trạng của một người được phép làm những gì mà người đó cảm thấy là tốt cho mình; tự do cũng là phẩm chất của một người có đủ kiến thức và phẩm hạnh để làm những gì phù hợp với quy tắc đạo đức; và mọi người đều được tự do ngang nhau. Từ những quan niệm trên đã dẫn đến nhận định cho rằng tự do thuộc về bản chất, khả năng của con người. Vấn đề đặt ra là không phải lúc nào con người cũng thể làm bất kỳ điều mình muốn cho dù điều đó không phương hại đến tự do của người khác và sự tự do như thế có mang lại hạnh phúc cho mình hay cho người khác hay không

Hạnh phúc và tự do theo quan điểm của Phật giáo

Với những quan điểm về hạnh phúc và tự do như trên, ta có thể thấy rằng con người tuy khao khát hạnh phúc, mơ ước tự do nhưng họ chỉ có thể đi đến bế tắc. Thật ra, từ trên 2.500 năm trước, quan điểm về hạnh phúc và tự do đã được Đức Phật nêu lên một cách cụ thể, thực tiễn và hoàn toàn có thể đạt được. Những quan điểm đó hiện đang được Phật giáo Nam tông Khmer gìn giữ.

Hạnh phúc và tự do tối hậu theo Phật giáo là Giải thoát, Niết bàn, có nghĩa là thoát khổ, không còn bị mọi sự ràng buộc, là thanh thoát, an vui, vượt khỏi cái ngã hẹp hòi, giả ảo. Đức Phật dạy: *"Nước của đại dương chỉ có một vị là vị mặn. Cũng vậy, Pháp và Luật của ta chỉ có một vị là vị giải thoát"* (kinh Udana, Phật tự thuyết). Nói cách khác, hạnh phúc và tự do chính là trạng thái vô ngã. Trạng thái này ta có thể được trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày trên bước đường mưu cầu hạnh phúc và tự do tối hậu.

Khi tôi làm việc thiện, khi tôi đem cho tài vật của tôi, khi tôi chịu bỏ công lao để giúp người khác tức là tôi đã quên mình, quên cái ngã nhỏ nhen của tôi. Trong kinh Trung bộ, Đức Phật đã phân tích các yếu tố cấu thành một chúng sinh gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức và nêu rõ tất cả những thứ đó đều không phải là một thực thể cố định, không tùy thuộc vào ý muốn của chính nó, nghĩa là không có ngã; và Ngài khuyên các tỳ-kheo, *"Do vậy, này các Tỳ-kheo, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: 'Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi'."*

Phân tích sâu hơn, Đức Phật đặt câu hỏi để các Tỳ-kheo tự trả lời:

"Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?"

"- Là vô thường, bạch Thế Tôn!"

"- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?"

"- Là khổ, bạch Thế Tôn!"

“- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’”

“- Thừa không, bạch Thế Tôn”.

Qua những dẫn dụ khéo léo của Đức Phật, các vị tỳ-kheo nhận biết cụ thể rằng cuộc đời là khổ. Và Ngài dạy, “Thấy vậy, này các Tỳ-kheo, bạch Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: ‘Ta đã được giải thoát’...” Cái ngã được hình thành bằng ngũ uẩn. Ngũ uẩn là con người, là ngã, là khổ (Ngũ uẩn xí thịnh khổ). Thoát khỏi ngũ uẩn là thoát khỏi ngã, thoát khỏi khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, là hạnh phúc, tự do.

Thượng tọa Buddhadasa phát biểu trong cuốn Heartwood of the Bodhi tree (nxb Wisdom, 1994): “Để nói đến cốt tủy của Phật pháp, tôi muốn nêu ra một câu nói ngắn gọn: ‘Đừng để dính mắc vào bất cứ thứ gì’ (Sabba dhamma nalam abhinivesaya). Cũng vậy, Nhà Nghiên cứu Phật học Joseph Goldstein nói thêm: “Có nhiều diễn tả khác nhau về Giác ngộ, nhưng tất cả các truyền thống Phật giáo cùng gặp nhau ở một hiểu biết về những gì giải thoát tâm. Đức Phật đã bày tỏ điều đó một cách rõ ràng, cụ thể: ‘Đừng dính mắc vào bất cứ thứ gì như là ‘tôi’, ‘của tôi’” (One Dharma, nxb Harper Collins, 2003).

Luân hồi, khổ đau là do nghiệp. Nghiệp được hình thành do những hành động có tác ý. Như vậy, giữ gìn ý thanh tịnh, thiện lành thì hành động sẽ thiện lành. Trong hai bài kệ đầu tiên của kinh Pháp cú, Đức Phật dạy: “Ý dẫn đầu các pháp; Ý làm chủ, ý tạo; Nếu với ý ô nhiễm; Nói lên hay hành động; Khổ não bước theo sau; Như xe, chân vật kéo” và “Ý dẫn đầu các pháp; Ý làm chủ, ý tạo; Nếu với ý thanh tịnh; Nói lên hay hành động; An lạc bước theo sau; Như bóng không rời hình”.

Ý ở đây chính là tâm. Thực hành thiền định chính là tìm cách nhận biết tâm, tu sửa tâm và chứng ngộ cái tâm vô ngã. Căn bản cho thiền định chính là Tứ niệm xứ hay Minh sát tuệ (Satipatthana sutta, số 10, kinh Trung bộ), quán sát bốn đề tài: thân bất tịnh, cảm thọ là khổ, tâm thì vô thường, pháp thì vô ngã. Chính thiền định đưa đến trí tuệ, trí tuệ xóa tan vô minh, phiền não, ràng buộc. Vậy trí tuệ cũng chính là hạnh phúc, là tự do. Đức Đạt-lai Lạt-ma 14 khẳng định: “Đức Phật thấy rằng mục đích của cuộc đời là hạnh phúc. Ngài cũng thấy rằng trong khi vô minh trói buộc chúng sinh trong khổ đau, sự hãi thì trí tuệ là sự giải thoát”. (www.dalailama.com).

Hạnh phúc và tự do là trạng thái của một cái tâm vô ngã. Dĩ nhiên, trạng thái hạnh phúc và tự do gồm nhiều cấp độ, từ thấp đến cao, từ chốc lát đến lâu dài... cho đến khi đạt đến mức độ tối hậu: Giải thoát, Niết-bàn. Trong cuộc sống hàng ngày, ta có thể tìm thấy hạnh phúc và tự do trong từng mức độ theo mức độ vô ngã của tâm ta. Đây cũng là nội dung của Phật sự hoằng pháp, của chư tôn trong cộng đồng Tăng-già qua việc giảng pháp, khuyến thiện, qua các nghi lễ, lễ lạc tại các tự viện.

Đó cũng chính là con đường mà những người Phật tử Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long chọn lựa khi họ thực hành Phật giáo Nam tông Khmer; vì lẽ, họ vẫn luôn khắc ghi lời Phật dạy là hãy hành động “*vi lợi ích, vi hạnh phúc của Trời và Người*”. (Mahavagga). Chúng ta có thể thấy được điều đó khi nhận định rằng người Phật tử Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã thống nhất tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam với tư cách hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, sống hài hòa với đồng bào các dân tộc khác, đóng góp vào những giá trị văn hóa Việt Nam bằng những giá trị văn hóa riêng mình qua các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, xã hội... những lễ hội đặc trưng như Chol Chnam Thmay (Mùng năm mới, cầu hạnh phúc may mắn), Sel Donta (tương tự Lễ Vu-lan, nhớ ơn tổ tiên), Ook Om Book (lễ cúng trăng, cầu mưa thuận gió hòa, nhân dân hạnh phúc)... Có khoảng 15 lễ hội lớn mang ý nghĩa Phật giáo thu hút hầu như toàn thể cộng đồng của đồng bào Khmer đều nhằm bày tỏ sự mong cầu hạnh phúc. Cần nhấn mạnh rằng ý nghĩa chủ yếu của tự do ở đây là thái độ của cái tâm vô ngã, là hiệu dụng của các hành động thiện. Do đó các nghi lễ cũng góp phần quan trọng trong việc mong cầu hạnh phúc, niềm vui trong cuộc sống, giải thoát, xa lìa các vương mắc, phiền muộn.

Phật giáo Nam tông Khmer đã khéo léo gìn giữ và thực hiện những lời dạy về hạnh phúc và tự do trong giáo lý Theravada.

(Bài tham luận gửi Hội thảo Khoa học “Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc”, tổ chức tại Kiên Giang ngày 11-6-2014). ■

Tài liệu tham khảo:

1. Kinh Pháp Cú – Hòa thượng Thích Minh Châu.
2. Kinh Trung bộ – Hòa thượng Thích Minh Châu.
3. Kinh Tương ưng bộ - Hòa thượng Thích Minh Châu.
4. Nghi lễ của Phật giáo Nam tông gắn liền với văn hóa dân tộc Khmer. www.phathoc.net.
5. Khái quát về ngày lễ Pchum ben - www.Phatgiaovn.com.
6. Chánh pháp và Hạnh phúc – Hòa thượng Thích Minh Châu.
7. Đạo đức học của Giải thoát – Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn, Tập Văn Phật Đản, số 16, 1991.
8. Lịch sử Phật giáo Nam tông Việt Nam – Đại đức Thích Thiện Minh, www.phatgiaonguyenthuy.com.
9. Giới thiệu sơ lược về Phật giáo Nam tông Khmer – Minh Nga, http://btgcp.gov.vn.
10. Freedom from Buddha Nature – Thanissaro Bikkhu, www.accesstoinsight.org.
11. Happiness and Freedom – Paolo Verne, http://ideas.repec.org.
12. Khmer Buddhist History – Preah Thera Bikkhu Santi, www.cambodianview.com.
13. Buddhism and democracy, www.dalailama.com.
14. Heartwood of the Bodhi tree, Buddhadasa, nxb Wisdom, 1994.
15. One Dharma, Joseph Goldstein, nxb Harper Collins, 2003.

“Vận dụng” Kim Cang

ĐỖ HỒNG NGỌC

Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tác phẩm “Ghi chép lang thang” của tác giả Đỗ Hồng Ngọc do Công ty TNHH Sách Phương Nam gửi tặng; sách do nhà xuất bản Văn hóa Văn Nghệ TP.HCM và Công ty Sách Phương Nam thực hiện. Được sự ưng thuận của tác giả, chúng tôi xin trích đăng bài viết “Vận dụng Kim Cang” in trong tác phẩm trên.

Đề tài “Vận dụng tư tưởng Kinh Kim Cang trong cuộc sống” là một đề tài khó! Thế nhưng Thượng tọa Đồng Bổn và các bạn trong Ban Nghiên cứu Phật học chùa Xá Lợi “đặt hàng” như vậy cho buổi sinh hoạt thường kỳ lần này thì tôi đành phải “thôi kệ” thôi. Nhà tôi ở không xa chùa Xá Lợi mấy, nên thỉnh thoảng qua lại thăm thú truyện trò. Thầy Đồng Bổn có cái bàn thấp nhỏ để trà đàm, lại treo bức thư pháp to trên tường viết hai chữ “Thôi Kệ” nên mọi người vẫn gọi đùa đây là “Quán trà Thôi Kệ”...

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Tu Bồ Đề, một đại đệ tử của Phật, người “giải Không đệ nhất” đã đặt một câu hỏi có lẽ còn vang vọng đến ngày nay, giữa thời đại toàn cầu hóa, thế giới phẳng này: *Làm thế nào để an trụ tâm? Làm thế nào để hàng phục tâm?* (Vân hà ung trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?). Và câu trả lời của Phật hết sức đơn giản: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. (Đừng có trụ vào đâu cả để mà sanh cái tâm!). Đừng trụ vào đâu cả ư? Phải, Huệ Năng, một người gánh củi bán dạo, chỉ nghe lóm một câu kinh này trong *Kim Cang Bát Nhã* mà “đại ngộ”, trở thành Lục tổ sau này. Nhưng để đưa đến một “đúc kết” sắc gọn như vậy hẳn phải có một con đường? Phật trả lời: Dễ lắm! Có bao nhiêu thứ chúng sanh thì diệt độ cho hết, đưa vào vô dư Niết-bàn sạch trơn, thế là xong. Nhưng, diệt độ tất cả chúng sanh mà thiệt ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả! Một câu nói đủ làm choáng váng. Cho nên nhiều người khuyên chớ đọc, chớ tụng *Kim Cang*, sẽ nóng điên người, tẩu hỏa nhập ma! Edward Conze hơn 60 năm trước, dịch *Kim Cang Bát Nhã* sang tiếng Anh, các bạn ông thấy bản thảo kêu âm lên: “Điên rồi, điên hết rồi!”. Nhưng Edward Conze không nghĩ vậy, ông nói *Kim Cang* ứng dụng vào đời sống hay lắm đó chứ!

Giải mã được hai chữ “chúng sanh” và “diệt độ” thì ta có thể hiểu được, hành được *Kim Cang*. Thực vậy, Phật bảo: Chúng sanh không phải là chúng sanh nên mới gọi là chúng sanh (Chúng sanh tức phi chúng sanh thị danh chúng sanh). Cũng với cách nói như vậy, khi Tu



Bồ Đề hỏi tên kinh này là gì thì Phật bảo: Gọi là *Kim Cang Bát Nhã* nhưng không phải *Kim Cang Bát Nhã* nên mới gọi là *Kim Cang Bát Nhã*!

Thì ra cốt lõi của *Kim Cang* là “phá chấp”: chấp ngã và chấp pháp. Phật sợ người ta lại bắt đầu dính mắc, bắt đầu bám víu! Phật nói chẳng có pháp gì cả đâu, chỉ là ngón tay chỉ trăng, chỉ là chiếc bè qua sông. “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” gì gì đó đều sẵn có đó rồi. Vô trí diệc vô đắc. *Kim Cang* dùng cách nói ly niệm, nhằm phá vỡ mọi khái niệm, định nghĩa, vốn dính chặt vào ta những ý tưởng cứng ngắc, thành kiến, gây khổ đau, dẫn đến bao nhiêu là hệ lụy! Krishnamurti bảo khi còn có định nghĩa thì còn có thiếu sót. Ly niệm, phá vỡ thành kiến, phá vỡ khái niệm chính là “phá chấp” để đạt tới chân lý. *Kim Cang* dùng cụm từ “tức phi / thị danh” (chẳng phải / nên gọi là) như một công thức để giúp gột bỏ, để nhìn xuyên qua tướng (biểu kiến) mà thấy thực tướng. Thử áp dụng công thức “tức phi / thị danh” đó vào cuộc sống xem sao nhé: chúng ta sẽ có con mắt khác, như Tôn Ngộ Không, trợn lên thì thấy thực chất của mọi hiện tượng, sự vật (pháp). Bởi vì khi còn dính mắc vào “tướng” (cái biểu kiến), ta sẽ bị đắm chìm trong những cái “tướng” sai quấy, lại tướng thiệt, làm khổ đời mình. Hai thứ “chấp” lớn nhất làm “khô héo” kiếp người là chấp ngã và chấp pháp. *Kim Cang* dạy cách phá vỡ, mở tung hai cái chấp đó ra để được “giải thoát”. Phải nhìn một vật, một hiện tượng, một “chúng sanh” xuyên



qua bờ bên kia của cái tướng của nó, phải thấy được cái thực chất ở bên kia, ở cái đằng sau cái tướng đó. “Ly nhất thiết tướng tức danh chư Phật”. Rồi bỏ được tất cả các tướng đã đáng gọi là Phật rồi! Còn nếu nhìn được xuyên qua cái tướng để thấy *thực tướng* thì đã thấy Như Lai (kiến tướng phi tướng tức kiến Như Lai). Còn nếu cứ bám vào tướng thì ta sẽ luôn sống trong “điên đảo mộng tưởng”: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”! Cái gì hễ có “tướng” thì đều là không thiệt cả!

“Chúng sanh *tức phi* chúng sanh *thị danh* chúng sanh”, chúng sanh *tức chẳng phải* chúng sanh, nên mới gọi là chúng sanh! *Kim Cang* nói vậy. Chúng sanh không phải là chúng sanh như ta nghĩ, mà đó chỉ là những lắp ráp, puzzle, trong điều kiện nào đó, với hoàn cảnh nào đó mà *chúng* “duyên” với nhau, ráp nối lại nhau mà *sanh* ra, nên “tạm gọi là” *chúng sanh*! Như C (Carbon), H (Hydro), O (Oxy) – ba nguyên tố riêng biệt - “duyên” nhau mà khi thì thành rượu, khi thành giấm, khi thì thành đường tùy theo những điều kiện nhiệt độ, áp suất, với một diếu tố (enzym) nào đó! Còn “diệt độ” là đưa qua, là chuyển hóa, là buông bỏ. Cho đến khi thực sự buông bỏ, chuyển hóa hết thì sẽ không còn có

chúng sanh nào sanh ra để được “diệt độ” nữa! Các vị Bồ-tát thường nguyện “Ngày nào còn một chúng sanh thì tôi chưa làm Phật!”.

“Chúng” mà “sanh” ra được là từ tâm, từ niệm. Trần Nhân Tông bảo “Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (trước cảnh mà tâm không dính mắc thì chẳng cần phải hỏi tới thiền chi nữa!). Huệ Năng thì dạy: “Dứt bật trần duyên, chớ sanh một niệm”. Ở đó ta sẽ thấy “bỏ lại diện mục” của mình, thấy cái tâm trong sáng, vàng vạc của Như Lai, một thứ “Tri kiến Phật” mà ai ai cũng sẵn có.

Để phá ngã chấp, để đạt tới trạng thái *vô ngã* thì chỉ có con đường Thiền định là tốt nhất. Chân không, vô ngã... cũng có thể thấy biết qua lý luận, học thuật, nhưng để *thấy biết* một cách rất ráo, để thực “sống” với nó thì Thiền là một phương tiện tốt.

Mãn cảnh giai không hà hữu tướng

Thử tâm thường định bất ly thiền.

(Nguyễn Du)

Kim Cang dạy: Bồ-tát mà còn thấy có ta, có người, có chúng sanh, có thọ giả thì chẳng phải là Bồ-tát! Vượt qua tham ái (thân vô ngã) và chấp thủ (pháp vô ngã)



thì phải chăng đã có thể “thống tay vào chợ”? Nhưng chưa đủ, còn thiếu lòng Từ-bi. Từ-bi mới có thể đưa đến Trí-huệ rất ráo.

Kim Cang nói đến năm thứ con mắt (ngũ nhãn): nhục nhãn (mắt thịt) thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Phật có đủ cả năm thứ con mắt đó, chớ không phải “thoát ly” ở một cõi nào vời xa!

Kim Cang chỉ dẫn con đường thực hành với 6 phương pháp gọi là Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Mà là thứ lục độ “ba-la-mật” (paramitā) nghĩa là ở “bờ bên kia”. Bố thí không phải là bố thí, Trì giới không phải là trì giới... Bố thí ba-la-mật thì không có người cho kẻ nhận, chụp hình, quay phim quảng cáo...

Bát-nhã, phiên âm từ Phạn ngữ Prajñā, mà từ nguyên gồm *Jñā* là hiểu biết, *Pra* là trước. “Trước sự hiểu biết” là cái thấy biết hiện tiền, không thành kiến, không phê phán, không phân biệt...

Kim Cang Bát Nhã còn mở ra vời với những khung trời “nói không được”, những “bất khả tư nghì”!

Hình như tôi có chút... duyên với nhà chùa. Năm 2008 tôi có dịp đến nói chuyện tại chùa Từ Đàm, Huế

về đề tài *Thiền và Sức khỏe* trong Tuần lễ Văn hóa Phật giáo, rồi năm 2010, cũng Tuần lễ Văn hóa Phật giáo tại Nha Trang, các Thầy lại mời. Hồi kỳ này anh muốn nói đề tài gì đây? Tôi thưa, ở Huế đã nói về Thiền và Sức khỏe rồi thì nay xin cho nói về... Sức khỏe và Thiền vậy! Chẳng qua tôi chỉ nói những gì trong lãnh vực mình hiểu biết. Ngay trong Thiền, tôi cũng chỉ khu trú ở thiền Anapanasati, An-ban thủ-ý hay “Nhập tức xuất tức niệm” – quán niệm hơi thở - mà thôi, bởi đây là thứ thiền gần gũi với sinh lý hô hấp và vận hành của tâm. Là một người thầy thuốc, tôi đâu dám lạm bàn những chuyện “thậm thâm vi diệu” khác. Rồi tôi lại được mời nói chuyện ở Thiền viện Vạn Hạnh đôi lần cho các lớp cử nhân, thạc sĩ Phật học, có lần còn đến tận Cần Thơ trong một dịp An cư kiết hạ, rồi một buổi với chương trình Hoa Mặt Trời về đề tài “Đến để mà thấy” ở chùa Hoàng Pháp, rồi lần khác nữa ở chùa Hưng Phước... Gần nhất là buổi nói chuyện về đề tài “Đức Phật, bậc Y Vương” tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, Huế, nhân Phật đản 2014.

Những buổi trao đổi, trò chuyện nơi này nơi khác như vậy với tôi đều là một dịp tốt để học hỏi. ■

Vì sao người Phật tử cúi lạy

SETH ZUIHO SEGALI
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Ngài Simcha Bunim, giáo sĩ Do Thái giáo dòng Hasidic ở vùng Peshischa (Przysucha), Ba Lan, thường nhắc nhở mọi người nên bỏ trong một túi áo của mình một mảnh giấy ghi “thế giới này đã được tạo dựng vì lợi ích của tôi” và bên túi áo kia có mảnh giấy khác ghi “tôi chỉ là cát bụi”. Ngài giáo sĩ đã phát biểu một sự thật liên quan đến sự tồn tại của con người: mỗi cá nhân đều quan trọng, nhưng đừng tự cao.

Tâm lý học phương Tây có một chút cầu kỳ để nói về tính khiêm tốn và sự nhún nhường. Đôi khi, có vẻ như những giá trị lỗi thời đó không còn chỗ đứng trong nền văn hóa của sự tự quảng cáo, của việc xác định quyền hạn và của sự phô trương trong thời đại ngày nay. Vào thập niên 1980, các lý thuyết gia phương Tây nghiên cứu về nhân cách đã đạt tới một thỏa thuận tạm thời rằng “năm nét nhân cách lớn” giải thích hầu hết những biến thái trong nhân cách con người, đó là: 1. Thiên hướng lo xa; 2. Sự cân bằng hướng nội và hướng ngoại; 3. Tính sẵn sàng trải nghiệm; 4. Sự tận tâm; và 5. Tính hòa đồng. Tính khiêm tốn và sự nhún nhường rõ ràng không có một chỗ danh dự nào trong cái mô hình tiêu chuẩn này.

Mới đây, hai nhà tâm lý học người Canada là Kibeom Lee và Michael Aston đã chính thức tìm cách đưa thêm vào cái mô hình “năm nét nhân cách lớn” ấy bằng cách đề nghị sự có mặt của thành tố nhân cách thứ sáu mà họ gọi là Trung thực và Khiêm tốn. Những người có tính trung thực và khiêm tốn luôn luôn tránh việc vận dụng người khác để gạt hái lợi ích cho mình, ít có sự căm dỗ phải vi phạm luật lệ, không quan tâm đến việc đạt được sự giàu có và ít có cảm tưởng về quyền lực để thăng tiến trong địa vị. Ngược lại, những người thiếu tính trung thực và khiêm tốn là những kẻ tự cao tự đại, bị thúc đẩy bởi lợi ích vật chất, bị căm dỗ phải phá vỡ luật lệ để tìm cách cải thiện địa vị của mình, và có thái độ thù đoạn trong những quan hệ với người khác. Điều rất thú vị là tính trung thực và sự khiêm tốn đi đôi với nhau. Trung thực và khiêm tốn nghe có vẻ giống với thành tố nhân cách lý tưởng của người Phật tử: có đạo đức, nhún nhường và không tham lam.

Thành tố trung thực và khiêm tốn trong nhân cách đã trở thành tin tức vào hồi tháng Ba năm 2011 khi các

nhà tâm lý học thuộc Baylor University công bố kết quả nghiên cứu cho thấy các vị giám thị nhân công đánh giá những nhân viên chăm sóc sức khỏe có tính trung thực và khiêm tốn cao hơn những người chỉ đơn thuần hoàn thành công việc mà thiếu trung thực khiêm tốn.

Trong các nền văn hóa Phật giáo châu Á, tính khiêm tốn và sự tôn trọng người khác được thể hiện qua hành vi đơn giản của việc chấp tay vái chào hoặc cúi lạy. Việc chấp tay vái chào được áp dụng ở hầu hết các quốc gia châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam và Ấn Độ.

Có vẻ là rất khó để người phương Tây đánh giá đúng giá trị của việc thực hiện hành vi vái chào hay cúi lạy. Họ thường xem đó là việc vi phạm huấn thị của kinh Thánh chống lại việc thờ cúng ngẫu tượng hay cúi chào trước những hình ảnh được tạc khắc, hoặc liên tưởng đến việc quy phục, chấp nhận những sai biệt về địa vị mang tính cách thiếu dân chủ, quy lụy trước quyền lực và tự hạ mình.

Những ý nghĩa liên tưởng quá rộng này có thể ngăn cản người phương Tây cảm nhận được nét đẹp của việc thực hành vái chào hay cúi lạy. Việc vái chào hay cúi lạy là một hình thức diễn đạt thông qua hành vi. Trong môi trường thiền tập, một người vái chào ngay khi bước chân đến thiền đường, cúi lạy trước ảnh tượng của Đức Phật, cúi lạy vị thiền sư và vái chào tất cả những bạn đồng tu. Môi trường thiền tập là nơi thực sự có nhiều hành vi vái chào cúi lạy hết sức thực lòng. Vậy ý nghĩa của những hành vi vái chào cúi lạy ấy là thế nào?

Đối với người châu Á, việc chấp hai bàn tay lại với nhau hướng về phía người khác là một dấu hiệu thể hiện sự kính trọng, nhưng kính trọng điều gì? Việc cúi lạy trong truyền thống Do Thái - Thiên Chúa giáo là sự thừa nhận quyền uy tối thượng của Thượng đế. Phải chăng việc cúi lạy trước tượng Đức Phật là chấp nhận quyền uy tối thượng của Đức Phật? Phải chăng đó là một hành vi thể hiện lòng trung thành?

Hoàn toàn không. Đức Phật không phải là một vị thần. Ngài không cai trị bất kỳ điều gì, không có toàn quyền về bất kỳ điều gì. Ảnh tượng của Đức Phật là một biểu tượng cho bốn lãnh vực. Những ảnh tượng ấy thể hiện tính toàn thể của sự sinh tồn, khả năng của chúng sinh trong việc đạt tới giác ngộ, những giáo pháp và nguồn gốc lịch sử của những giáo pháp ấy. Khi cúi lạy, ta thể hiện lòng biết ơn trước Đức Phật lịch

sử trong vai trò của một bậc Đạo sư, biết ơn đối với chính những giáo pháp của Ngài, tôn trọng khả năng đạt đến giác ngộ của chính chúng ta, và nhận biết tính nhất như của Sự Sống. Đức Phật không bao giờ tách rời khỏi tính toàn thể của Sự Sống, lại càng không tách rời khỏi chúng ta. Trong việc cúi lạy Đức Phật, ta cúi lạy chính-mình-như-một-phần-của-toàn-thể. Chúng ta nhận biết tính cách nhỏ nhoi của bản ngã, sự rộng lớn của Sự Sống và con đường đạt tới sự giác ngộ.

Có lần Zoketsu Norman Fisher quan sát Đại sư Dainin Katagiri lẩm nhẩm những câu kệ bằng tiếng Nhật Bản trong lúc ngài cúi lạy, những câu kệ ấy được Đại sư Katagiri dịch ra như sau:

Người lạy và người được lạy đều có tính không. Thân thể của một người với thân thể của những người khác chẳng phải là khác nhau. Tôi cúi lạy những chúng sinh đạt tới toàn giác, bày tỏ cái tâm cao thượng và trở về với sự thật không giới hạn.

Tương tự, Ty-kheo-ni Dhammananda ghi nhận:

Điều quan trọng là phải hiểu được ý nghĩa của hành vi nhún nhường này. Khi ta cúi lạy trước tượng Phật, điều đó có nghĩa là ta từ bỏ tính cách quan trọng nơi cái ngã của mình. Chúng ta đặt cái đầu xuống dưới con tim. Chúng ta cúi lạy bằng thân mình, con tim của mình và cả tâm thức của mình nữa. Làm như vậy, ta có được công đức. Khi người đệ tử cúi lạy thầy của mình, chính là người đệ tử có được công đức vì người ấy đã có khả năng từ bỏ cái ngã của mình; trong khi người thầy chẳng được gì cả.

Việc thực hành cúi lạy thầy không phải là sự thừa nhận sự ưu việt hay địa vị sinh tồn cao hơn của người thầy. Đó chính là việc từ bỏ cái bản ngã nhỏ nhoi của ta và là một chứng minh cho sự nhận thức sâu sắc và sự kính trọng đối với toàn thể chúng sinh. Người thầy cũng vái chào trả lại. Theo Đại sư Katagiri, việc cúi lạy hay vái chào là có tính tương hỗ.

Tôn trọng tất cả mọi chúng sinh là nguyên lý cốt lõi của thiền. Đó là một sự thể hiện mà Albert Schweitzer gọi là “sự tôn kính đời sống”. Nhưng điều này còn đi xa hơn thế: chúng ta vái chào ngay cả chiếc bồ đoàn mà chúng ta ngồi. Chúng ta biết ơn, kính trọng và giúp gìn giữ kể cả những vật thuộc thế giới vô tri. Vì mọi sự trong vũ trụ đều có liên hệ với nhau, mọi sự đều cần thiết đối với sự sinh tồn cho cá nhân nhỏ bé của chúng ta. Chúng ta thể hiện lòng biết ơn và sự kính trọng đối với chiếc bồ đoàn, với mặt đất nâng đỡ ta, với những bức tường che chở ta, với không khí mà ta thở, với nước mà ta uống, với quả địa cầu, với mặt trăng và các vì sao.

Bruce Blair, người hướng dẫn tâm linh cho các lớp Phật học ở Đại học Yale và là nguyên viện trưởng tu viện Quan Âm thuộc Trung tâm Thiền định New Haven, có lần cho tôi biết rằng Thiền sư Đại Hàn Seung Sahn vẫn tiếp tục thực hành một trăm lễ tám lạy mỗi ngày vào buổi sáng sớm mặc dù ngài đã ở tuổi ngoài bảy mươi. Bruce hỏi tôi, “Ông có muốn biết tại sao lại là một trăm lễ tám lạy?”

Tôi vẫn biết rằng một trăm lễ tám lạy là con số lành đối với Phật tử, nhưng vì đó là một câu hỏi có ngụ ý nên tôi trả lời, “Vâng, nhưng tại sao?”. Bấy giờ Bruce bảo tôi làm theo ông ấy. Chúng tôi bắt đầu thực hành việc lễ lạy ngay giữa thiền đường của trung tâm thiền New Haven. Bruce đếm lớn tiếng: “một..., hai..., ba..., bốn..., năm...”. Sau con số mười, tôi hiểu được ý định của Bruce. Chẳng có lý do hợp luận lý nào. Không có “ý nghĩa”. Ý nghĩa nằm trong việc thực hiện. Hãy cứ làm đúng như vậy. Bruce và tôi nhìn nhau cười. Sự truyền thông trực tiếp.

Việc cúi lạy là điều tốt cho tâm thức. Ở Ấn Độ, người ta nói “Tôi cúi lạy sự thần thánh nơi ngài”, phù hợp với học thuyết của Advaita Vedanta cho rằng tiểu ngã và đại ngã là một. Trong Phật giáo, chúng ta không thừa nhận điều gì là thần thánh, nhưng nhìn nhận năng lực đạt tới giác ngộ của chúng ta và tính bất nhị của sự sinh tồn. Đó là một sự trao đổi về tâm linh trong đó chúng ta nhận biết tính cách quan trọng độc đáo của từng chúng sinh trong vũ trụ cũng như sự nhỏ bé của cái ngã. Phải chăng đó là điều liễu ngộ của giáo sĩ Simcha Bunim ở vùng Peshicha? ■

Nguồn: *Why Do Buddhist Bow*, Seth Zuiho Segali, The Existential Buddhist, Dharma Without Dogma.



Ảnh: Ngô Văn Thông

Mạn đàm

Thế nào là người Phật tử

TRẦN TUẤN MÃN

1 Định nghĩa ngắn gọn của từ “Phật tử” là “con Phật”, là tín đồ của Phật giáo. Phật giáo là một tôn giáo. Nhưng thật khó định nghĩa tôn giáo là gì khi có khá nhiều định nghĩa từ này ở nhiều sách, nhiều từ điển... vẫn có những giải thích khác nhau. Ý nghĩa tôn giáo hình thành khi có bốn yếu tố như sau: 1. Có một vị giáo chủ có năng lực tối thượng (về đạo đức, về trí tuệ và về các lãnh vực siêu nhiên khác). Vị này là một nhân vật có thật, được lịch sử ghi chép; 2. Vị ấy có để lại lời dạy qua các kinh sách, qua truyền miệng, có hệ thống, có lợi ích cho mọi người; 3. Vị ấy và giáo lý của vị ấy được đông đảo quần chúng tin theo, học tập và thực hiện theo giáo lý ấy; và 4. Có nghi lễ, có cầu nguyện, có màu sắc sùng kính thiêng liêng trong nghi lễ. Nhận định như thế thì có thể có nhiều cộng đồng tổ chức được gọi là tôn giáo sẽ không còn ý nghĩa tôn giáo: Có tôn giáo không có giáo chủ hay giáo chủ có lịch sử rất mơ hồ, lằng lằng khó tin; có tôn giáo không có giáo lý được ghi chép thành văn bản để tín đồ theo đó mà tu tập; có tôn giáo có quá ít tín đồ, v.v. Các tôn giáo này có thể chỉ là những tín ngưỡng hay những triết phái. Phật giáo là tôn giáo có đầy đủ bốn yếu tố trên.

Thế nào là một Phật tử? Hiện nay tại nước ta, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có chủ trương khuyến khích những người tin Phật nên thọ lễ quy y để được cấp phát chứng điệp, nhằm tăng trưởng niềm tin cho họ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ học tập Phật pháp và cũng là để Giáo hội được thuận lợi trong các tổ chức và tiến đến việc thống kê chính xác số Phật tử tại gia. Phật tử là người có chứng điệp quy y Tam bảo, có pháp danh, giữ năm giới căn bản (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời xấu ác và không dùng chất gây nghiện). Thực ra, chứng điệp quy y được cấp cho mỗi Phật tử khởi đầu từ thời Chấn

hưng Phật giáo (khoảng 1920-1930). Trước đó, kể từ khi Phật giáo du nhập nước ta, không thấy tài liệu nào được ghi về việc cấp phát chứng điệp quy y cả. Hiện nay, trong các cộng đồng Phật giáo tại các nước, việc làm lễ quy y và cấp phát chứng điệp quy y cho Phật tử tại gia cũng không phải là phổ biến. Nhiều người tự nhận mình là Phật tử mà không hề được chính thức quy y, được cấp phát chứng điệp; những người này có được gọi là Phật tử không? Nói khác đi, người Phật tử tự tâm nương tựa Tam bảo, thủ trì Ngũ giới, có cần phải được xác nhận bằng chứng điệp quy y không?

2 Đức Phật từng khuyên răn mọi người quy y Tam bảo, giữ gìn Ngũ giới và những ai theo lời dạy ấy thì được gọi là Phật tử. Kể từ đó, và hơn 20 thế kỷ sau, không hề có việc cấp phát chứng điệp quy y. Lại nữa, ngay cả hiện nay, một người tin Phật, tin lời Phật dạy (dù rất sơ đẳng), kính trọng các vị Tăng, vị ấy không có dịp đi chùa lễ Phật nghe pháp, không có chứng điệp quy y, trong nhà không có bàn thờ Phật, nhưng thường làm việc lành, sợ nhân quả nghiệp báo... thì có thể được xem là Phật tử không?

Cũng không lạ gì khi thấy các thống kê của nhiều cơ quan trên thế giới thường sai biệt nhau về con số các tín đồ của các tôn giáo, đặc biệt là về tín đồ Phật giáo. Theo đó, số tín đồ Phật giáo dao động từ 400 triệu đến 500 triệu người, hoặc thấp hơn hoặc cao hơn vài chục triệu. Không biết các nhà thống kê căn cứ vào đâu, có phải chỉ dựa vào thống kê của từng nước, hoặc dựa vào số Phật tử của một số hội đoàn, cộng đồng Phật giáo. Đặc biệt, người ta dựa vào tiêu chuẩn nào để xác định thế nào là người Phật tử?

Tại Việt Nam, trước 1975, các thống kê (cũng không biết dựa vào đâu) bảo rằng tín đồ Phật giáo chiếm 70% hay 80% dân số. Chừng mười năm trước đây,



các tài liệu văn bản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho rằng số tín đồ Phật giáo khoảng 45 triệu, cũng không biết dựa vào đâu. Năm 2009, có cuộc tổng kiểm tra dân số của Nhà nước, đến năm 2010 nêu rõ là 6.802.318 người theo đạo Phật. Chưa đầy 7 triệu, một con số đáng suy nghĩ! Chúng ta còn nhớ tại miền Nam, năm 1975, sau ngày giải phóng thống nhất đất nước, nhiều cán bộ nhà nước tỏ ra khắt khe với tôn giáo nên rất nhiều Phật tử khai rằng mình không có tôn giáo, hoặc đạo Khổng, đạo thờ Ông Bà..., trong khi đó, số người theo Thiên Chúa giáo La Mã thì được ghi vào sổ bộ của giáo xứ từ lúc mới sinh nên sự thống kê là xác đáng. Và đã khai thế thì cứ tiếp tục giữ như thế, cho đến nay số tín đồ Phật giáo chỉ chiếm 6,6% dân số thay vì 70, 80% hoặc 45, 50% như trước đây. Người Phật tử thấy thế có buồn không? Có thông cảm với hàng trăm triệu Phật tử Trung Quốc trong tổng số dân 1,2 tỷ người đã không được thống kê không? Có

tự hỏi Phật tử Việt Nam chỉ chưa tới 7 triệu thì sự đóng góp cho Giáo hội, cho đất nước được bao nhiêu? Có e ngại uy tín của Giáo hội đối với cộng đồng Phật giáo các nước sẽ không được mạnh không?

3 Nghĩ cho cùng thì các Phật tử Việt Nam cũng không nên buồn, hay chỉ nên buồn chút ít vì các thống kê về Phật tử không được chính xác. Hơn nữa, cần nghĩ rằng đạo Phật là đạo của trí tuệ. Những người có trí tuệ cao thì ít, những người có trí thấp thì nhiều. Do đó, số tín đồ đông đảo của một tôn giáo không chứng tỏ được tôn giáo ấy là một tôn giáo tốt. Điều quan trọng là mỗi Phật tử cần nhớ rằng mình không có bổn phận, nhiệm vụ và không cần nỗ lực tìm mọi cách để khuyến dụ, ép buộc, mua chuộc người khác để người khác theo đạo Phật, hay cải đạo để theo đạo Phật. Vì lòng từ bi, vì hạnh phúc của số



Ảnh nguồn: phamxuantuoi.blogspot.com

đông, người Phật tử tìm cách giúp những người khác về vật chất, về tinh thần, làm sao cho họ sống phù hợp với giáo lý của Đức Phật dù họ không phải là Phật tử. Chúng ta hãy nhớ trước kia, nhiều nhà ngoại đạo sau khi được Đức Phật khai ngộ đã xin làm đệ tử Phật, nhưng Đức Thế Tôn từ chối và bảo rằng hãy giữ giáo pháp của mình và thực hành giáo lý đã được khai ngộ. Giáo lý Không vẫn bàng bạc trong Phật giáo, không câu nệ hình thức, không phân biệt Phật tử hay không phải là Phật tử, có quy y Tam bảo hay không.

Mọi người đều biết câu “Phật tại tâm”. Phật ở trong tâm mình. Trong một ý nghĩa khác, quy y Tam bảo chính là tự quy y mình. Cái tâm tưởng niệm Phật, cái tâm tôn trọng những điều thiện, điều hay, cái tâm kính trọng sự tu tập đạo đức trí tuệ của mọi người chính là cái tâm Tam bảo. Trong ý nghĩa này thì quy y Tam bảo chính là tự quy y mình, đúng như lời Phật dạy trong kinh *Đại bát Niết-bàn* của Trường Bộ: “Hãy tự mình là hòn đảo của chính mình” hay “Hãy tự thắp đuốc lên mà đi”. Đại sư Hoàng Bá cũng nói: “Tâm này chính là Phật, không có Phật nào khác nữa, không có tâm nào khác nữa” (*Hoàng Bá truyền tâm pháp yếu*). Bài tụng trong nhiều buổi lễ Phật, đặc biệt là trong lễ thọ Tam quy gồm ba

đoạn ngắn, mỗi đoạn lần lượt được mở đầu bằng “Tự quy y”: “*Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhưt thiết vô ngại*”. Tự đây là tự mình, là từ chính tâm mình. Đương nguyện là tự mình thệ nguyện, lời nguyện khởi lên từ chính tâm của mình. Thuật ngữ Tứ y, tức là nương tựa vào bốn điều được giải thích là: Nương tựa vào Pháp chứ không nương tựa vào người, nương tựa vào Nghĩa chứ không nương tựa vào từ ngữ, nương tựa vào Trí tuệ chứ không nương tựa vào kiến thức, nương tựa vào Kinh đã rõ nghĩa chứ không nương tựa vào kinh chưa rõ nghĩa. Bốn sự nương tựa này là do chính tự mình, không câu nệ, chấp trước vào hình thức bên ngoài.

4 Nhân nghĩ về những tiêu chuẩn không rõ ràng khi xác định thế nào là Phật tử và số lượng người theo đạo Phật mà người viết lạm bàn như trên, chứ cần khẳng định sự cần thiết, ý nghĩa lợi ích và sự thiêng liêng của việc quy y Tam

bảo. Phật dạy: “Ba cõi chỉ là tâm, vạn pháp chỉ là thức”. Thức ở đây cũng chính là tâm. Đã coi trọng chữ Tâm thì phải tăng trưởng cái tâm mình, đưa mình vào cái lãnh vực thiêng liêng của Tam bảo bằng lễ thọ Tam quy Ngũ giới để được an tâm khi nhận ra mình đã chính thức được Tam bảo nhận là Phật tử; nương vào học Phật, Pháp, Tăng; thọ nhận sự dạy bảo, khuyến khích của vị Bổn sư, của chư Tăng Ni và các thiện tri thức, các đạo hữu. Nhận chúng điệp quy y tức là sự thệ nguyện luôn tinh tấn, luôn giữ giới, luôn nỗ lực phát triển trí tuệ và từ bi. Lễ thọ Tam quy Ngũ giới mang ý nghĩa tự lực tinh tấn và tha lực hộ trì. Tự lực và tha lực là sức mạnh khiến ta vững tiến trên đường thoát khổ. Thọ Tam quy, Ngũ giới, được nhận Chúng điệp Quy y chính là thể hiện ý nghĩa quy y (trở về nương tựa), nghĩa là vào ngôi nhà lớn, là cộng đồng Phật giáo, là thành phần chính thức của Giáo hội. Quy y (sarana, saranam) hay quy y Tam bảo (Tiratna saranam gacchami) là vào chỗ trú ngụ, là nơi an trú, là ngôi nhà Phật giáo vậy.

Trong buổi lễ quy y, trong không khí trang nghiêm, thiêng liêng của chốn thiền tự, các hình tượng, pháp khí, hương hoa, ảnh tượng Đức Phật, hình ảnh chư Tăng trang nghiêm, lời kinh, tiếng kệ... tất cả khởi đầu cho sự rung cảm, tin tưởng, chân thành. Rồi giới tử được nghe vị Thầy xướng bài Niệm hương, bài Tán Phật, nghe giảng về Tam quy, về Ngũ giới. Sự xúc động, quyết tâm tu tập càng dâng cao khi giới tử đọc theo thầy: “Xin nguyện suốt đời quy y Phật, xin nguyện suốt đời quy y Pháp, xin nguyện suốt đời quy y Tăng”. Tâm tư trầm lắng, niềm an ổn, niềm tin tưởng, hoan hỷ tràn dâng khi đọc theo Thầy: “Đệ tử quy y Phật rồi thì không đọa địa ngục, đệ tử quy y Pháp rồi thì không đọa ác quỷ, đệ tử quy y Tăng rồi thì không đọa súc sanh”.

Là Phật tử, được cộng đồng Phật giáo, được Giáo hội công nhận, được nhận chúng điệp quy y, há chẳng phải là niềm an ủi, sự an lạc, hạnh phúc sao?

5 Người Phật tử cũng như người đi học các lớp nhà trẻ, mẫu giáo, lớp tiểu học, trung học, đại học, sau đại học... Trình độ Phật pháp, tu tập, hành thiện của những người Phật tử có cạn, có sâu. Khởi đầu cho nhân duyên, tin có Phật, tin lời dạy của Phật là tốt đẹp, tôn trọng chư Tăng... Kế đó là được nghe pháp nhiều hơn, có ý tu tập nhiều hơn, rồi tiến đến mức độ thâm sâu hơn.

Một khi đã tự nhận mình là Phật tử, giáo lý đầu tiên phải học phải hành là Tứ đế, bốn chân lý: khổ, tập, diệt, đạo; tức là nhận biết đời là khổ, nguyên nhân của khổ là sự tham ái; sự chấm dứt khổ; và con đường đưa đến chấm dứt khổ. Con đường ấy gồm tám ngành: kiến giải chân chính, suy nghĩ chân chính, nói năng

chân chính, tạo nghiệp thiện lành chân chính, nghề nghiệp mưu sinh chân chính, tinh tấn chân chính, tưởng niệm chân chính và thiền định chân chính. Đây là Tứ đế và Bát chánh đạo. Từ căn bản này mà tinh tấn cho mạnh mẽ, sâu xa. Từ đấy đi sâu vào việc học tập, thực hành các giáo lý khác của Phật giáo.

Người Phật tử có thể giới quan, nhân sinh quan cụ thể, rõ ràng:

- Về thế giới quan: Nhận biết tất cả mọi sự đều do nhân duyên sinh hay lý duyên khởi. Duyên khởi thì trùng trùng, chằng chịt, liên hệ chặt chẽ với nhau, vô số nhân duyên chứ không hề có sự vật hiện tượng nào do một nguyên nhân cả; nói cách khác, không bao giờ chỉ có một nguyên nhân, hay không hề có nguyên nhân thứ nhất, từ đó sinh ra tất cả các sự vật hiện tượng, tức là không hề có một vị Thượng đế sáng tạo ra vũ trụ, con người và các chúng sanh khác. Do đó, người Phật tử không tin có Thượng đế toàn năng, toàn quyền tạo dựng và quyết định tất cả mọi sự. Người Phật tử cũng lập luận rằng nếu có vị Thượng đế toàn năng, toàn quyền, đầy đủ, trọn vẹn thì vị ấy không cần phải làm gì cả, không cần phải tạo ra gì cả vì ngài đã trọn vẹn, đầy đủ rồi. Nếu vị ấy là toàn năng thì tác phẩm của vị ấy phải toàn hảo, thế mà đời này đầy khổ đau, đầy bất bình đẳng: chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói, kẻ cao sang, người hèn kém... Nếu vị ấy là toàn năng thì tác phẩm của vị ấy được hình thành trong chớp mắt, thế mà vũ trụ luôn có sự biến đổi, sự thành hoại, nhiều hiện tượng, sự việc, nhiều thay đổi đã, đang và sẽ xảy ra trong đời, tức là tác phẩm của Thượng đế vẫn chưa hoàn tất.

- Về nhân sinh quan: Người Phật tử tin vào nhân quả, nghiệp báo, luân hồi cho nên ý thức được trách nhiệm của mình về các hành động của mình, từ đó làm lành, chống dữ. Tin vào giáo lý nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, người Phật tử tôn trọng, thương yêu đồng loại, thương yêu tất cả chúng sanh, người và mọi loài vật, vì biết rằng từ trong vô thi đến nay, các chúng sanh đã từng bao nhiêu lần là cha mẹ, anh chị, vợ chồng, con cái của nhau. Người Phật tử đối xử bình đẳng, không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, sang hèn, thương yêu tất cả, kể cả kẻ thù vì tin rằng mọi chúng sanh đều có Phật tính và thông cảm, chia sẻ khổ đau, vui buồn với mọi người vì tất cả đều đang chịu khổ đau khi hiện hữu trên đời này.

Quan điểm chung nhất của người Phật tử là: Cuộc đời là khổ, vô thường, vô ngã; tam độc tham, sân, si là gốc của khổ đau. Từ đó, nỗ lực diệt trừ tam độc, tinh tấn tu tập để tiến đến giải thoát khỏi khổ đau, giải thoát tối hậu, Niết-bàn. Biết được đời là khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường diệt khổ, người Phật tử không bi quan, trái lại rất lạc quan, vững tiến trên con đường đạo, con đường của từ bi và trí tuệ. ■

Hãy soi gương mỗi ngày

ĐỖ LIÊN

Lời tòa soạn: *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* vừa nhận được tập sách ảnh “Vượt qua bóng tối” do nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Thế Phong gửi tặng. Chúng tôi xin được đăng tải bài viết “Hãy soi gương mỗi ngày” của tác giả Đỗ Liên, Lãnh sự danh dự Cộng hòa Nam Phi tại TP.HCM, in ở đầu sách để thay lời giới thiệu.



Vươn lên trong cuộc sống đối với một người bình thường đã khó. Bởi cuộc sống là bài toán luôn ở phía trước mà người ta phải tự tìm lời giải cho riêng mình, nhưng để thỏa mãn mọi đáp số thì không hề bằng phẳng. Lời giải có thể có được nhưng chưa hẳn hay chưa hề dễ dàng, hiện thực như guồng máy “nhấn tâm” nghiền nát mọi ước mơ. Và với những người tật nguyên thì sao? Đương nhiên cuộc sống đã đặt họ vào thế khó. Mọi ước mơ đều chênh vênh trong cái riêng là tật nguyên và trong cái chung đó là sự thua thiệt. Mặc cảm bản thân luôn thường trực trong họ. Nén được những mặc cảm để bước tới, hay ôm mặc cảm để vui giập mọi khát vọng bản thân luôn nằm trong chủ quan của họ. Ai sẽ đồng cảm nắm tay họ vượt qua, mang họ đi cùng với ước mơ và khát vọng của họ. Điều đó chỉ có những con người thực sự yêu, thực sự thấu hiểu

và thực sự đặt mình vào hoàn cảnh của họ để chia sẻ, để đồng cảm, không có định kiến, không có cái nhìn dị biệt, không phải lòng thương hại, sự ban ơn. Mà đó là sự đồng điệu, những kiếm tìm sức mạnh mới ngoài họ, lấy khuyết tật để soi vào khuyết điểm của mình. Và từ đó cuộc sống đã bay lên với những khát khao mới.

Ngắm 108 bức ảnh nghệ thuật đen trắng “Vượt qua bóng tối” chân thực, sinh động như thước phim quay chậm, tôi nghĩ nhiều hơn đến 108 số phận đang khắc phục hoàn cảnh, đang nỗ lực phi thường vượt qua nghịch cảnh giữa cuộc sống thường nhật. Và chính các em đã cho tôi một nghị lực sống, khởi lên trong tôi niềm tự hào, một hân hoan ngầm, một ý chí không nói thành lời, một cảm kích mà chỉ có tôi khi đứng với thế giới nội tâm của riêng tôi lại chợt nghĩ về điều đó và là nguồn động viên âm thầm không diễn đạt bằng lời với tôi.

Tôi hiểu có nhiều em suốt cả cuộc đời sống trong bóng tối bởi sự vô tình của tạo hóa, sự bất công của số phận, nhưng nụ cười hồn nhiên luôn tỏa sáng, khát vọng sống luôn bùng cháy trong mỗi khoảnh khắc. Tinh thần lạc quan đó không dễ gì người lớn chúng ta có được.

Đây là lần đầu tiên bộ ảnh về các em học sinh Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu được nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Thế Phong thực hiện. Triển lãm là bức thông điệp yêu thương hướng về ngày Khuyết tật Việt Nam 18/4. Có lẽ là phải xem thôi chứ nói nhiều vẫn không hết ý, và hoàn toàn không truyền đạt đủ dung lượng cảm xúc của những tâm hồn trong trẻo của các em qua từng khoảnh khắc bấm máy.

Những tác phẩm trong triển lãm ảnh cá nhân lần thứ sáu này của riêng tác giả thể hiện một bề dày kinh nghiệm, chứa đựng những tình cảm yêu thương qua những nỗi trãi của riêng anh. Tha thiết giữa người và người, lan tỏa những nhắc nhở kêu gọi, những hỏi sinh tâm hồn trên tinh thần nhân ái. Qua triển lãm, người xem thấy được khó khăn phải vượt qua, thử thách vẫn đợi chờ. Không ai có thể sống và nói tôi đã vượt qua khó khăn và không ai có thể nói tôi hoàn toàn sống riêng lẻ, tách biệt. Như những nắm tay để diu dắt nhau đi vì tình thương yêu, sự san sẻ làm cho con người gắn bó với nhau hơn. ■



Nhà thơ Võ Quê đang giới thiệu các tiết mục ca Huế thính phòng.

Vài nét về Bảo tàng Văn hóa Huế

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Bảo tàng Văn hóa Huế (23-25 Lê Lợi, TP.Huế) là một viện bảo tàng mới ra đời ở Huế, được UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế ký quyết định thành lập vào ngày 9/7/2012 theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND. Kể từ đó đến nay, Bảo tàng đã có những hoạt động trưng bày, triển lãm, quảng bá sâu rộng đến với người dân và du khách.

Mãn nhãn với bộ sưu tập đao kiếm chiến trận

Ông Trần Đức Anh Sơn, Tiến sĩ lịch sử chuyên ngành khảo cổ học, nguyên Giám đốc Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế, hiện là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, kiêm Tổng Biên tập Tạp chí *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng* đã ghi trong sổ lưu niệm của Bảo tàng Văn hóa Huế rằng: “Chúc mừng Bảo tàng Văn hóa Huế đã bắt đầu khởi động trưng bày về Huế. Hy vọng từ lịch sử sẽ tiến đến trưng bày về văn hóa Huế đúng như tên gọi của Bảo

tàng. Hy vọng bảo tàng sẽ trưng bày và mở cửa thường xuyên hơn để Huế thực sự có thêm một địa điểm văn hóa dành cho du khách và cư dân địa phương”.

Ngoài những hiện vật quý hiếm như cổ vật Sa Huỳnh, cổ vật Chăm-pa, cổ vật thời Trần – Lê, cổ vật thời Nguyễn..., Bảo tàng Văn hóa TP.Huế hiện đang trưng bày chín thanh kiếm của nghĩa quân Tây Sơn.

Cố đô Huế từng là kinh đô của triều đại Tây Sơn với vị vua Quang Trung - Nguyễn Huệ có công lao hiển hách trong việc tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Nguyễn – Trịnh – Lê thống nhất đất nước và kháng chiến chống năm vạn giặc Xiêm La (1785), 29 vạn giặc Mãn Thanh (1789) thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, nên việc trưng bày vũ khí chiến trận của nghĩa quân Tây Sơn tại một bảo tàng mới thành lập như Bảo tàng Văn hóa TP.Huế đã thu hút được sự quan tâm lưu ý của nhiều nhà nghiên cứu văn hóa – lịch sử Huế và những du khách tham quan bảo tàng.



Du khách và người dân Huế đến xem triển lãm “Phú Xuân – Huế từ đô thị cổ đến hiện đại”.

Anh Nguyễn Văn Cương, chuyên viên Bảo tàng Văn hóa TP.Huế cho chúng tôi biết: Chín thanh kiếm này được ông Lâm Zũ Xênh, một nhà sưu tầm cổ vật ở tỉnh Quảng Ngãi, trao tặng khi bảo tàng thành lập vào cuối năm 2012. Và bảo tàng đã trân trọng gọi đó là “Bộ sưu tập đao kiếm chiến trận thời Tây Sơn”. Đây cũng là một trong những bộ hiện vật quý giá nhất của Bảo tàng Văn hóa TP.Huế hiện nay.

Được biết, sau nhiều năm cất công sưu tầm, ông Lâm Zũ Xênh đã có được hàng trăm hiện vật vũ khí chiến trận Tây Sơn và ông đã hiến tặng một phần các hiện vật này cho các bảo tàng quân đội, bảo tàng các tỉnh Lâm Đồng, Bình Định, Vĩnh Long, Thừa Thiên - Huế.

Nghe ca Huế đúng chất, đúng điệu

Lâu nay ca Huế thường được biểu diễn trên sông Hương nhằm phục vụ khách du lịch là chủ yếu. Song đáng tiếc là hiện nay hiện trạng ca Huế trên sông Hương đã có những dấu hiệu bất thường như đã và đang bị “thương mại hóa” trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Bắt đầu từ tháng 8/2013, Bảo tàng Văn hóa Huế đã tổ chức chương trình ca Huế thính phòng. Nhà thơ Võ Quê, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên – Huế, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Ca Huế - Phú

Xuân cho biết việc diễn ca Huế thính phòng trong một không gian phù hợp như thế này là ước mơ từ rất lâu của Câu lạc bộ Ca Huế - Phú Xuân và những ai thực sự yêu ca Huế. Tại đây, những bài bản lớn của ca Huế như Nam ai, Nam bình, Phú lục... sẽ được trình diễn một cách chuyên nghiệp và có chất lượng cao bởi các nghệ nhân đàn và những nghệ nhân ca Huế lớn tuổi không còn phục vụ du lịch nhưng vẫn thừa đủ khả năng trình diễn những làn điệu ca Huế cổ và khó.

Được biết, họa sĩ Trần Thanh Bình, giảng viên Trường Đại học Nghệ thuật Huế, con trai của đạo diễn Văn Lang, đã cất công thiết kế sân khấu biểu diễn ca Huế tại Bảo tàng Văn hóa Huế trong một thời gian khá dài và được giới chuyên môn đánh giá là khá bài bản và thể hiện đúng tinh thần của loại hình ca Huế thính phòng.

Bên cạnh biểu diễn ca Huế, Bảo tàng Văn hóa Huế còn trưng bày những bức ảnh về lịch sử của ca Huế như “Ban nhạc đồng ấu triều Nguyễn”, “Ban nhạc Đại Nội triều Nguyễn”, “Ban nhạc cổ truyền ca Huế tại Sài Gòn”; chân dung các nghệ nhân đã cống hiến lớn lao cho ca Huế như Trần Kích, Trần Hữu Ba, Minh Mẫn, Thanh Hương, Nguyễn Cẩn, Tôn Thất Toàn, cô Nhơn...; các nhạc cụ ca Huế từng được các nghệ nhân sử dụng biểu diễn (đàn nhị, đàn bầu...) và các sách vở tư liệu viết về

ca Huế như “Ca Huế và ca kịch Huế” (Văn Lang), “Khúc tri âm”, “Khúc ca xuân” (Võ Quê), “Tìm hiểu ca Huế và dân ca Bình Trị Thiên” (Văn Thanh), “Một hồi ức của một người cháu về một ông đội Nhã nhạc Nam triều” (Nguyễn Đắc Xuân), “Tiếng hát sông Hương” (Ung Bình Thúc Giạ Thị), “Sáng tác lời ca Huế dân ca” (Minh Hải).

Ông Huỳnh Đình Kết, Giám đốc Bảo tàng Văn hóa Huế cho biết mục đích việc tổ chức các đêm diễn về sau là nhằm đưa ca Huế trở lại sinh hoạt truyền thống, đồng thời tạo điều kiện cho các nghệ nhân, nghệ sĩ có tâm huyết, hoạt động lâu năm trong lĩnh vực ca Huế có cơ hội bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể của Huế, đồng thời tạo ra một điểm nhấn từng bước mời gọi khách đến với Bảo tàng.

Triển lãm về chủ quyền biển đảo đầu tiên tại Huế

Tại triển lãm “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử” diễn ra tại Bảo tàng Văn hóa Huế vào tháng 9/2013, vấn đề chủ quyền biển đảo Việt Nam đã được chứng minh một cách rõ ràng thông qua bản tấu trình của Bộ Công về việc đi khảo sát đo đạc ở Hoàng Sa trong châu bản triều Nguyễn, ngày 2/4 nhuận năm Minh Mạng thứ 19 (1838); tư liệu Quan Bố chính sứ tỉnh Quảng Ngãi là Đặng Đức Thiệm tấu trình xin trừ các hạng thuế trên thuyền đi phục vụ các công vụ ở Hoàng Sa trong châu bản triều Nguyễn ngày 19/7 năm Minh Mạng thứ 19; Sắc chỉ triều Nguyễn (năm Minh Mạng thứ 15 - 1834) liên quan đến đội Hoàng Sa của tộc họ Đặng ở xã An Hải (Lý Sơn - Quảng Ngãi) được lưu giữ hơn 170 năm qua hay hình ảnh cửa đình của Triều Nguyễn có khắc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đặc biệt, sách giáo khoa “*Khởi đồng thuyết ước*” dùng trong các trường học thời Tự Đức thể hiện bằng hình vẽ và ghi chú đầy đủ về Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Việt Nam được xem là tư liệu có một giá trị chứng minh mạnh mẽ về chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Bên cạnh đó, cũng phải kể đến hai tờ châu bản có bút tích Ngự phê của vua Bảo Đại nhà Nguyễn (trị vì từ năm 1926 đến năm 1945) viết trên giấy cỡ 21,5 x 31cm với nội dung liên quan đến việc ban thưởng cho các cá nhân, tổ chức có công trong việc gìn giữ quần đảo Hoàng Sa, được nhà nghiên cứu Phan Thuận An lưu giữ và một tờ văn bản được lập năm Quý Hợi 1743 (cách đây hơn 250 năm) của làng Mỹ Lợi, viết trên giấy dó, có nội dung xử lý một vụ kiện giữa phường Mỹ Toàn - nay là làng Mỹ Lợi và phường An Bằng - nay là làng An Bằng về việc nộp thuế vô tàu khai thác sản vật liên quan đến Hải đội Hoàng Sa... Có thể nói, những tư liệu lịch sử này đã thể hiện và chứng minh một cách khoa học về chủ quyền và việc thực thi chủ quyền không thể chối cãi được của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.



Ông Huỳnh Đình Kết, Giám đốc Bảo tàng Văn hóa Huế tại triển lãm “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử”.

Mặt khác, những tư liệu, bản đồ của các nước phương Tây và do Trung Quốc công bố từ thế kỷ XV đến thế kỷ XX cũng thể hiện sự nhất quán, liên tục, có giá trị khoa học, thuyết phục, chứng minh một sự thật lịch sử rằng Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Đặc biệt, nhóm bản đồ do Trung Quốc công bố ở nhiều lĩnh vực hành chính, khai thác dầu mỏ, giao thông vận tải... đều dừng lại ở địa phận đảo Hải Nam, tuyệt đối không có Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Chẳng hạn, bốn tập Atlas *Trung Quốc địa đồ và Trung Quốc bưu chính du đồ* do Trung Quốc phát hành vào các năm 1908, 1919 và 1933 chứng minh biên giới cực Nam của Trung Quốc chỉ giới hạn đến quần đảo Hải Nam, không có Hoàng Sa, Trường Sa. Điều này góp thêm bằng chứng khẳng định chủ quyền của Việt Nam về Hoàng Sa và Trường Sa là một sự thật hết sức hiển nhiên.

“Tò điểm” thêm cho Festival Huế 2014

Trong khuôn khổ Festival Huế 2014 vừa qua, Bảo tàng Văn hóa Huế đã tổ chức hàng loạt các chương trình nghệ thuật, trưng bày, triển lãm. Đó là triển lãm mỹ thuật của họa sĩ ba miền Bắc - Trung - Nam “Sắc màu lần thứ V” (10 - 15/4); trưng bày Kimono Nhật Bản (10 - 20/4); trưng bày Áo dài Việt của các nhà thiết kế Minh Hạnh, Sĩ Hoàng, Lan Hương (12 - 20/4) trưng bày Gốm nghệ thuật Minh Long (12 - 20/4); triển lãm “Những cánh bay Việt Nam” với 150 con diều đủ thể loại, màu sắc của các câu lạc bộ diều trong cả nước (12 - 15/4); triển lãm gần 100 tư liệu, văn bản, hiện vật cổ về sự hình thành và phát triển của đô thị Huế với chủ đề “Phú Xuân - Huế từ đô thị cổ đến hiện đại” (13 - 20/4); triển lãm bộ ảnh với chủ đề “Niềm vui của người lao động trên khắp đất nước Việt Nam” của nữ nghệ sĩ nhiếp ảnh Nhật Bản Teruyo Iwahori (12 - 20/4).

Bên cạnh đó, ca Huế thính phòng cũng được biểu diễn tại Bảo tàng vào lúc 17h30 các ngày 15/4 và 18/4 trong kỳ Festival Huế đầu tiên tôn vinh ca Huế. ■



Tìm hiểu nghi lễ cúng voi của người M'Nông

Bài & ảnh: MAN ĐỨC HUY & NGUYỄN THỊ LAN

Nhắc đến núi rừng Tây Nguyên huyền thoại với bao nhiêu điều bí ẩn được lưu truyền qua nhiều đời đồng bào dân tộc, người ta liên tưởng ngay đến voi, vì lẽ các dân tộc ở Tây Nguyên vốn nổi tiếng trong việc săn bắt voi rừng. Đặc biệt, từ xa xưa, người M'Nông ở Bản Đôn đã có nhiều kinh nghiệm trong việc thuần dưỡng voi rừng, biến loài động vật có vú to lớn này thành vật nuôi trong nhà, sử dụng chúng trong việc vận chuyển đường rừng hữu hiệu và có khi dùng làm chiến tượng trong các cuộc tranh chấp bộ lạc. Hằng năm, vào tháng Ba âm lịch, lễ hội đua voi được đồng bào M'Nông tổ chức tại khu rừng quốc gia Yok Đôn hay bên dòng sông Serepok nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ, niềm tự hào dân tộc về sức mạnh của con người chiến thắng thiên nhiên. Người M'Nông ở Tây Nguyên tôn thờ voi tương tự một số dân tộc khác cũng tôn thờ một loài vật to. Họ quan niệm rằng voi với sức vóc mạnh khỏe, to lớn chính là hiện thân của sức mạnh vô địch của buôn làng, bộ tộc mình. Ngoài ra, voi còn được xem là vật đại diện cho niềm tự hào của gia tộc về sức mạnh và sự sung túc, giàu có; vì trên thực tế, chỉ có những gia đình M'Nông giàu có mới nuôi voi được thuần dưỡng từ voi rừng.

Đặt voi lên một vị trí trang trọng trong đời sống văn hóa tinh thần như vậy nên người M'Nông vẫn duy trì nhiều tín ngưỡng thờ cúng cũng như các lễ hội có tính chất đề cao loài sinh vật này; cũng chính là đề cao niềm

tự tôn của bản làng, bộ lạc. Bên cạnh lễ hội đua voi đặc sắc, hàng năm, người M'Nông còn có lễ hội cúng sức khỏe cho voi, người bạn thân thiết mà Giàng – nghĩa là ông Trời – đã ban cho họ. Xét về mặt ý nghĩa, đây là nghi lễ được tổ chức nhằm mục đích cầu thần linh ban ơn cho chủ nhà có voi và những con voi được nuôi trong nhà. Khi lễ cúng được tổ chức, đối tượng của buổi lễ không chỉ có voi của chủ nhà mà còn nhắm đến tất cả đàn voi trong buôn làng. Thời gian tổ chức nghi lễ cũng không cố định; trong một năm, chủ voi nào có điều kiện thì sẽ tổ chức một buổi; hoặc có khi phụ thuộc vào các chủ voi khác trong buôn, tùy theo tình trạng sức khỏe của voi và công việc sử dụng voi. Đây là một trong những nghi lễ quan trọng được cả cộng đồng tham gia với nhân vật chính là những chú voi trong cộng đồng.

Như trên đã nói, lễ cúng voi nhằm cầu thần linh ban ơn cho voi và chủ voi; nhờ vậy mà chủ voi cùng gia đình có sức khỏe dồi dào, mùa màng bội thu, nương rẫy tươi tốt, cuộc sống no đủ để chăm lo cho đàn voi khỏe mạnh; voi có sức khỏe tốt để phục vụ con người trong lao động sản xuất, bảo vệ con người, luôn trung thành với chủ. Người M'Nông quan niệm có ba vị thần tối cao luôn che chở cho con người và loài vật, đó là:

- Thần Yang Tel là vị thần cai quản đất đai, phù hộ cho nương rẫy màu mỡ, hoa màu tươi tốt, mùa màng bội thu, cây cỏ xanh tươi quanh năm để có nguồn thức ăn dồi dào cho đàn voi của buôn, dõi theo voi dù voi đi

đâu hay làm việc trong rừng, đặc biệt là những chú voi mới được thuần dưỡng chưa lâu.

- Thần Yang Bri là ông trời, vị thần tối cao trong các vị thần theo quan niệm người M'Nông. Ông trời ban cho mưa thuận gió hòa, bảo vệ mùa màng, rừng núi, sông suối, con người và động vật.

- Thần Yang Tráp Gấp Uôn là vị thần cai quản dân làng và của cải, vật nuôi. Vị thần này phù hộ cho con người và vật nuôi luôn gắn gũi, trung thành với nhau, vật nuôi không phản chủ, không phá hoại mùa màng.

Nghi lễ cúng voi được người M'Nông ở Tây Nguyên tổ chức trang trọng trong vòng ba ngày, mỗi ngày lễ mang những màu sắc tâm linh riêng:

1 Ngày lễ thứ nhất

Cúng cỗ buồn (*troe bang jang*) để thể hiện lòng biết ơn đối với người đã khuất, mời các linh hồn về chứng giám. Nghi lễ thường được tổ chức vào buổi sáng. Lễ vật trong ngày này gồm một con heo, một ché rượu cúng cỗ buồn và một ché rượu khác để cúng ông bà. Sau khi lễ vật đã chuẩn bị xong, thầy cúng rót rượu vào sừng trâu và ống tre cúng cỗ buồn. Sau khi cúng cỗ buồn, thầy cúng trở về nhà gia chủ cúng tổ tiên; bấy giờ, gia chủ tiến hành mổ heo để làm lễ vật cúng. Trong khi làm lễ, tất cả các thành viên trong gia đình không được ai vắng mặt. Thầy cúng đọc lời cúng được có ý nghĩa như sau:

*"Hỡi thần cai quản, thần phù hộ
Người cha sinh ra, người mẹ nuôi nấng
Đàn ông cho nhiều mật, cây ra nhiều quả
Tôi gọi thần cây sung, cây đa
Thần quản muôn thú, thần sinh ra con người
Sinh con trai, con gái
Sinh con trai biết xử phạt, sinh con gái biết đẻ con
Mai này làm cho dân làng vui vậy
Biết bắt chước người cha chú đi trước
Làm theo ông bà ngày xưa".*

Khi dứt lời cầu nguyện, thầy cúng dâng chén đồng đựng rượu và lấy cái tẩu thuốc với ý nghĩa mời các linh hồn đã khuất vào nhà hút thuốc, uống rượu. Sau đó, người thầy cúng lần lượt mời ông bà, chú bác, chủ nhà và khách khứa dự tiệc để lòng quý mến, sự gắn bó chặt chẽ trong gia đình và cộng đồng.

2 Ngày lễ thứ hai

Cúng sức khỏe cho chủ nhà (*Vật sak gal sak jan*) với mong muốn chư thần linh bảo vệ cuộc sống con người, bảo vệ mùa màng và của cải, vật nuôi. Thành phần tham dự có tất cả chủ voi trong buôn và các thành viên trong gia đình để chứng kiến nghi lễ với quan niệm cầu mong cho chủ voi có đủ sức khỏe để nuôi dưỡng đàn voi mạnh khỏe, trung thành. Lễ vật trong ngày thứ hai này gồm bốn ché rượu – trong đó có ba ché lần lượt dâng cúng các vị thần Yang Tel, Yang Bri và Yang Tráp Gấp Uôn –, một con heo, một mâm cơm nếp cùng với gạo để nấu cơm, nấu

cháo. Sau khi rượu được đổ vào đầy các ché, dàn chiêng tấu một bài khai lễ để báo cho mọi người đến dự. Trước sự chứng kiến của đầy đủ dân làng, thầy cúng bắt đầu tế lễ. Lời cúng trong ngày thứ hai có ý nghĩa như sau:

*"Hỡi thần cai quản linh hồn đã khuất
Cai quản linh hồn ông bà chú bác
Cơm mang cho ăn, nước đem cho uống
Ở trong hang giữ con cháu yên lành
Đầy rượu ché bỏ, heo thiến dâng lên cho các thần
Cho linh hồn ông bà chú bác đã khuất".*

Nghi thức cúng lễ xong, thầy cúng mời chủ nhà uống rượu trước, kế đến là người vợ của chủ nhà và con cái trong nhà; sau đó mọi người trong buôn cùng uống để cùng chia vui với chủ nhà.

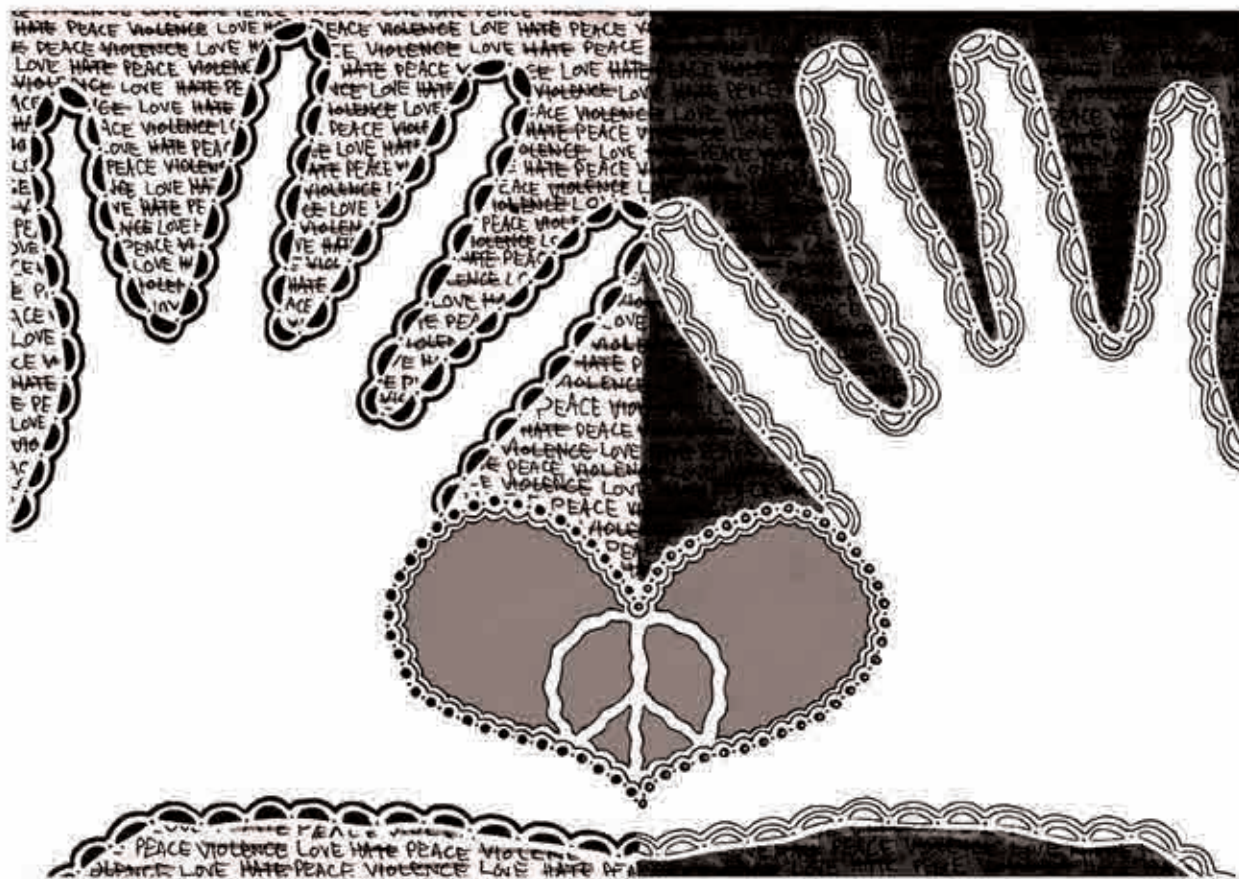
3 Ngày lễ thứ ba

Cúng sức khỏe cho voi (*Vật yo gan jan*) được tổ chức trước hiên nhà có voi, tất cả các con voi, nài voi, chủ voi trong buôn đều đến. Lễ vật trong ngày thứ ba cũng gồm có bốn ché rượu như ngày thứ hai, bên cạnh đó còn có vật tế là một con heo ba gang, gạo, rau quả để nấu cơm đãi khách. Lễ vật, ché rượu được bày trước hiên nhà, thầy cúng ngồi trước hiên nhà thực hiện nghi lễ. Ý nghĩa lễ cúng nhằm đuổi những điềm gở, điềm xấu đến với mỗi người trong gia đình và vật nuôi. Lời tế trong ngày lễ cúng voi như sau:

*"Làm cho con khỏe kéo cây gỗ, ăn lá rừng
Kéo cây làm xà dọc, xà ngang, làm cột nhà to chắc
Nếu con trai người ta nhắc trong chòi
Nếu con gái người ta nhắc trong nhà
Nhắc đến mỗi miệng, mỗi cằm
Cho thần quân buôn nghe
Nhắc cho ông bà xưa nghe
Cùng hút chung một ống điếu,
uống rượu chung một cần
Để có sức kéo cày làm xà, cây cột nhà
Để nhà cao bằng núi, cho nhà dài bằng sông".*

Thầy cúng dùng huyết vật tế lễ bôi lên đầu những con voi; nài voi điều khiển voi đến bôi huyết theo độ tuổi với ý nghĩa thể hiện sự trung thành giữa voi và người, để các thần linh ngăn cản và chỉ bảo đàn voi không phá hoại mùa màng, hoa màu của con người làm ra. Sau khi nghi thức cúng hoàn tất, chủ nhà mời tất cả các chủ voi, nài voi và mọi người dân làng đến dự một buổi tiệc ăn mừng, mọi người cùng chúc tụng đến tận tiệc.

Cùng với hội đua voi, lễ cúng voi là một trong những nét đẹp lâu đời còn được người M'Nông nói riêng và đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên nói chung gìn giữ, đóng góp vào nét đặc sắc và phong phú trong kho tàng văn hóa dân gian của dân tộc ta. Tìm hiểu những nét đẹp, nghi lễ cũng như phong tục của lễ hội dân gian này góp phần giúp chúng ta hiểu thêm về văn hóa, quan niệm tín ngưỡng lâu đời của người M'Nông, một trong 54 dân tộc anh em trên đất nước ta. ■



Sân hận hai thân

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Triết lý nhà Phật có khái niệm chỉ ba thứ xấu ác đối với thân tâm chúng ta là tam độc. Gọi là tam độc vì đó là ba thứ luôn chực chờ xuất hiện trong mỗi con người, dù là Phật tử, dẫn đến phiền não và che lấp tuệ giác. Tam độc đó chính là tham sân si. Trong tam độc, sân là loại rất nguy hiểm vì không chỉ gây hại cho chúng ta mà gây hại nặng nề cho người khác.

Sân cũng chính là sân hận và gây hại từ mức nhẹ đến nặng. Sân thuộc loại nhẹ là tức giận. Tức giận hay còn gọi thịnh nộ, phẫn uất, là thái độ bất bình với những gì xâm phạm "cái tôi" luôn mong muốn sở hữu, thỏa mãn, phóng đại. Tức giận luôn luôn là mất khôn, được ví là đốm lửa nhỏ có thể thiêu hủy khu rừng thương yêu rộng lớn bạt ngàn. Tức giận có thể là thái độ thoáng qua không tồn tại lâu nhưng cũng có thể kéo dài bùng nổ thành hận thù. Hận thù là chỉ muốn làm hại người khác và đây chính là sân loại nặng. Sân loại nhẹ và nặng vừa kể gọi chung là sân hận. Phật giáo xác định mọi sân hận đều là phiền trước, khiến rất khó đi đến giác ngộ.

Ngày nay, xã hội càng phát triển, càng tiện nghi thì con người lại càng dễ sân hận. Chính vì sự tiện nghi của xã hội ngày càng nhiều nên con người càng chịu nhiều áp lực để sở hữu được chúng, cũng như để phóng đại "cái tôi" luôn ham thích khoái lạc. Chỉ cần một chút chuyện băng quơ, một vài điều nhỏ nhặt chạm đến "cái tôi" cũng làm cho người ta sân hận đến điên cuồng. Đôi lúc chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ cũng dẫn đến cãi vã, gia đình tan nát, anh em bất hòa, bạn bè hiềm khích, kể cả người đứng gặp trên đường, rồi đánh nhau và cả giết người... Ngày nào trên các phương tiện truyền thông đại chúng mà không đưa tin chém lộn, giết người chỉ vì một câu nói hơn thua, một cái nhìn ẩn ý gọi là "nhìn đều"! Đó là sân hận gây hại người khác, còn sân hận hại thân chúng ta như thế nào? Bài viết xin đề cập đến sân hận ảnh hưởng cực kỳ xấu đến cơ thể con người mà ít người biết đến.

Sân hận hại thân như thế nào?

Sân hận đối với các nhà y học chính là một dạng stress nhưng là stress thuộc loại nặng.

Stress là những áp lực về mặt tâm lý. Và nguyên nhân là những biến động trong gia đình, trong xã hội, trong môi trường... tác động lên con người gây mất cân bằng để bị các áp lực tâm lý đó. Đáp ứng của con người bị stress là cảm thấy có “sự căng thẳng”, và sự căng thẳng đó dẫn đến tình trạng mất cân bằng, thể hiện trong cơ thể bằng những biến đổi sinh học, sinh lý nhằm đối phó lại các biến động gây các áp lực vừa nêu.

Ta cần lưu ý, stress không phải luôn luôn là xấu nếu là loại nhẹ (như bị áp lực vì phải thi cử và phải thi đậu). Với liều lượng vừa phải, chính stress giúp ta có sự hưng phấn, cảnh giác, tập trung cao độ để đối phó lại tình huống không thuận lợi (như học thi đàng hoàng thậm chí học ngày học đêm, tận tâm và nỗ lực để thi đậu). Do con người luôn sống trong môi trường có những tác nhân xâm phạm, đặc biệt các tác nhân xâm phạm về mặt tinh thần, tâm lý; thì chính nhờ stress mà ta có những phản ứng cần thiết để đối đầu với các tác nhân xâm phạm đó; ta sẽ có những suy nghĩ tích cực, tìm cách làm chủ thực tế, quyết tâm giải quyết khủng hoảng đó và thường là thành công trong việc vượt qua stress.

Tuy nhiên, nếu stress cứ lặp đi lặp lại và ta không làm chủ được nó, không thích ứng với những biến đổi do nó đưa đến, đặc biệt là ta bị sản hận bám chắc dai dẳng, cơ thể ta sẽ bị rối loạn về mặt thể chất và tâm thần.

Nhiều nghiên cứu khoa học đã chứng minh khi bị stress nặng như sản hận, cơ thể có những biến đổi mà những biến đổi này có thể trở thành nguy cơ gây bệnh như sau:

- Khi sản hận, có sự tăng tiết hormon (nội tiết tố) như các *glucocorticoid* và *adrenalin* ở tuyến thượng thận (tuyến nằm trên 2 quả thận) làm cho mạch máu co lại, giữ natri và nước lại trong cơ thể làm bài tiết ít nước tiểu đưa đến tăng huyết áp. Vì vậy, người sản hận thường xuyên dễ có nguy cơ bị tăng huyết áp, từ đó bị các bệnh tim mạch.

- Khi nồng độ glucocorticoid và adrenalin trong máu cao do sản hận sẽ ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch của cơ thể (tức hệ thống đề kháng của cơ thể chống lại các mầm bệnh) bằng cách làm giảm số lượng bạch cầu trong máu xuống, do đó, người sản hận thường xuyên dễ có nguy cơ bị các bệnh nhiễm trùng (bị bệnh nhiễm khuẩn như bệnh viêm hầu họng, viêm phế quản, viêm phổi... hay bị nhiễm siêu vi như bị cảm cúm...).

- Khi sản hận, có sự tăng tiết các hormon ở hệ thần kinh như *hormon tăng trưởng* (somatostatin), *prolactin*, các *endorphin* (còn gọi là morphin nội sinh, đây được xem là “ma túy” do chính cơ thể tiết ra). Các hormon vừa kể nếu tiết ra điều hòa là rất có lợi nhưng tiết nhiều quá sẽ đưa đến các rối loạn. Các hormon này cũng ảnh hưởng đến hệ thống miễn dịch của cơ thể làm giảm sự đề kháng đưa đến dễ bị nhiễm trùng kể ở trên.

- Khi sản hận, có sự giảm phóng thích insulin hoặc insulin tiết ra đủ nhưng tế bào “lờn” insulin không tiêu

thụ được đường glucose dẫn đến tăng lượng đường này trong máu (gọi là đường huyết). Nếu đường huyết cứ tăng cao do sản hận thì người sản hận sẽ bị tiểu đường và sau đó, bị bệnh đái tháo đường týp 2 thật sự.

- Khi sản hận, có sự rối loạn chuyển hóa chất béo làm tăng lượng triglycerid, tăng lượng cholesterol “xấu” trong máu mà nhiều người gọi là “cao mỡ trong máu” dẫn đến đóng cặn mỡ trong thành động mạch gây vữa xơ động mạch. Người sản hận thường xuyên dễ có nguy cơ bị các bệnh tim mạch, bị đau thắt ngực, thiếu máu cơ tim, nhồi máu cơ tim, bị đột quỵ, bị tai biến mạch máu não chính một phần do cao mỡ trong máu.

- Khi sản hận, có sự tăng tiết acid dịch vị ở dạ dày và giảm sự tiết chất nhầy bảo vệ niêm mạc dạ dày. Đưa đến người sản hận rất dễ bị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng.

- Khi sản hận, hệ thần kinh dễ bị kích động do hệ GABA (hoạt động nhờ chất sinh học gamma-amino butyric acid) bị xáo trộn. Đưa đến người sản hận bị các rối loạn tâm thần như: mất ngủ, suy nhược tâm thần.

Làm sao hóa giải được sản hận?

Những điều trình bày ở trên cho thấy đúng là khi tâm không an do sản hận thì thân sinh ra bệnh. Nhưng có điều rất quan trọng cần biết là đối với stress nói chung trong đó có sản hận, phòng dễ hơn trị. Và đặc biệt, người sản hận phải ý thức sự sản hận là điều xấu cần được hóa giải.

Người ta bàn nhiều về các biện pháp phòng chống stress, trong đó hóa giải sản hận. Có các biện pháp đơn giản như: tìm đến nhà tham vấn (để thổ lộ sản hận và nhận lời khuyên), học cách chấp nhận (chấp nhận sản hận là sai), chia sẻ với bạn tâm giao (về sự sản hận của mình), biết giới hạn của mình và không cho mình luôn là đúng (chỉ sản hận khi luôn nghĩ mình là đúng), dành thời gian thích hợp cho giúp đỡ người khác (có lòng thương người giúp đỡ người sẽ bớt cảm xúc sản hận)...

Đối với Phật giáo, sản hận là cốt lõi, cái gốc của luân hồi, của thế giới khổ đau. Vì vậy, theo triết lý nhà Phật cách tốt nhất để giảm bớt sản hận đó là từ bi hỷ xả. Ai thấm nhuần lời Phật dạy đều tu tập miên mật từ bi hỷ xả. Từ bi hỷ xả giúp tâm ta luôn cảm thấy an lạc. Khi có ai đó nói xấu hay làm việc gây phẫn uất cho mình, lòng mình từ bi không chấp chuyện đó và buông xả thì tự mình đã có được an lạc, làm sao tâm mình sản hận cho được?

Để hóa giải stress nói chung, trong đó hóa giải sản hận một cách hữu hiệu, thế giới hiện nay quan tâm ngày càng nhiều đến phương thức kỳ diệu đã được các nhà tu học phương Đông thực hành từ ngàn xưa, đó là Thiền. Thiền là gì? Thật khó để mô tả cái gì đó không phải để nói mà là hành động. Chỉ có những người nào đó đã trải qua trạng thái gọi là “bị stress” hay “sản hận” và thực hành Thiền thì mới biết Thiền là gì, đặc biệt mới thấm thía Thiền hóa giải stress, xóa tan sản hận một cách kỳ diệu ra sao. ■



Nỗi lòng gia sư

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong vòng vài chục năm trở lại đây, những thầy cô giáo dạy học cho trẻ nhỏ tại tư gia được xã hội gọi là gia sư. Có lẽ xuất phát từ quan niệm này, nên ngay cả “*Từ điển Tiếng Việt*”, sách dùng làm công cụ cho học sinh phổ thông do Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội – Trung tâm Từ điển học xuất bản cũng định nghĩa tương tự như vậy. Ở tiếng Hán hiện đại, gia sư gọi là “gia giáo” nhằm chỉ những người thầy dạy học tại nhà riêng. Đây là một từ có nguồn gốc xa xưa với nội hàm để cập tới truyền thống giáo huấn tại gia mà mục đích nhằm hướng tới việc truyền thụ chuẩn mực trong ứng xử (nghỉ tiết) và đạo đức... Như vậy, gia sư theo cách hiểu hiện nay không hoàn toàn giống như truyền thống,

mà nhằm chỉ những người làm công việc truyền thụ tri thức, kỹ năng... nhằm đáp nhu cầu thực tế của những gia đình có khả năng.

Giới hạn ở lĩnh vực âm nhạc, có thể lực lượng gia sư chiếm số đông trong đội ngũ những người dạy âm nhạc hiện nay, chủ yếu là dạy về kỹ năng sử dụng nhạc cụ. Họ trở thành lực lượng chủ chốt vì mức độ phổ biến, chứ không phân biệt dựa theo tiêu chí hàn lâm hay dân gian, chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Trong xu hướng gia tăng về số lượng người học, gia sư trở thành lực lượng đóng vai trò quan trọng nhằm thỏa mãn nhu cầu số đông. Ngoài ra, đào tạo âm nhạc thông qua vai trò gia sư thể hiện nét đặc thù của công việc trên. Trong quá khứ cũng như hiện tại, dạy đàn vốn khác

với nhiều bộ môn khác. Dù có nhiều cơ sở tiến hành công việc với quy mô đại trà (xuất phát từ nhiều lý do và không loại trừ mục tiêu lợi nhuận), nhưng, theo mô hình truyền thống, loại hình dạy đàn với cơ cấu một thầy một trò vẫn khá phổ biến. Bởi thế, chỉ có sự tham gia, đóng góp tích cực của lực lượng gia sư mới có khả năng thỏa mãn nhu cầu muôn vẻ của người học và tính đơn nhất của việc học. Gia sư có thể là sinh viên, giảng viên trường nhạc hoặc thuần túy nắm vững kỹ năng chơi đàn. Nói chung họ coi việc dạy đàn giống như một phương thức mưu sinh (công việc) hơn là cách thức thể hiện mình (sự nghiệp).

Thời xưa, học trò chập chững bước chân vào bộ môn nghệ thuật đều phải trải qua cửa ải đầu tiên là thử năng khiếu. Ngày nay, nhiều thầy cô phải thối thuở tư tưởng Khổng Tử: Trò có quyền lựa thầy, chứ thầy không có quyền lựa trò! Nói cách khác, làm gia sư không được quyền từ chối học trò. Thế nên, trong đám học trò mà thầy không được quyền từ chối, có rất nhiều hạng, loại có năng khiếu, bình thường, không năng khiếu, đặc biệt hơn có loại thiếu năng, mắc bệnh trầm cảm, thậm chí cả loại bệnh nhìn không ra bệnh, như trở ngại ngôn ngữ, suy nhược thần kinh, nghiện game, mê xem tivi và cả những bệnh thuộc loại nhàn cư vi bất thiện... Thầy cô biết đặc điểm của từng học trò. Tất cả đều phải làm việc một cách âm thầm bằng thái độ kiên trì tối thiểu. Vì, những người đã trót đóng vai trò “đưa khách sang sông” chỉ ít cần có đức tính kiên trì để không bỏ sót một hạt giống tâm hồn nào. Có phụ huynh đưa con đi học giống như gửi trẻ. Gia sư kiêm thêm chức năng “bảo mẫu”, tạo sân chơi lành mạnh cho những giờ “thoát đàn”. Thầy cô lắm khi cũng thông cảm cho học trò, vì nếu rơi vào hoàn cảnh tương tự, phải làm cái điều mình không thích chắc cũng như các em. Có loại học trò giỏi toán, học đàn mà cứ mãi tính toán sao cho nốt này khớp với nốt kia. Muốn nhấn móc đơn, chùm ba hay móc kép, trong mồm phải nhắm tính, đếm cho đến nốt nhấn, đầu nghiêng, vai gả, hết sức cực nhọc. Thầy hỏi: “Sao con đánh đàn như đánh trận vậy?”. Trò thở hổn hển, không nói năng gì.

Thầy NTK có kinh nghiệm hơn 15 năm làm gia sư, học trò đủ mọi thành phần, trong đó có nhiều đối tượng xuất phát từ bị ép học. Những giờ học ấy chất chứa nhiều ẩn ức, giống như tra tấn, hành hạ... Có trường hợp cá biệt thuộc loại “trúng rùa”, phản ứng siêu chậm. Thầy làm hiệu lệnh, nhưng thường phải chờ đợi vài phút sau, tiếng đàn mới được cất lên với đặc trưng lúc nhanh, lúc chậm, lúc đàn, lúc nghỉ tùy hứng. Tác phẩm âm nhạc nhòe nhoẹt, vỡ vụn, xuất hiện dưới dạng trích đoạn để ông thầy tự chấp lại các mảnh rời rạc nhằm tạo nên chỉnh thể theo sự kiên nhẫn. Đối với những học trò loại này, tác phẩm giống như bản nhạc có nhiều dấu lặng, nó không khỏi khiến người nghe cảm thấy mệt mỏi.

Vào thời kỳ bao cấp, đàn piano là thứ quý hiếm, không có bán trên thị trường. Nhiều người dù thích đàn, nhưng vì không có đàn nên phải từ bỏ ước mơ. Trong số đó, không hiếm người sau này trở thành phụ huynh. Và việc ép con cái theo học chỉ nhằm nối lại giấc mơ thời niên thiếu. Con không thích mà bố mẹ muốn, nên giấc mộng đẹp trở thành cơn ác mộng được ký thác lên học trò thông qua vai trò gia sư.

Dạy đàn cũng có nhiều niềm vui xen lẫn nỗi buồn. Cô giáo NTC bồi hồi nhớ lại những năm tháng mới đi làm gia sư, có lần học trò bạo dạn hỏi: “Cô ơi, sao cô khỏe thế nhỉ?”. Cô ngạc nhiên đáp: “Cô đâu có khỏe!”. Trò tiếp lời: “Vì con chẳng thấy cô ốm bao giờ!”. Có loại trò vừa đàn vừa nhìn đồng hồ, liên tục hỏi: “Thầy ơi, con bắt đầu học lúc mấy giờ?”. Thầy trả lời: “Con yên tâm sẽ được nghỉ đúng giờ, nhưng, con đàn như vậy là sỉ nhục nhạc sĩ đấy! Học đàn chứ có phải chạy 100m đâu mà cứ như bị ma đuổi!!!”.

Mối quan hệ giữa phụ huynh và gia sư đôi lúc khỏa lấp được nỗi niềm chất chứa giữa thầy và trò. Có những cô cậu ham chơi game, phụ huynh ép học để bớt thời gian rảnh rỗi. Thầy LDK nhớ lại, có lần trò phân vân, hỏi: “Thầy ơi, con thấy thầy rảnh nhỉ?”. Sao? Thầy vặn hỏi. “Thầy rảnh mới tập đàn, chứ con rảnh con chơi game”, trò đáp. Thầy lại đùa: “Chắc con muốn ba mẹ thay đổi kiểu kính chứ gì? Nhớ ngày phải chơi game ít nhất bốn tiếng. Như vậy, sau vài tuần nữa ba mẹ sẽ phải đổi kiểu kính mới đẹp hơn, đặc biệt có độ nặng hơn cho con”.

Nhiều phụ huynh muốn gia sư cung cấp thêm những kiến thức tổng hợp về âm nhạc, ngoài dạy kỹ năng chơi đàn. Cô NTL dạy cho học trò cả những khái niệm cơ bản về âm nhạc, như: “Âm nhạc là một môn nghệ thuật dùng âm thanh để diễn tả...”. Đến ngày trả bài, học trò thuộc loại “tăng động”, vừa trả bài, vừa tung tẩy trên nền nhà, đáp: “Âm nhạc là một môn thể thao...” may mà phụ huynh chưa nghe thấy!

Trong quá khứ, âm nhạc đích thực là bộ môn năng khiếu. Ngay tại những cung thiếu nhi, học sinh đều phải trải qua những kỳ kiểm tra, trắc nghiệm về năng khiếu. Sau mỗi khóa học kéo dài ba tháng lại trải qua một kỳ sát hạch, sàng lọc một cách nghiêm ngặt. Năng khiếu có rồi vẫn chưa chắc theo tiếp con đường thiên lý, diệu vợ này, học sinh còn phải không ngừng đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe ở những khóa học cao hơn. Ngày ấy, trò cần tới thầy hơn thầy cần đến học phí của trò. Ngày nay, quan hệ đã thay đổi, đồng thời âm nhạc đã bước từ ngôi đền linh thiêng của nghệ thuật xuống đường, ra chợ để trở thành bộ môn giải trí thuần túy. Để xả stress, xa lánh thói hư tật xấu, không thiếu học viên (vì đã lớn tuổi, không phù hợp với danh xưng học trò) học với niềm đam mê, say sưa để bỏ quên khoảng thời gian dài phía trước hoặc đơn giản hơn tránh nhậu, khám phá vùng tối trong thế giới mê mông của tâm hồn... Nhờ vậy, âm nhạc từng bước được đại chúng hóa, phổ biến theo kiểu mới. Nó cho thấy sự tiến



bộ trong nhận thức, đồng thời mở ra nhiều tác dụng, công năng của nghệ thuật âm nhạc. Mỗi người tiếp xúc bằng nhiều mục đích khác nhau. Chẳng phải ai đến với âm nhạc cũng vì mục tiêu nghệ thuật cao cả. Phương pháp giáo dục vì thế cần thay đổi linh hoạt, thích ứng với từng trường hợp cụ thể. Giáo dục âm nhạc cũng giống như truyền giáo, phải “tùy duyên hóa độ”. Chúng sinh có nhiều loại, mỗi người nên áp dụng những phương pháp khác nhau. Học đàn vốn đã là “chơi”, nay càng phải vận dụng triệt để quan niệm tương ứng. Theo đó, chúng ta có thể sử dụng một phương pháp nhằm giải quyết nhiều vấn đề, đồng thời cũng có thể sử dụng nhiều phương pháp để giải quyết một vấn đề. Vì có quá nhiều vấn đề đòi hỏi giải quyết, nên tiếng dương cầm trong nhiều ngôi nhà trở nên “đổ đốn”. Có những học trò thuộc loại “xiếc sĩ” nhào lộn trên khung thời gian khiến cho ông thầy chóng mặt, mắt dạy lúc nào không hay. Trò có thể lên lớp bất cứ lúc nào, nếu rảnh!

Mối quan hệ nào cũng dựa trên sự tương tác. Tình thầy trò đương nhiên cũng dựa trên mối quan hệ ấy. Trò đàn say mê, thầy càng thích thú và cảm thấy thời gian qua mau. Thành quả của học trò có lúc còn hơn cả kết quả của thầy. Vì đó chính là thành quả của thầy. Có những phụ huynh nhắn tin: “Thầy ơi, bây giờ Đ. đã thích đàn rồi”. Thầy vui mừng hết biết. Sự nghiệp của thầy coi như thành “chánh quả”. Có học trò, ngày đầu tiên thầy tới dạy bèn chui ngay vào gầm ghế để trốn học. Mẹ mang roi ra chuẩn bị “uỳnh”, thầy lại phải xoa dịu, chị làm thế, về sau cháu thù em. Đến ngày đi học nước ngoài, trò trích một khoản tiền mẹ cho để mua cây đàn về nhà tập, rồi thu hình post lên You tube khoe thầy. Có lẽ đối với các thầy cô giáo, thành quả đáng vui nhất vẫn là dạy được những học trò từ không thích trở thành thích đàn.

Nghệ thuật, thẩm mỹ vốn là những bộ môn khó dạy. Vì, nó đi đến tận cùng của tinh thần chủ quan. Cả thầy, cô giáo đều phải đối diện với mệnh đề khó khăn ấy, đặc biệt trước những học trò “hoang dại”, bất chấp cả hành vi nhập môn là nghe lời. Khi đó, người thầy phải ứng xử tinh ý, không chỉ có dạy, mà còn biết dỗ, thậm chí dọa nữa. Điều đó chỉ ra công năng phong phú của nghệ thuật âm nhạc. Âm nhạc được dùng như một phương tiện chứ không phải mục đích. Đó là những nẻo đường lắt léo mà những người làm âm nhạc đi qua. Trong quá khứ, việc trò tới nhà thầy, một hình thức “tầm sư học đạo” đã loại trừ khả năng chuyển hóa nhóm đối tượng trên ra khỏi quan niệm đương đại. Thầy tới nhà trò, trừ những trường hợp cá biệt mang tính chất phụ trợ, phụ đạo, học nhóm hay dựa trên mối quan hệ thân tình... còn đại đa số có thể quy về nội hàm gia sư. Nói tóm lại, gia sư mang tính chất của hoạt động dịch vụ giáo dục, hình thành từ quá khứ, phát triển ở thời điểm hiện tại với sự nở rộ khuynh hướng lựa chọn đưa đến giá trị tiện ích cho người thụ hưởng. Ở đây không có đi sâu cắt nghĩa khái niệm để đưa đến một nội hàm thật đầy đủ mà sự khiếm khuyết đã thể hiện ngay ở cấp độ chuẩn mực của từ điển. Nhóm xã hội này đang góp phần làm nên nội dung văn hóa trong bối cảnh đương đại. Để vươn tới những đỉnh cao của một nền văn hóa cần suy xét phẩm chất của nó. Gia sư vốn hình thành tự phát tự giác đã đóng góp đáng kể vào phong trào học tập, rèn luyện kỹ năng, tổ chức âm nhạc cho đại bộ phận công chúng. Họ lặng lẽ, âm thầm gieo những hạt giống âm nhạc trong tâm hồn học trò mong chờ một ngày rợp bóng. ■



Kho tàng của sự im lặng

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Nam-mô Đại bi Quan Thế Âm Bồ-tát...

Nam-mô Đại bi Quan...

Tiếng niệm Phật vang vang trong đầu bà, trong lúc bàn tay khẳng khiu chậm chạp lau những phiến lá chuối, nhẹ nhàng xếp từng chiếc chồng lên nhau, như thể đang lẩn tránh hạt...

Nam-mô A-di-đà Phật... Nam-mô A-di...

Bây giờ thì năm tháng đã nặng trĩu trên vai bà, lưng oằn xuống và có lẽ chỉ có cái nhìn tinh anh và sống động từ thời son trẻ là còn nguyên vẹn...

Tiếng niệm Phật cứ nối tiếp đều đều như những chiếc lá lần lượt được xếp chồng lên nhau và hồi ức của bà cũng có lúc xen vào giữa những chuỗi âm thanh ngọt ngào như tiếng hát...

Tay bà cầm miếng vải trắng lau qua lau lại nhưng thỉnh thoảng trên vành môi cũng hé ra một nụ cười khi nghe tiếng cười trong trẻo của một tiểu ni... Ô, vui làm

sao khi nhìn những đứa bé lớn lên dần, mạnh mẽ và vui tươi như những đóa hoa nở rộ lúc vào xuân và làm cho không khí trong ngôi cổ tự thêm sinh động.

Ừ, bao nhiêu mùa xuân trong đời mà bà đã trải qua... nhưng tuổi thơ của bà đến giờ đã quá xa nên trí nhớ chỉ hiện lên như một lớp mây mờ. Nó chẳng khác gì một đám sương mù nên bà chẳng nhìn thấy hình bóng những người thân... Bà không còn nhớ giọng nói ấm áp của người cha hay những lần được mẹ vuốt ve âu yếm... Người ta tìm thấy bà dưới chân bức tượng Đức Quan Âm, đặt trước sân chùa.

Một đứa bé mới lên bảy mà đã bị người ta bỏ rơi như một miếng giẻ rách! Cả thể xác và tâm hồn nó đều vấy máu. Có lẽ kẻ đã dày dạn và hành hạ bé vào phút cuối đã bắt nhầm, một chút lòng thương hại đã lóe lên... nên đã buông tha, bỏ bé trước cổng chùa...

Sự quên lãng chính là một thứ quà tặng quý báu, vì

sau nhiều ngày hôn mê, khi tỉnh dậy bé không còn nhớ gì về những việc đã qua... Thế rồi cuộc đời nó như được tái sinh, khởi đầu bằng sự đón nhận bình yên và thanh thản cùng với một khuôn mặt dịu hiền của một vị sư bà; rồi lớn lên trong lời kinh, tiếng kệ, gõ nhịp đều đều theo chuông mõ. Kể từ lúc ấy cuộc đời nó được che chở trong những bức tường của ngôi cổ tự và được dạy dỗ rất nhiều điều. Dĩ nhiên mỗi sự vật đều có thời gian của nó; và tuy lúc mới vào bé có hơi cứng đầu và chỉ học vì tò mò, nhưng dần dà bé vui vẻ chấp nhận, biết tuân theo kỷ luật và nội quy của chùa, và về sau học hành nghiêm túc nên còn ngờ ra bao điều thâm diệu.

Học xong, thực hành... rồi cũng đến lúc phải dạy lại. Bà âu yếm nhớ đến những bàn tay bé nhỏ níu chiếc áo nâu sồng của mình, những mái đầu tí hon trọc lóc, chỉ chừa một lọn tóc trên trán, mà trong những lúc tụng kinh cứ đưa qua đưa lại, lắc lư theo nhịp mõ.

Bây giờ thì vài người trong bọn họ, sau nhiều năm, đã trưởng thành và sống bên cạnh bà. Những lọn tóc đã được cạo láng của ni cô, những đôi mắt to và sáng nhìn theo những động tác thuần thục và tự tin, lặp đi lặp lại vào thời gian trước Tết, cái phút giây mà bà yêu thích nhất.

Bao nhiêu việc cần chuẩn bị. Hằng năm, dân trong làng thường đặt chùa làm bánh chung và bánh tét và tất cả các sư cô trong chùa đều hoan hỷ tham gia: Những người lớn tuổi lau lá chuối mà trước đó các ni cô trẻ đã rửa sạch, các ni cô khác phủ lên lá một lớp gạo nếp đã được nấu sơ với lá dứa để tạo hương vị đặc biệt và có được một màu xanh bắt mắt. Trên lớp nếp, một nhóm sư cô khác sẽ bỏ thêm những khối trụ bằng đậu xanh đã chà vỏ và nấu chín để làm nhân, có rắc thêm một ít bột tiêu cho mùi vị thêm đậm đà. Đó là một dây chuyền ăn khớp và nhịp nhàng; khi những hình trụ bằng lá chuối có bỏ đậu xanh và thêm nếp đã cuốn lại liền được chuyển đến một nhóm sư cô có nhiệm vụ bó chặt và cột lại bằng những sợi lạt.

Mọi động tác đều liền tay và liền tục, giống hệt một đàn kiến chăm chỉ, ai nấy đều có một nhiệm vụ rõ ràng... Thỉnh thoảng, bà ngưng mắt để quan sát họ. Bà thích nhất là lúc mọi người làm bánh chung, thích nhìn những gói lá được cẩn thận xếp lại thành hình một chiếc hộp, giống như đang đóng lại chiếc hộp nữ trang sang trọng có nhân bánh là đậu xanh.

Vui vẻ và cẩn trọng, tất cả các thứ bánh được sắp xếp trong một chiếc nôi cao, to rồi đặt nắp. Thỉnh thoảng, ánh mắt của bà ngưng lại trên vị sư cô này hay vị sư cô kia rồi dừng rất lâu đến người ngồi gần bếp, có nhiệm vụ giữ lửa, cho thêm củi vào dưới đáy nôi.

Ánh mắt bà cũng nhìn theo các tiểu ni loay hoay như một đàn bướm, chạy lảng xãng từ nhóm sư cô này qua nhóm sư cô kia, tùy theo giai đoạn công việc, đem lá chuối cho các người dọn nếp hay mang đậu xanh đã trộn và cuốn thành hình trụ... Một vài tiểu ni còn đem

những nhiec bánh chung hay bánh tét đã buộc lạt, xếp gọn ghẽ vào khay để chờ được đặt vào nôi để nấu.

Đó là một niềm vui rất dễ lan truyền giữa những người trẻ tuổi.

Tuy lúc này bà đã già nhưng bà không thể không nhớ là nhiều năm trước đây mình cũng đã từng có một niềm đau vì không được làm mẹ. Thế nhưng về sau thì bà cũng hiểu ra là bà còn có một niềm vui to lớn hơn nhiều: làm mẹ của hàng trăm đứa con. Bà đã nuôi dạy chúng, đã từng cạo trọc những mái đầu tí hon, chỉ chừa một nhúm tóc nhỏ và dạy chúng vắt lên vành tai; bà đã giảng giải cho chúng về sự huyền nhiệm của lẽ tử sinh, của cả niềm đau và hạnh phúc. Nhưng không phải đứa bé nào về sau cũng ở lại chùa. Vài đứa, sau khi được học hành, lớn lên đã chọn một con đường khác. Tuy thế, họ vẫn thường quay lại chùa để thăm bà và để được bà an ủi về những khó khăn từ cuộc sống.

Cũng có những đứa trẻ mà về sau bà không có tin gì về họ, nhưng bà không lấy thế làm buồn. Duy chỉ có một người thường làm bà bận tâm và lo lắng, như thế mẹ lo cho con, đó là Quảng Tiên. Quảng Tiên là đứa bé thông minh, ngoan ngoãn, dịu dàng, hiểu hậu; đặc biệt, cô bé rất kính yêu bà, luôn gần gũi bà để được bà tận tình dạy bảo. Thế mà vài năm trước, bỗng nhiên cô bé bỏ chùa đi rồi từ đấy bật tin.

Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát... Nam-mô Đại bi...

Tiếng niệm Phật của bà có lúc bị xen ngang bởi những hoài niệm. Cùng với thời gian, bà đã nhận biết tầm quan trọng của suy tưởng và của sự im lặng. Dĩ nhiên không dễ gì giáo huấn một đứa bé hiểu động và rần rần như bà, nhưng bà may mắn có được một vị sư bà trí tuệ, đã kiên nhẫn theo dõi và hướng dẫn bà kiểm chế cảm xúc và bình tâm hơn theo quy luật của sự im lặng.

Sự im lặng! Im lặng mở ra cánh cửa của vùng trí tuệ tiềm ẩn, không phán xét và cũng không phân biệt, chỉ đơn giản giúp ta “nghe” được chính ta, ngoại cảnh và kẻ khác. Đó chính là sự khám phá được kho tàng giống như lời Phật dạy: “Ai từ bỏ được thế giới thì sẽ nghe được âm thanh của Niết-bàn”.

Các thiền sư đã chọn con đường tâm linh và sự bình an của họ chính là sự thanh thản trong tâm hồn sau khi đã chế ngự và dập tắt được những ngọn lửa dục vọng. “Nghe được âm thanh của Niết-bàn” chính là khi đạt được trạng thái hài hòa trong vũ trụ quan Phật giáo. “Hãy quên bản thân và nghĩ đến tha nhân”, quên sự mưu cầu hạnh phúc cá nhân để chia sẻ và hòa đồng với người khác.

Bằng cách ấy, bà đã ý thức được mục đích của mình và hiểu được lẽ sống chính là giúp đỡ và che chở cho những đứa con không phải con mình. Nhưng điều quan trọng là sẽ chia cái kho tàng ấy; và với bà, sự im lặng đã trở thành một điều thường nhật trong đời sống hằng ngày.



Bà còn hiểu rằng nhiều người đã đau khổ và không sống bình an bởi vì họ chẳng được ai lắng nghe. Trong một thế giới mà ai nấy cũng la hét để biện minh hay che đậy những lỗi lầm của mình... hoặc ích kỷ đến nỗi chỉ muốn nghe giọng nói của mình thôi, thì đâu còn thời gian để lắng nghe và thấu hiểu.

Có lẽ vì thế mà thỉnh thoảng có nhiều vị khách hay người dân ở các làng lân cận tưởng đến để ngoạn cảnh, thăm chùa, nhưng thực ra điều họ đang tìm là có thể gặp một ai đó để trò chuyện hay tâm sự mà không sợ bị phê phán. Bà luôn ở bên cạnh, im lặng, để lắng nghe họ thổ lộ, tuôn trào, than khóc... và rồi sau khi bình tĩnh và nghĩ lại, chính họ đã tìm ra lời giải của vấn đề, một cách tự nhiên mà không cần bà phải nói điều gì. Chỉ cần sự ngọt ngào hay một cái nhìn chia sẻ, hơi ấm của một vòng tay là có thể an ủi và làm cho họ hiểu là phương án nào sẽ phù hợp nhất.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật...

Tiếng niệm Phật vẫn tiếp tục trong lúc bàn tay khẳng khiu của bà vẫn lau những phiến lá chuối. Một năm mới lại sắp bắt đầu, mà có lẽ bà sẽ không còn có thể trụ đến cuối năm. Các mầm bệnh ung thư từ tháng nay đang di chuyển trong tạng phủ của bà. Bà quá mệt mỏi và trong lòng lúc này chỉ có một ý nghĩ là Quảng Tiên đang ở nơi nào.

“Sư bà, Sư bà... bà có khách! Một tiểu ni vừa từ cổng chạy vào vừa gọi to để báo tin. Đến nơi cô giúp bà đứng dậy rồi dìu bà ra cổng. Một ni cô khác sẽ thế chỗ bà để lau lá chuối.

Bà vừa đi khắp khiêng vừa dọ dẫm bám vào bức tường trong hành lang được chiếu sáng lờ mờ từ những bóng đèn dầu và cuối cùng đứng trước khung cửa mở ra vườn. Bà thấp thoáng thấy hai bờ vai mảnh khảnh. Không, không thể nào lắm được! Có lẽ chẳng cần nhìn bà cũng biết đó là người mà lòng bà đang mong đợi.

“Mẹ ơi, mẹ ơi..!”. Đúng là giọng nói của cô ấy! Quảng Tiên! Đứa con lưu lạc đã trở về. Khi nghiêng người, bà còn nhìn thấy một đứa bé mà cô gái đang bồng trên tay. Một niềm vui bùng cháy dâng lên và bà lao tới, ôm lấy cô và siết mạnh.

Ồi, đã bao lâu bà chờ đợi phút giây này và lòng bà đang trào dâng một niềm hạnh phúc cho người con gái. Lòng bà bình yên và nhìn thấy tất cả niềm hạnh phúc và yêu thương của nàng sáng rực trong đôi mắt. Chẳng cần nói lời nào nữa, dù có là cái Tết cuối của cuộc đời, nhưng với bà đó là cái Tết hạnh phúc nhất. ■

Nguyên tác: *La ricchezza del silenzio.*



Khóa vào môi tình yêu

CAO HUY HÓA

Khi đôi thanh niên nam nữ yêu nhau, họ thể thốt gắn bó cùng nhau sống đến đầu bạc răng long. Lời thề nếu được thốt ra ở nơi sơn thủy hữu tình thì càng đượm thêm tính cách lãng mạn, làm ngắt ngây tâm hồn và rung động con tim mãi về sau, nếu cả hai vẫn chung thủy.

Nhưng có gì chứng giám cho lời nguyện yêu nhau đó? Cảnh trí thiên nhiên không đủ hay sao? Sự gắn bó rút không ra, cũng giống như ổ khóa đóng chặt lại, còn chìa khóa thì mất tung tích; hình ảnh đó khiến có người nghĩ đến dùng ổ khóa đóng lại vĩnh viễn tại một nơi ghi lại dấu tích của mình và người yêu, rồi ném chìa khóa đi. Như thế hai ta đời đời bên nhau, như chim liền cánh, như cây liền cành.

Chuyện ổ khóa chứng giám sự chung thủy này có từ khi nào? Nguồn gốc khá mơ hồ. Theo ký giả Flore Olive (trên tuần báo *Le Nouvel Observateur*, số tháng 02/2014), từ sau năm 1970, người ta đã thấy những ống khóa bắt đầu xuất hiện, móc vào mắt cáo của lưới kẽm trên cầu Hohenzollern của thành phố Kohl ở Đức. Những người yêu nhau tới móc ống khóa vào thành cầu rồi ném chìa khóa xuống dòng sông Rhin.

Sau đó, người ta cũng thấy trên cầu Ponte Vecchio ở thành phố Florence hoặc cầu Ponte dell'Accademia ở thành phố Venice (Ý) xuất hiện những ổ khóa tình yêu. Tại Rome, trên cột đèn thứ ba của cầu Milvio, người ta cũng bắt gặp ổ khóa trên mặt khắc tên hai người yêu nhau. Từ năm 2007, Thị trưởng Rome ra lệnh cấm mắc ổ khóa vào bất cứ nơi nào của thành phố; ai vi phạm sẽ bị phạt 50 euros.

Xem ra chuyện yêu đương này có vẻ hấp dẫn, cho nên ổ khóa tình yêu xuất hiện từ nước này sang nước

khác: Hungary, Đức, Ba Lan, Nga, Italia... qua đến châu Á ở Singapore, Đài Loan. Không đâu bằng ở Pháp, khóa tình yêu móc vào lan can cây cầu đi bộ Pont des Arts nổi tiếng bắc qua sông Seine. Cầu được xây dựng vào những năm 1800 dưới thời Napoléon và từng bị hư hại vào năm 1979, có thể sẽ không đứng vững nổi trước sức nặng của hàng bảy trăm nghìn chiếc ổ khóa nếu như không có sự can thiệp của chính quyền. Một phần hàng rào trên cầu đã bị bung ra trước sức nặng của ổ khóa và được thay thế bằng những tấm gỗ. Chắc vì vậy mà chuyện ổ khóa chứng giám tình yêu khiến nhiều người dân bình thường bị nhức con mắt: Một bản kiến nghị kêu gọi chấm dứt phong trào sử dụng ổ khóa tượng trưng cho tình yêu tại Paris đã nhận được hơn 1.700 chữ ký. Nhiều người cho rằng một ổ khóa tạo nên bài thơ đẹp nhưng hàng trăm ngàn ổ khóa đã là một câu chuyện hoàn toàn khác. "Chúng tôi chỉ muốn trả lại thành phố vẻ đẹp của một di sản có tuổi thọ hàng trăm năm".

Theo chính quyền Paris, phong trào để lại ổ khóa trên cầu Pont des Arts bắt đầu từ năm 2008 và con số ổ khóa mới xuất hiện trên cầu đã tăng với tốc độ chóng mặt. Ngoài vấn đề sức nặng, nhiều người lo ngại những chiếc chìa khóa được ném xuống sông Seine sẽ gây ô nhiễm môi trường. Những bức vẽ, hình ảnh quảng cáo ổ khóa giá rẻ cũng là một vấn đề phức tạp.

Hầu như ở khắp nơi, những ổ khóa này thường được khóa hẳn vào lan can sắt của những cây cầu đẹp, đặc biệt có nơi người ta dựng nên cây giả bằng nhánh sắt để ổ khóa tình yêu khóa vào. Còn ổ khóa thì ban đầu là bình thường, có ổ khóa đôi bạn vẽ vời thêm; về lâu dài, thị trường đã bày vẽ những ổ khóa ấn tượng, nào chữ



Love cách điệu, nào mũi tên xuyên qua trái tim, nào ổ khóa khắc tên hai người yêu nhau...

Chuyện ổ khóa tình yêu tất nhiên đã đi vào quỹ đạo của du lịch. Người ta có thể thêu dệt những câu chuyện tình lâm ly say đắm để quyến rũ những đôi uyên ương đi du lịch. Kết quả là đồng tiền thu hút từ du lịch làm giàu cho địa phương và làm nặng cho những cây cầu với những ổ khóa, cái thì sáng chói, cái thì han rỉ, màu sắc thì loạn xạ; hậu quả là một lũ tạp nham kim loại nặng trĩch như thế cuối cùng cũng bị xem là kỳ kỳ. Liệu chúng có còn làm chứng cho tình yêu chung thủy hay sau này bị con người phản bội? Bao nhiêu đôi uyên ương rã cánh, rã cành để mỗi người đi theo tiếng gọi khác, và sẵn sàng tìm ổ khóa khác với người khác? Dấu sao, chuyện khóa cũng chỉ là trò vui, trong xã hội phương Tây lắm tự do cá nhân và cũng lắm cô đơn.

Kiểu trò chơi này đã đến Việt Nam chưa? Tôi chưa nghe thông tin, nhưng... hãy tưởng tượng có một ngày đẹp trời nào đó, có hai nam nữ thanh niên đem theo ổ khóa Việt Tiệp đi tìm nơi để khóa tình yêu đôi ta, đến cầu Trường Tiền khoái chí quá, bèn khóa ổ nơi lan can, rồi quăng chìa khóa xuống sông. Ôi, cây cầu duyên dáng này mắc mớ gì để làm chứng giám chuyện tình cảm riêng tư ấy?

Đó chỉ là chuyện vui giả sử trong thời đại mà thị hiếu tuổi trẻ phương Tây lan nhanh với tốc độ chóng mặt, từ thời trang, đầu tóc, lối sống, ca nhạc, tôn thờ thần tượng... với sự ủng hộ đặc lực của phương tiện truyền thông, của internet, tivi, điện thoại di động thông minh, đến mọi xô xình của toàn thế giới. Đất nước Việt Nam xa xôi về địa lý với Mỹ và phương Tây mà vẫn có giới trẻ bày ra lễ hội Halloween với mặt nạ quái dị, với

hình thù ma quỷ, với hình bộ xương người... Rồi các lễ hội như Lễ Tạ Ôn, Ngày của Mẹ, Ngày của Cha du nhập từ Mỹ cũng được một số giới trẻ và xã hội tiêu thụ tại các thành phố lớn chiếu cố tận tình, hay thì cũng có cái hay, nhưng đừng bỏ qua văn hóa nước nhà thấm đượm tình cha, tình mẹ thiêng liêng, và đặc biệt, lễ hội Vu-lan vốn rất nhiều ý nghĩa về hiếu hạnh cần được suy ngẫm và thực hành hàng ngày.

May mắn thay, *chuyện khóa tình yêu nói ở trên chưa nghe xảy ra ở nước ta, nhưng chuyện mở tình yêu càng ngày càng là hiện thực đối với nhiều bạn trẻ*. Trong khi dư luận chính trực đang lo lắng vì đạo đức xuống cấp, tệ nạn tràn lan thì không ít bạn trẻ đã dẫn thân vào những hoạt động từ thiện và xã hội mang lại lợi ích cho cộng đồng. Tuổi trẻ giàu nhiệt huyết, có lý tưởng phục vụ xã hội, giúp đỡ người nghèo; mặt khác, họ biết định hướng cuộc sống của mình cho hay hơn, đẹp hơn, cho nên khi gặp duyên lành, sẵn lòng sẵn sàng đơm hoa kết quả. Nhiều bạn đã tìm đến đạo Phật, ban đầu là hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện, dần dần nhận ra đạo Phật đầy từ bi và trí tuệ sẽ khai sáng cho con đường sống của mình, đem lại nguồn vui đích thực và vô cùng ý nghĩa cho mình và những người xung quanh. Có nhiều bạn nam nữ gắn bó lứa đôi với nhau, lại càng khuyến khích nhau trên con đường đạo từ bi và trí tuệ. Họ không khóa tình yêu một cách chật hẹp mà lại mở rộng tình yêu lứa đôi, tình yêu gia đình ra tình yêu con người, tình yêu thiên nhiên, tình yêu muôn loài.

Khi tình yêu đã chín muồi, hiện nay có nhiều đôi lứa muốn được mở rộng hình thức tác hợp với nhau qua lễ hỷ thuận tại chùa, trong số này có nhiều nghệ sĩ, trí thức, công nhân, lao động, kể cả người nước ngoài. Tập tục đám cưới tại hai gia đình, tiệc chiêu đãi bà con, bạn bè, đồng cơ quan tất nhiên vẫn giữ, tuy nhiên đôi bạn và gia đình hai họ muốn sự tác hợp diễn ra dưới sự chứng minh của quý thầy, trong ngôi chánh điện, với sự tham dự của cha mẹ và bà con hai họ và thân hữu. Đứng trước Tam bảo, đôi bạn phát nguyện sống chung theo năm giới cơ bản của người Phật tử (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không say sưa nghiện ngập), và trong không khí trang nghiêm và thanh tịnh, lời nhắn nhủ của thầy căn cứ vào những lời dạy của Đức Phật trong kinh *Thiện Sanh*, về bổn phận của vợ đối với chồng, của chồng đối với vợ, của đôi bạn trẻ với gia đình hai bên, thật sự gây ấn tượng trong bước đường đầu tiên xây dựng hạnh phúc, đồng thời tạo tình thân và niềm tin đạo pháp của hai gia đình thông gia.

Cuộc sống lứa đôi cùng tương duyên, cùng cộng hưởng với những người thân thiết, mở rộng đến mọi người, mọi chúng sinh, như vậy, đôi bạn trẻ cần nghĩ gì đến chuyện bắt chước khóa tình yêu tượng trưng bởi ổ khóa dải dầu mưa nắng bên lan can cầu, cho dầu đó cũng chỉ là trò chơi? ■



Nguồn: www.vnphoto.net

Ăn "bụi"

mùa World Cup

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Àn "bụi", hiểu nôm na là ăn hàng quán lề đường. Đối với sinh viên, chuyện này dường như xảy ra thường trực. Còn đa phần giới công chức, công nhân, thì chuyện này hiếm khi. Tuy nhiên trong tháng 6 và bước qua giữa tháng 7 này, hình ảnh hàng triệu người ăn "bụi" (đặc biệt là đàn ông) sẽ tăng lên gấp bội. Nguyên nhân gì xảy ra ư? Thưa rằng đó là do World Cup - một đại hội bóng đá lớn nhất hành tinh.

Do World Cup 2014 diễn diễn ra tận xứ Brazil nên giờ thi đấu thường rơi vào 23 giờ cho đến 5 giờ sáng. Nhiều bà vợ, bà mẹ than phiền rằng những "trụ cột gia đình" không chịu xem bóng đá ở nhà, mà cứ lui tới các quán cà-phê có trực tiếp World Cup để xem, rồi "để" ra biết bao nhiêu phí ăn uống "bụi". Trong khi "ăn, thức cùng World Cup" ở nhà thì không tốn một phí nào. Cũng phải thôi, bởi nếu xem bóng đá ở nhà thì chán phèo, không được hò hét thoải mái, không ai xem cùng, không có người để mình chia sẻ, bình luận... Đến các quán cà-phê thì được tự do, lại có bạn bè cổ vũ, vui ra phết. Chính vì lẽ đó, dân mộ đạo túc cầu giáo thường không ăn ở nhà mà hay ăn ở các quán lề đường sau mỗi trận cầu nổi còi kết thúc.

Quán lề đường "lên hương"

Lâu nay quán lề đường thường chỉ dành cho sinh viên và người có thu nhập thấp vì nó vừa rẻ lại phù hợp với phong cách. Thế nhưng đến mùa World Cup thì không còn phân biệt tầng lớp nữa, hễ thấy trong bụng "réo gọi" thì hú một tiếng, sẽ có người mang thức ăn đến cho mình ngay. Quán lề đường thường là những quán ăn lưu động được để trên chiếc xe đẩy. Các ông chủ, bà chủ thường chọn ở những lề đường trống, không ảnh hưởng đến người dân để làm "địa bàn hoạt động". Vào mùa bóng đá, quán thường tập trung ở cạnh những quán cà-phê có truyền hình trực tiếp World Cup, thậm chí họ còn "cập bến" ngay dưới lòng đường để mong bán được nhiều hơn. "Thượng đế" của quán tuyệt nhiên là các fan hâm mộ túc cầu hoặc những tay cá độ chuyên và không chuyên. Quán thường bán hủ tiếu, bánh canh, phở... hoặc có nơi "đóng quân" trước nhà mình để bán quán cơm tấm đêm. Ngày thường quán "bụi" chỉ lèo tèo, nhưng vào mùa bóng đá, dường như tiên liệu trước mọi chuyện, các nhà cạnh quán cà-phê có truyền hình trực tiếp bóng đá tự nhiên mọc lên quán ăn "ngang xương". Vậy mà quán vẫn đắt như thường, nhiều khi không ngon cũng hết sạch bởi "thượng đế" ăn là vì đói. Khi ai đó trong quán muốn



gọi một tô hủ tíu, chỉ việc nhờ người phục vụ gọi giùm và thoảng vài phút sau sẽ được ông chủ kiêm nhân viên bê vào tận nơi. Có điều ngộ nhất là thức ăn vừa trao cho khách cũng là lúc nhân viên bảo khách phải thanh toán tiền ngay, vì họ sợ sau khi dùng xong khách chuẩn đi hoặc thua độ sạch túi không có tiền trả. Tình trạng này những năm trước đây đã xảy ra nên những người bán quán “bụi” phải nghĩ ra chuyện này cho chắc ăn. Và một điều chắc chắn rằng quán sẽ kiếm được khá khá, nhiều quán còn “lên hương” sau mùa World Cup. Chẳng hạn như họ mua được xe, tậu được một mảnh đất nhỏ ở quê, sửa sang trong nhà, gửi quỹ tiết kiệm ngân hàng... thay vì chỉ lời khoảng 100 ngàn như những ngày thường. Thậm chí có ông chủ, bà chủ sắm vàng đeo lưng lẳng để “chứng tỏ” thành quả lao động của mình cho mọi người biết.

Được dịp “chặt”, “chém”

Được dịp này, các ông chủ quán lề đường “chặt”, “chém” không nương tay. Bình thường một tô hủ tíu cỡ chừng 10 ngàn đến 15 ngàn thì mùa World Cup sẽ là 20 ngàn đến 25 ngàn hoặc hơn thế nữa. Nếu có ai kêu ca, chủ quán chỉ việc nói: “World Cup mà! Tôi phải thức khuya thức hôm, mệt lắm chớ!”. Phàn nàn tức nhiên, nhưng cuối cùng ai cũng phải ăn vì cái bụng và vì... World Cup. Không nạt nạng lượng thì sao xem tiếp trận hai, trận ba. Từ những thực tế đó mà nhiều nơi quán lề đường “chém” cao hơn, nhất là trời càng về khuya. Anh không ăn thì anh đói, thế thôi! Có những lúc trời đã bước sang 02 giờ sáng, khi đã kết thúc trận cầu, các fan hâm mộ túc cầu ủa ra quán, vây đặc bàn ghế khiến ông chủ quán phải chóng mặt. Khi được thông báo là còn nước lèo nhưng hết thịt, mọi người vẫn vô tư nói: “Ông cứ làm cho chúng tôi mỗi người một tô, có gì ăn nấy!”. Ông chủ khoái chí, nhanh tay trưng hủ tíu mà lòng tràn ngập niềm vui. Đương nhiên giá vẫn y như cũ, không giảm chút nào.

Có những quán cơm, thậm chí chỉ những miếng sườn heo be bé nằm trên đĩa cơm tấm chơ vơ, vậy mà giá lên đến 30 ngàn đồng! Thấy mà chóng mặt, vậy mà quán vẫn không đủ bán. Cái khôn là người chủ quán

chọn nơi “lý tưởng” để bày biện quán ăn của mình, chứ nếu ở những khu không gần những quán cà-phê thì cũng như không, có “chém nhẹ” cũng không ma nào thềm ăn. Đa phần fan hâm mộ bóng đá rất hào phóng trong việc này, nhất là những tay cá độ. Khi đã thắng một trận thì một tô hủ tíu “chém mạnh” cũng có đáng là bao, thậm chí họ còn boa thêm cho ông chủ tiền lẻ, khỏi phải mắc công thối lại. Nhưng khi họ thua khi hãy coi chừng, một xu cũng không có. Tốt nhất là thu tiền trước vẫn an tâm hơn.

Để niềm đam mê đúng nghĩa

Do World Cup diễn ra chừng một tháng rồi sau đó mọi chuyện trở lại bình thường, nên nhiều người bảo rằng vung tiền vào phí ăn uống “bụi” bao nhiêu đó có sá gì. Biết là vậy, nhưng nếu làm một cuộc khảo sát thì có nghĩa những hệ lụy nó còn mất mát nhiều hơn cả tiền bạc. Từ việc bữa cơm gia đình lạnh nhạt chỉ vì chồng mãi mê chạy theo “bóng hồng” World Cup, dần dần đến cơm không lành canh không ngọt, rồi sau đó những mâu thuẫn nội bộ diễn ra khốc liệt hơn. Biết rằng yêu bóng đá không có tội nhưng quên mất gia đình, những bữa cơm sum họp là điều không nên. Chúng ta còn có gia đình, có công việc chính vì vậy hãy làm cho niềm đam mê của mình đúng nghĩa với những mặt tích cực. Cố gắng xem những trận trước 12 giờ, còn sau đó về nhà dùng cơm (dù muộn vẫn hơn không), sau đó đánh một giấc rồi sáng đi làm (hoặc có thể dậy sớm 5 giờ sáng xem một trận nữa). Nếu có thời gian có thể xem lại trận đêm qua từ tường thuật của báo, hoặc ti-vi (dù không hào hứng bằng nhưng cũng thỏa lòng đam mê). Đặc biệt cần lưu ý, ăn hàng quán thường trực cũng không tốt, vì những quán lề đường chưa chắc đã an toàn vệ sinh thực phẩm. Nếu chúng ta cứ “sa đà” vào nó nhiều quá coi chừng mắc bệnh đường ruột vì nhện đói và vì không vệ sinh. Ăn ở nhà vừa tiết kiệm lại hợp vệ sinh và ngon miệng hơn nhiều. World Cup là chính nhưng gia đình phải là... mưu! ■



Nguồn: vi.wikipedia.org

Ngắm nhìn quê hương

HẠT CÁT

Sống giữa đô thị nhộn nhịp, quay mặt phía nào cũng thấy ồn ào và đua chen, đôi lúc thấy mình như bị đè nén thật ngột ngạt. Cái cuộc sống tất bật với công việc hằng ngày và những mối quan hệ giao tiếp, lắm khi lôi tuột con người vào những vòng xoáy chên vênh. Không hiểu sao trong tôi luôn thường trực cái cảm giác thèm những chuyến đi xa. Bởi đâu có dễ gì để thoát ra khỏi sự mỏi mệt, đâu có dễ gì thu về một khoảng trống vắng riêng mình, một dấu lặng bình yên...

Hãy thử ngồi thật bình thản và lặng im trên những chuyến xe, ngắm nhìn cuộc sống đang lùi dần qua ô cửa kính. Từng hàng cây lướt qua trước mắt, từng cánh đồng từng lũy tre lướt qua trước mắt, lại nhấp nhóm những miền ký ức ngỡ đã lãng quên. Bây giờ phương tiện giao thông đã hiện đại hơn nhiều, động cơ êm

ru mà chỗ ngồi cũng thật thoải mái, nên mỗi chuyến đi càng dài càng cho tôi sống lại nhiều thương nhớ. Có thể ở nhà cũng có những lúc lui hui chẳng làm gì, nhưng vẫn không thể tập trung nghĩ ngợi bằng ở trên xe. Tôi nhận ra điều lý thú ấy, khi tuổi đời đã chất chồng bận bịu với lo toan. Lạ lắm, bên ngoài ô cửa, mọi vật dường như không rõ ràng gì khi xe lướt đi, lại có thể khơi dậy trong lòng mình những tâm tư rất triu mến. Kia, vại nước nhà ai nhỏ nhỏ, sao giống như vại nước ngày xưa nội mình thường hứng nước mưa để pha trà. Kia, dây phơi nhà ai triu nặng, sao thấp thoáng dáng mẹ mình vội vã giữa trưa nắng cho kịp khô áo chống con. Kia, những cậu học trò tung tăng bờ đê, sao gợi nhớ thuở nào mình băng đồng theo bóng ai giờ tan học. Kia, con trâu đứng đỉnh trên con đường làng mấp mô thời thơ ấu. Kia, bông hoa tình cờ chớm nụ bên



bờ rào thuở mới chớm yêu... Tất cả cứ trôi đi bất tận trong vùng dĩ vãng dịu êm mà tất cả như lắng đọng mãi ngàn sau!

Nhà ngoại tôi nhìn ra một cánh đồng rộng "thẳng cánh cò bay". Cắt ngang cánh đồng là tuyến đường sắt Bắc-Nam. Ngày còn thơ, mỗi khi về quê vào những dịp hè, tôi thích ngồi trên thềm nhà bà ngóng ra cánh đồng, chờ xem những chuyến tàu đi qua. Ban ngày, những đoàn tàu hiện rõ mồn một trước mắt, trông như một con rắn dài nhưng không có gì kỳ bí cả. Nhưng ban đêm, khi tàu chạy ngang qua cánh đồng, những ánh đèn điện trên các toa khiến cho con tàu xa xa trông lung linh, huyền ảo như một dây phố đêm đang di động. Trong trí óc non nớt của tuổi thơ tôi khi ấy, những chuyến tàu đêm như là một thế giới khác rất xa xôi, trái ngược hẳn với cái làng quê tối tăm của tôi (ngày ấy quê tôi chưa có điện). Sau này, đọc một truyện ngắn của Thạch Lam viết về chuyện hai chị em thường ngồi ngóng những chuyến tàu đêm chạy qua, như chờ đợi những gì thân thuộc, tôi thấy sao nó giống với tâm tư của mình đến thế!

Vừa rồi về quê giỗ ngoại, tôi lại có dịp được ngồi trên chuyến tàu chạy xuyên từ Nam ra Bắc. Đêm đầu tiên trên tàu, tôi gần như không ngủ được vì lạnh. Đến sáng sớm, vừa thiêm thiếp ngủ, tôi chợt choàng tỉnh

bởi một cú lắc của đoàn tàu khi vượt qua đèo Hải Vân. Qua các cửa sổ tàu, tôi ngỡ ngàng nhìn ngắm cả một vạt chân đèo dài rộng, phủ kín bởi cây rừng và những thứ dây leo có lá xanh to bản. Những con suối nhỏ róc rách chảy len lỏi qua những tảng đá, từ trên cao đổ xuống tận chân đèo. Dưới chân đèo là những triền đá nhẵn bóng, sóng biển xô vào tung bọt trắng xóa. Tất cả tạo nên một cảnh tượng trông thật hùng vĩ và mê hoặc. Quê hương mình đẹp quá, đất nước mình đẹp quá, sao tôi có thể rời xa!

Từ đó, trên suốt những chặng đường dài, tôi không muốn ngủ nữa. Những ngọn núi, dãy núi muôn hình vạn trạng suốt dọc dải đất miền Trung. Những vườn dừa bạt ngàn, những tháp Chăm cổ kính đứng trầm tư trên những ngọn đồi, hay những bãi biển dài lở nhô đá lẫn trong cát, và cả những vùng đất cằn cỗi xác xơ... Tất cả những thứ ấy khiến tôi thấy không nỡ nào mà nhắm mắt lại tìm một giấc ngủ cho riêng mình. Miền Trung nghèo nhưng thật đẹp! Có lẽ đó là món quà mà thiên nhiên muốn đền bù lại cho mảnh đất này. Tôi chợt nhớ, những nhà thơ lớn của Việt Nam trong suốt mấy trăm năm trở lại đây, hầu hết đều xuất thân từ miền Trung. Có phải vì từ khi chưa lọt lòng, những vẻ đẹp lẫn những khắc nghiệt của dải đất này, đã thấm sâu trong từng mạch máu, trong từng hơi thở của họ rồi?

Ngồi trên xe hay trên tàu trong những chuyến đi, lặng im nhìn ra ô cửa thì tha mà hồ hoài vọng miên man. Thế nhưng nếu nhắm mắt lại, thì những hình ảnh chốc lát bỗng lặn vào suy tưởng, thành những dòng chảy sâu đậm và thẳng thốt! Đã nhiều lần, tôi dùng dằng cân đong sự yếu mềm giữa người đi và kẻ ở. Trong cõi đời ngắn ngủi này, những cuộc chia ly bao giờ cũng đắng đặc hơn những mùa hạnh ngộ. Người ra đi cũng ngậm ngùi đấy, cũng chộn rộn gió bốn phương mây tám hướng, nhưng còn biết bản thân đang đến đâu giữa vạn dặm lên đênh. Còn người ở lại chỉ có ngóng trông xen lẫn bề bàng như một màn sương tím mờ phía hoàng hôn. Ai đã từng tiễn biệt mới thấm thía nỗi se lạnh ùn lên đôi mắt khi nhìn vệt khói xe mờ rời bến. Tôi vẫn luôn tin rằng, những chuyến xe vẫn đúng hẹn đưa người đi đón người về, chỉ có một chuyến xe không bao giờ trở lại trong năm tháng đời tôi, đó là chuyến xe của tuổi thơ bình yên và đầy ước vọng. Chuyến xe ấy đánh rơi một tiếng còi hốt hoảng vào trống vắng riêng tôi, để râm ran nhớ lại, chợt thấy tiếc nuối những ký ức đẹp để biết bao!

Và mỗi lần bước chân lên những chuyến hành trình đi xa, tôi lại bắt gặp chính mình giữa đây ấy những khoảnh khắc chưa kịp già từ. Đường càng dài thương nhớ càng nhiều thêm. Tôi gọi đó là những hành trình của ký ức, để tôi được đắm mình trong khoảng lặng của riêng mình, để tôi được trở về với những gì mà từ đó mình đã ra đi... Và để tôi được chậm chậm ngắm nhìn quê hương như một tình yêu chẳng thể nhạt nhòa... ■

Thứ mỗi nhử tôi thương



TRẦN KIÊM HẠ

Cả tháng nay tôi quá mệt mỏi vì sự xuất hiện một con chuột nhắt trong nhà. Chưa có dấu hiệu gì bị nó cắn phá, nhưng vì bất an nên tôi quyết tâm bắt cho bằng được. Hết bẫy lồng rồi bẫy kẹp, keo dính chuột, mực khô, thịt nướng... thơm phức, người cũng thấy thèm vậy mà nó quá tinh khôn, suốt một thời gian dài không hề dính bẫy.

Một sáng nọ, đang ngồi bên bình trà giữa cái không khí ban mai tĩnh lặng, tôi bỗng nghe tiếng chuột con khê kêu đầu đó trong nhà. Nghĩ đến sự sinh nở nhanh chóng kinh khủng của loài chuột mà tôi tái mặt, không đập tắt ngay ắt hiểm họa sẽ đến với gia đình mình, bèn hô hoán cả nhà cùng diệt chuột. Đổ đoàn trong nhà lần lượt được soi xét kỹ càng trước khi bung ra để ngoài hiên. Quét nhà thật sạch, lục tìm cẩn thận thêm một lần nữa rồi mới đưa lại đồ đạc vào nhà. Không ai thấy bóng dáng một sợi lông của con chuột! Một thành viên trong nhà, quẹt mồ hôi cảm râm: “Rõ khổ, chuột ảo giác!”

Mấy ngày sau, khuya, đang ngồi xem World Cup 2014, bỗng tôi thấy bóng một con chuột trong chiếc loa treo ở trên tường nhà chui ra, thấy người liền chui vào. Một phát hiện thật là trọng đại! Tôi liền lấy chiếc khăn lau bàn, bắc ghế nhét kín lỗ thông hơi chiếc loa, nơi duy nhất mà con chuột chui ra chui vào được. Dùng cây vặn vít mở hé mảnh nhựa nhỏ đằng sau loa ra và rọi đèn pin vào xem. Chuột thật rồi! Không những con chuột mẹ mà còn một, hai... bốn con chuột con đỏ hỏn chưa mở mắt. Cẩn thận tôi vít miếng nhựa chặt lại, nhẹ nhàng tháo chiếc loa đặt xuống sàn nhà. Thì... “roạt” một tiếng, mặt trước chiếc loa đã bị hở hoác. Tôi sững sờ nhìn bóng con chuột lao ra khỏi nhà. Tức đến ứa... nước mắt. Bắt lũ chuột con ra, tôi định bằm nát cho hả cơn giận thì trong đầu lóe lên một ý nghĩ sắt lạnh, liền đem nhốt chúng vào chiếc lồng sắt.

Chiều ấy đi làm về, việc đầu tiên là tôi nhìn vào chiếc lồng, và khá là ngạc nhiên khi thấy lũ chuột con đang ngủ ngon lành trong... một chiếc đĩa. Quanh chúng còn đọng lại vài giọt sữa trắng ngần(!?).

Tối đó, rấp tâm tôi đem lũ chuột con ra thực hiện ý đồ mình, dùng chỉ buộc từng con một như thắt cổ chó, rồi

mắc tất cả chúng vào chiếc cần lầy của chiếc bẫy lồng. Đang chú tâm vào việc làm của mình, thì đứa con gái tôi đứng sau lưng tôi hỏi nào lên tiếng: “Con nghĩ ba đừng làm vậy!” Tôi nổi đóa nói: “Con nói cái quái gì vậy! Nó phá hỏng chiếc loa nhà mình giá mấy triệu bạc. Lũ này mà không diệt tận gốc thì có ngày chết với chúng”. Tiếng tôi trong lúc giận dữ khá lớn, đã làm đứa cháu ngoại sơ sinh trên tay con gái giật mình khóc òa...

Sáng hôm sau, vừa thức dậy là tôi đã vội vàng đến thăm chiếc bẫy. Chao ơi thật là hả hê! Cửa bẫy đã sập, bên trong con chuột mẹ đang run rẩy giương mắt nhìn tôi; tuy vậy nó vẫn nằm yên cho lũ con tranh nhau rúc vú mẹ. Mối hiểm họa đã được giải quyết. Nỗi bực tức đã được hóa giải. Tôi pha ngay một ấm trà, ngồi tận hưởng “chiến công” của mình. Qua mấy tuần trà, cái sự sung sướng ấy rồi cũng lắng dịu; nhường chỗ cho những ý nghĩ mơ hồ, len lỏi từ đầu đó trong tâm hồn tôi hiện rõ dần. Tôi đã dùng miếng mồi Tinh-Mẫu-Tử, một thứ tinh thiêng tối thượng mà bất kỳ giống cái của loài vật nào sống trên thế gian này đều sở hữu, để nhử bắt một con... chuột nhắt mẹ! Điều làm tôi thấy sợ là trước đó, trong bẫy tôi đặt nhiều miếng ăn ngon lạ mà nó không hề màng tới, những thứ ngay cả con người (loài động vật cấp cao), cũng không ít kẻ mờ mắt rồi lâm cảnh tù tội; con vật cấp thấp này chắc chắn biết chui vào bẫy là chết nhưng vẫn vào nằm cho con bú! Thật đáng nghĩ ngợi.

Một ngày làm việc với bao ý nghĩ vẫn vơ. Hồi ở quê, tôi ra đồng diệt chuột, đem hàng tá đuôi chuột tới hợp tác xã đếm đổi lấy công điểm mà không hề để lại ấn tượng gì. Nay nhọc công mới bắt được mẹ con bầy chuột nhắt phá hại trong nhà mình, tôi lại thấy có cái gì đó không ổn về mặt tâm hồn. Phải chăng là do cách bắt?

Chiều đi làm về, tôi dùng xe trước cổng nhà và bảo con gái: “Đem chiếc lồng chuột ra cho ba”. Nó hỏi: “Ba định làm gì mẹ con chúng?”. Tôi trả lời: “Ba đem ra thả ngoài bãi rác con ạ”. Con gái tôi, cái đứa đang nuôi con dại đã lấy sữa mình cho lũ chuột non ấy uống, giọng mừng rỡ: “Con cảm ơn ba!” Lại nữa, đi một quãng tôi mới hiểu ý nghĩa của lời cảm ơn đó. Đó là tình đồng cảm mẫu tử không biên giới... ■



Tuổi Tây, tuổi ta

KIM HOA

Khác với tất cả các nước trên thế giới, chỉ riêng Việt Nam mới có mỗi người mang hai thứ tuổi: tuổi Tây và tuổi ta. Tuổi Tây tính theo dương lịch, phải đủ 12 tháng mới có được một tuổi. Tuổi ta tính theo âm lịch, vừa mới mở mắt chào đời đã có được một tuổi rồi. Tuổi ta luôn luôn nhiều hơn tuổi Tây một năm hay vài ba tháng tùy theo ngày tháng sanh của người ấy. Có những trường hợp đứa trẻ sinh vào chiều 30 tháng Chạp, đến sáng mùng một tháng Giêng đã phải chịu hai tuổi dù chỉ mới ra đời có một ngày.

Không phải vô cớ mà người xưa đã chọn cách tính tuổi con người coi có vẻ phi lý như thế. Đây là hình thức biểu trưng cho sự hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ.

Tuổi đầu đời được mang ấy chính là tuổi hiếu, tuổi dành cho cha mẹ.

Không chỉ riêng người Việt Nam, mà tất cả loài người đều lấy chữ hiếu làm đầu. Người không giữ được chữ hiếu thì không thể nói có được chữ trung và những hành xử tốt đẹp khác đối với nhân quần xã hội. Nhưng không có nước nào đem sự hiếu thảo đưa vào thực tế như người Việt Nam.

Đạo Phật được coi là một đạo hiếu. Người bất hiếu không có con đường đi đến giác ngộ được. Khổng giáo cũng vậy mà Lão giáo cũng thế, đều lấy chữ "Hiếu đạo vi tiên". Đạo hay đời đều dùng lý thuyết để hướng dẫn con

người hướng về sự biết ơn công lao trời biển của cha mẹ. Người Việt Nam lấy ngay từ khí huyết của cha mẹ đặt nền tảng cho chữ hiếu. Mẹ đã nặng mang 9 tháng 10 ngày chịu biết bao nhiêu gian lao khổ cực từ tinh thần đến vật chất, nuôi dưỡng cho ta có được cuộc sống ngay từ trong lúc hầy còn bào thai. Khi ta được mở mắt chào đời, tuổi mang đầu tiên ấy là tuổi để đền đáp lại công ơn 9 tháng 10 ngày của mẹ đã cưu mang ta. Tuổi đầu tiên ấy mỗi người đều mang theo suốt cả cuộc đời để lúc nào cũng không thể quên được mình là con của cha mẹ, phải hành xử thế nào cho xứng đáng với đạo làm con.

Trong cuộc sống đời thường, tuổi Tây và tuổi ta đối với người Việt Nam song song tồn tại, nhưng sử dụng cho hai mục đích khác nhau. Có thể nói, tuổi Tây để áp dụng cho cuộc sống vật chất như những mưu sinh thường ngày. Tuổi ta áp dụng cho cuộc sống tinh thần như những việc làm hướng về tâm linh. Giỗ chạp, cưới hỏi, tang ma, lễ lạt... đều tính bằng tuổi ta cả.

Ngày nay dường như ít ai để ý đến tuổi âm lịch. Mỗi khi tổ chức sinh nhật người ta đều tính theo tuổi dương lịch. Có lẽ do vì thói quen theo với cuộc mưu sinh. Cũng có thể do vì sợ mình phải "già" thêm một tuổi. Tuy nhiên, vẫn còn không ít người kỷ niệm ngày sinh tính theo tuổi âm lịch để không quên nguồn cội. Đó là một việc làm mang đầy ý nghĩa hiếu đạo của người con đối với cha mẹ dù bất cứ ở lứa tuổi nào. ■

Hoạt cảnh

VĨNH HIỀN

hơi nồng rượu phả
ngày tháng râu ria
bạn bè dẫm kẻ
tha phương gọi về
phổ gây lối mộng
xao bóng trắng lung
thơ vẫn gói chặt
tâm thức lũng bùng
xó tình lặn đạn
hồi ức muôn trùng
nụ cười tiềm ẩn
ngàn giấc chờ trông.

Mây mộng

TRƯỜNG KHÁNH

Bềnh bồng mây nhẹ chiều buông,
Khói sương diễm ảo vương vương lối về.
Em trăm năm chốn sơn Khê,
Ta trăm năm giữa bọn bề trần lao.
Canh đời một thoáng hanh hao,
Gom muôn cảnh mộng đổi trao thức tình.
Bao mùa duyên nghiệp tử sinh,
Khoảnh khắc hóa hiện u linh cuộc cờ.
Sợi buồn hong gió đong đưa,
Có em đứng cuối canh thừa non cao.

Lẽ nào bụi phấn bay đi là rồi

PHAN THÀNH MINH

Ra sông là nước xa nguồn
Vội quên tiếng hót chim muông gọi ngày
Người xinh phố cũng xinh lây
Qua đường môi nở ngất ngây nắng hồng

Hạ đi khép lại môi mong
Bao nhiêu thương nhớ vầy vòng quanh em
Sân trường thơm nắng mới lên
Trăm hoa rạng rỡ nở trên môi trò

Không việc nghiên bút năm co
Vạn ngàn con chữ chẳng no được lòng
Được việc được tiếng được công
Được đời ưu ái thông dong cây vì

Con đường mai học trò đi
Chông gai gheñh thác dễ gì phẳng phiu
Khác xa sách vở quá nhiều
Kiến văn giúp được bao điều em ơi

Vô tâm trước mọi lẽ đời
Dở hay thương ghét tùy ngòi bút phê
Mập mờ lấp lũng khen chê
Bước qua cửa lớp đi về an nhiên

Lẽ nào em thật tình quên
Con em cháu mẹ còn trên trường làng
Khó khăn lắm nỗi cuu mang
Lẽ nào có thể an nhàn em ơi.

Chiêm ngưỡng

NGUYỄN TĂNG KHÔI

Những đóa sen hồng trên dòng biếc
Nhẹ nhàng một thoáng Hương giang
Giấc mộng xưa bừng hương sắc
Hoa trôi tựa cõi Niết-bàn

Từ bi ngắm thuyền Bát-nhã
Chân truyền y bát trao tay
Vô ưu qua thời nhân thế
Rong chơi quên cả tháng ngày

Sá gì những vạt mây bay
Sấm, mưa theo chiều ập đến
Bỗng nghe tiếng chim chiến chiến
Hót vang bên cội bồ-đề.

Tôi về

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tôi về qua ngõ tuổi thơ
Ngang chiều nắng lụa tóc hồ hững bay
Con trâu chưa lạ đường cày
Cành đa cổ tích dang tay vẫy ùa

Qua làng gặp lại tôi xưa
Gánh xuân gánh cả cơn mưa ra đồng
Mùa về trên lưỡi liềm cong
Bếp vui lửa ấm rục hồng má què

Hồn làng vất vẻo ngọn tre
Cô trắng mười tám chùng nghe đã già
Tiếng chày tiếng cối ngâm nga
Cay gừng mặn muối mở ra cuộc đời

Tôi về tôi lại gặp tôi
Eo sông thất dải tiếng cười gái què
Hoàng hôn năm ngả lưng ðe
Qua cầu bay áo chiều che nỗi niềm.

Mặt trời đi đâu?

KIM HOA

Ông mặt trời đi đâu?
Ðể mây xám giăng sào
Sân đi cơn gió nổi
Ðộng cành lá nghiêng chao.

Khẽ chạm vào nỗi đau
Chợt nghe lòng thổn thức
Vuốt ve từng sợi tóc
Trách thời gian qua mau.

Thước nào đo nông sâu
Còn chút gì trao nhau
Buồn – vui nơi góc nhỏ
Chua cay lẫn ngọt ngào.

Về từ giấc chiêm bao
Xưa xa của thuở nào
Vỡ òa từng giọt đắng
Ông mặt trời đi đâu?

Quán cà-phê xưa

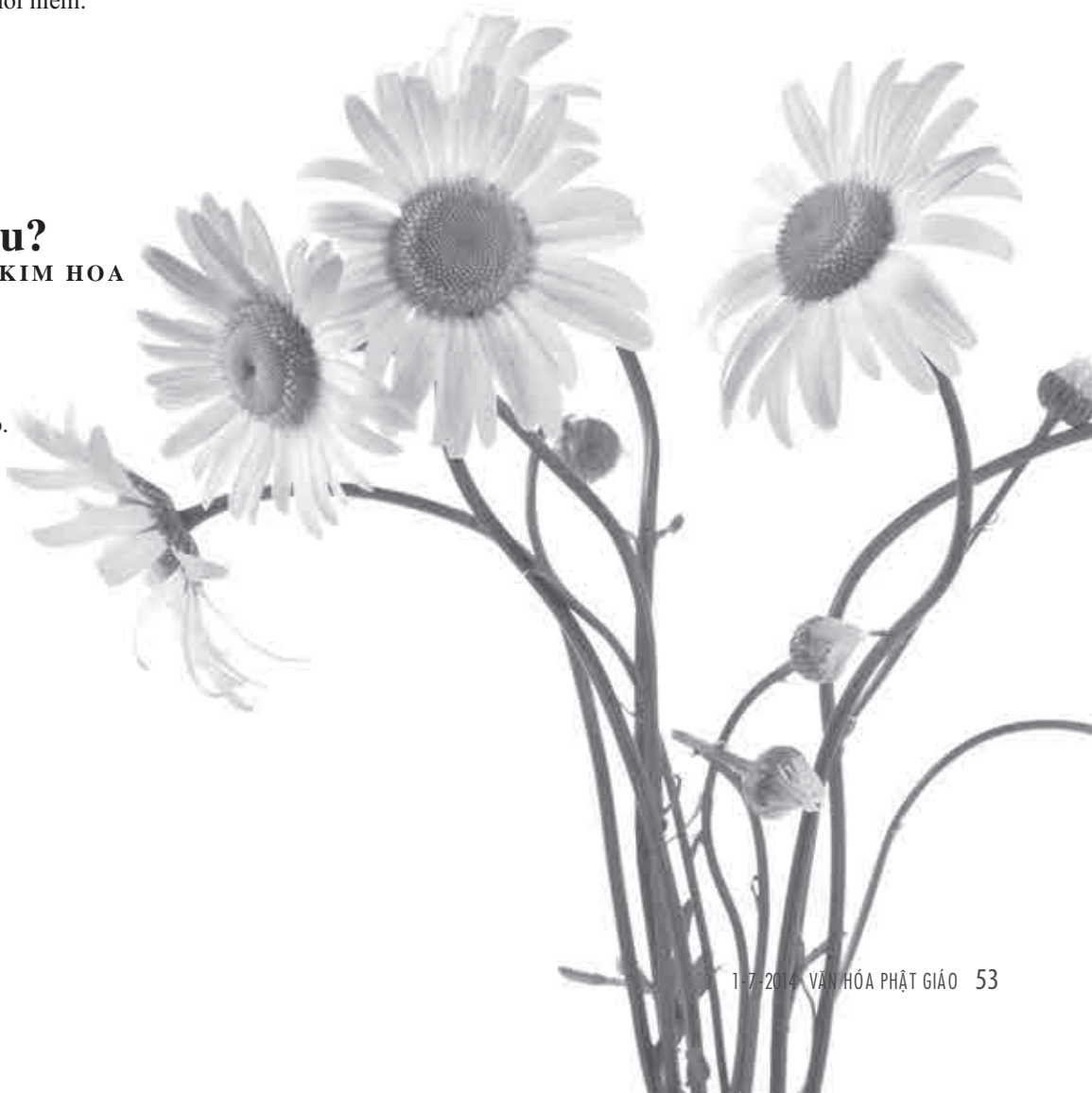
NGUYỄN MIÊN THƯỢNG

Nhớ người ghé quán cà-phê
Năm năm quanh quẩn buổi về lơ ngơ
Tình xưa chừ ðã thành thơ
Người xưa chừ cũng hững hờ tóc bay
Mắt xanh ðà lòng vòng tay
Ly cà-phê đắng giọt gây guộc nhau.

Lão nông

VÕ BÁ

Thở hơi đất, nói giọng làng
Thấp cao chân ruộng, mùa màng trên vai
Mụn khoai, mẩu sắn chạc chài
Dắt người qua cửa trần ai: nợ, phiền...
Nghiêm dung hiếu hạnh, thảo hiền
Phước lành con cháu, xóm giềng nghĩa nhân
Thiện lương tỏa sáng chân tâm
Tàn tro ðã lạnh hương trầm còn thơm.



Khi con vaéng nhàø

NGUYỄN TRỌNG HOẠT



Nhà có ba người nhưng đã bốn buổi tối liên tiếp chỉ hai vợ chồng ăn cơm với nhau. Vắng con trai đang học lớp 11 khiến bữa tối của hai “lão thành” (như anh tự trào) trở nên nhạt nhẽo. Nhớ lúc trước, mỗi khi chị chuẩn bị cơm chiều, thằng bé cứ xớ rớ đứng quanh. Nghe tiếng dầu mỡ xèo xèo trên bếp, nó chun mũi hít hà “thơm quá!”; thấy mẹ cho thức ăn ra đĩa, nó sáng mắt nhìn theo “hấp dẫn chưa kia?!”; miệng nói tay gấp thức ăn thổi phù phù rồi đưa luôn lên miệng. Chị khế cốc con, mắng yêu: “Hỗn, chờ ba đã!”. Nó toét miệng “con thử mà!” rồi hihi, khiến chị vui lây. Lắm lúc chỉ ngồi nhìn con ăn, chị đã thấy vui.

Vắng con, chị không muốn sửa soạn nhiều món; ngồi vào mâm chỉ cốt qua loa xong bữa. Bữa cơm càng thêm phần tẻ nhạt khi không có tiếng nói cười của trẻ. Miệng nhai uể oải, đầu óc anh để tận đâu. “Em gọi cho nó chưa?”, anh đột nhiên hỏi. Chị chống đũa nhìn chồng, phân vân: “Có, nghe xung quanh ồn ào lắm.” Nổi bần khoăn lây sang anh: “Ở đâu lại ồn ào nhi?”. Cả hai bần thần hồi lâu rồi cùng nhìn ra khoảng sân vắng đang nhá nhem lúc cuối ngày.

Đầu tuần trước, con trai xin phép anh chị tham gia hoạt động tình nguyện nên tối về trễ. Cụ thể là hoạt động gì? Thằng bé lảng tránh trước vẻ ngạc nhiên cùng lời chất vấn của ba mẹ. Nó bối rối loanh quanh, cuối cùng xoa dịu bậc sinh thành bằng cách úp mở: “Lúc nào việc làm có kết quả, con sẽ thưa chuyện”. Việc chính đáng thì có gì phải giấu; nghĩ thế nên chị không thể yên lòng mỗi khi con ra khỏi nhà, càng rối bời những lúc nó về trễ. Nó lớn rồi nên không thể giữ mãi trong vòng tay mình. Đã bao lần anh chị tự động viên những mong nỗi lo khi vắng con được xoa dịu, nhưng sự bình yên chỉ có được trong chốc lát.

Mấy tối rồi, khi ti-vi hết chương trình thời sự, anh chị bắt đầu đi ra đi vô, pháp phòng. Chị tha thần ra tận đường lớn, dán mắt vào dòng người xuôi ngược để tìm chiếc xe đạp điện màu xanh quen thuộc của con. Đứng chôn chân nhìn mãi, chị lại lặng lẽ đi vô. Nghe tiếng mở cổng rền rẹt, anh lật đật chạy ra, niềm hy vọng ngồi ngời tan biến, khi chỉ thấy chị. Anh rút điện thoại gọi

cho con; nét mặt đang đăm đăm khó chịu bỗng bùng lên niềm vui khi nghe nó đáp lời. Buồn bực trong anh cứ vơi dần mỗi khi nghe giọng con. Chị ngồi bên, tròn mắt, luôn mồm: “Sao? Nó nói sao?”. Kết thúc cuộc gọi, anh quay qua phía chị: “Nó sắp về rồi. Hình như đang mua bán gì đó, nghe có tiếng hỏi giá lao xao”. Chị ngạc nhiên: “Mua bán gì?” “Ai biết”, anh buông xuôi.

Anh chị chuyển qua bàn về dự định tương lai của con; miệng nói nhưng chốc chốc mắt liếc nhìn ra cổng rồi ngược lên đồng hồ trên tường. Bao đồng một lúc nhưng cả hai dường như không quên được nỗi lo; sự kiên nhẫn cứ vơi dần theo tiếng tích tắc của đồng hồ. Chị lại nhấp nhúm đứng lên đi ra cổng, anh cất giọng giữa trời: “Lần này nhất định phải hỏi cho ra lẽ. Nó không nói rõ, không cho đi nữa!”. Người đang bùng bùng nhưng nghe con bấm chuông gọi cửa, anh lật đật đi lấy chìa khóa, giọng cứ như reo “có đây, có đây!”, còn chị thì vội vàng vào bếp hâm lại thức ăn cho con. Nhìn nó toét miệng cười, bực dọc trong anh tan hết. Anh đỡ ghi-đông xe để dắt vô nhà thay con rồi giục nó đi tắm, ăn cơm. Chỉ khi thằng bé đã lên phòng riêng, anh chị mới tắt đèn, đi ngủ.

Không biết con làm gì trong những tối về trễ khiến anh chị thường trực một nỗi lo hiển hiện. Sau nhiều lần lưỡng lự, anh quyết định làm theo lời chị, bí mật dõi theo hành tung của con khi nó ra khỏi nhà. Lần đầu, anh bị đèn đỏ làm gián đoạn việc “bám đuôi”, khi vượt qua được giao lộ thì ngỡ ngác, không thấy con đâu, đành tiu nghỉu quay về. Lần thứ hai, anh lẻo đẻo bám theo con, thấy thằng bé vẫn vô tư, vừa chạy xe vừa nói chuyện với bạn, anh bất ngờ xấu hổ khi thấy mình khuất tất như kẻ trộm. Thế là anh bỏ cuộc giữa chừng, tự nhủ “chắc nó chẳng làm điều xấu”.

Rụt rè, anh tìm đến nhà cô chủ nhiệm. Anh hỏi hộp, người như bị phân thân, nửa muốn biết sự thật về những tối vắng nhà của con, nửa lo lo khi phải nghe điều chẳng lành. Mấy lần anh đưa tay định bấm chuông gọi cửa nhưng lại thôi; lúc lâu anh mới vượt qua được chính mình. Và rồi, đáp lại vẻ nôn nóng của anh, cô chủ nhiệm tươi cười kể về những việc làm thiện nguyện của nhóm bạn “Kết nối yêu thương” mà con anh là thành viên. Nhóm nhận bán hoa cho các đại lý, bán vé xem phim, xem ca nhạc cho các rạp hát để ăn hoa hồng. Số tiền thu được, chúng mua quà tặng trung tâm nuôi dưỡng người già cô đơn của thành phố. Hằng tuần, cả nhóm thay nhau đến thăm và chăm sóc các cụ ở đó... Anh thắc mắc: “Sao cháu nhà tôi lại giấu chuyện này, hả cô?”. “Đó là bí mật của cả nhóm, chúng sợ nói trước nhưng không làm được sẽ xấu hổ với người thân - cô tươi cười - Đến giáo viên chủ nhiệm mà lúc đầu các em cũng giấu đấy”.

Lời cô khiến anh lâng lâng suốt chặng về. Vừa chạy xe anh vừa lan man nghĩ về con, những mong sớm đem tin lành về cho vợ. Vừa thấy anh, chị đã hỏi dồn:

“Anh biết chuyện gì chưa?” Anh cười, cố ý nhấn nha, kéo dài sự sốt ruột của vợ: “Biết rồi, để từ từ”. Chị hấp tấp đính chính: “Là em hỏi anh vừa xem ti-vi không?” Anh ngỡ người: “Không, có chuyện gì?” Chị vỗ vai anh, giọng vút cao: “Con vừa được lên ti-vi; cả nhóm bạn của nó chăm sóc các cụ già neo đơn”. Anh tròn mắt: “Thiệt hả; nó làm gì?”. Vẫn giọng hồ hởi, chị kể: “Nó cho các cụ ăn uống, rửa mặt rồi đẩy xe đi dạo loanh quanh. Nó còn nhìn vào ống kính vẫy tay, tươi cười nữa. Nhìn nó trên ti-vi, thấy lạ lắm!”. Chị kể đi kể lại, vừa nhấn nhá vừa vung tay giả làm động tác của con. Bất chợt chị hạ giọng: “Cũng may mình chưa làm điều gì khiến con tổn thương”. Anh gật đầu, nói khe: “Để im coi nó có tự nói ra không nhé”. Cả hai nhìn nhau tươi cười.

Hôm sau, chị dọn phòng ngủ của con, thấy rơi ra một xấp vé từ túi áo của nó. Tô mò, chị lật coi thử, hóa ra là vé xem xiếc. Cầm tập vé và liên tưởng lời anh kể, chị nghĩ, chắc vì tập số vé này mà mấy bữa rồi nó đi suốt, về đến nhà là rút ra đếm đi đếm lại rồi ngồi thừ. Tối nay diễn mà còn những hai chục vé thì sao đây. Tự nhiên, chị lo thay cho con, nóng lòng mong nó đi học về. Chị lẳng lặng nhét tập vé vào lại túi áo của con rồi qua phòng bên, nói nhỏ với anh. Anh cười: “Em coi như không biết; cứ để đó anh”.

Bữa trưa có nhiều thức ngon nhưng thằng bé ăn ít lại lặng lẽ, hình như đang nghĩ điều xa xăm. Vừa ăn anh vừa bâng quơ với chị: “Nghe nói có đoàn xiếc Trung ương vào diễn hay lắm; nhiều anh em đơn vị muốn xem mà không biết mua vé ở đâu cho tiện”. Đang tư lự, thằng bé bất ngờ sôi nổi, chen ngang: “Để con bán... à quên, để con mua cho”. Anh vẫn thản nhiên: “Để ba hỏi lại có mấy chú muốn xem và xem đêm nào rồi sẽ nhờ con. Nếu họ đã mua vé rồi thì thôi”. Ba có vẻ đứng đưng nhưng con cứ dạn đi dạn lại: “Ba nhớ ghen, ba nhớ ghen...” Đầu giờ chiều, vào cơ quan được một lúc, anh gọi về cho con, nhờ mua hai mươi vé xem xiếc tối nay. Nói chuyện với ba mà giọng nó cứ như reo và “dạ, dạ” liên hồi. Tưởng tượng cảnh con đang vui, anh mỉm cười lặng lẽ. Tan tầm, anh đánh xe về, cầm tập vé xem xiếc đi thẳng tới mái ấm tình thương dành cho trẻ em lang thang cơ nhỡ ngay cạnh trụ sở ủy ban phường.

Đêm, con trai về trễ như mọi hôm nhưng anh chị không còn lo. Họ ngồi nơi phòng khách nói chuyện vui bao đồng và chờ con. Và rồi, nó về, mang theo cả niềm vui. Nó bảo vừa ở chỗ rạp xiếc và được nghe chuyện cảm động về một người hảo tâm tặng vé vào xem cho các bạn lang thang cơ nhỡ. Đây là lần đầu được xem xiếc trong rạp nên các bạn ấy thích lắm, ai cũng cảm ơn người cho vé nhưng người đó giấu tên. Thằng bé xuýt xoa: “Sao có người tốt thế!”. Anh nhìn con trìu mến: “Người tốt ở quanh ta mà con”. Chị bất chợt xen vào: “Việc con làm cũng tốt đó thôi”.

Thằng bé tròn mắt nhìn ba mẹ, thoáng ngạc nhiên lẫn niềm vui long lanh trong đôi mắt trẻ. ■

Một đêm trà đạo

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Không có lối đi trải sỏi dẫn vào trà thất. Không có đủ những quy thức cần thiết cho một buổi trà đạo “chính hiệu”. Bởi tôi và Phan Văn Cẩm chỉ đến thăm - chơi ngôi chùa nơi thầy Thông Nhã ngụ. Dự buổi trà đạo trong cái đêm trăng khi mờ khi tỏ ấy, thái độ của riêng tôi chỉ là cỡi ngựa xem hoa. Riêng hai cái “bờ” ấy đã không tạo nên tâm thái Tạm Dừng Lại những xao động bên trong, yếu tố cần thiết khi đặt bước chân đầu tiên lên con đường dẫn đến việc tham dự một buổi trà đạo. Nhưng khi nhìn cái dáng ngồi nghiêng theo kiểu Nhật Bản của Ly - cô sinh viên đến từ Hà Nội, nhân vật chính trong buổi uống trà ở ngôi chùa - với tấm khăn màu đỏ tươi cài bên hông (một trong những vật dụng cần thiết của trà nhân) nổi rõ trên nền vải màu trắng - vàng trong trang phục của Ly, cảm giác về sự đối sắc ấy dường như gợi lên nét đối nghịch vốn có trong mọi sự vật để dẫn đến nhận thức về sự điều hòa những yếu tố cực đoan. Và không hiểu sao, khuôn mặt trẻ con - thiếu phụ của Ly lại gợi liên tưởng đến nhân vật nữ trong tác phẩm *Ngàn cánh hạc* của nhà văn người Nhật R. Kawabata, khuôn mặt biểu tượng cho những giằng xé - khát khao lặng thầm của đời sống tâm thức?

Trong buổi uống trà, lẽ ra mỗi người phải tự thực hiện những thao tác cần thiết của việc pha một chén trà cho chính mình, như lau chén, xúc trà, chế nước, khuấy trà... nhưng Ly đã làm tất cả, vì chúng tôi... chưa phải là trà nhân. Giữa buổi trà, có thêm một người bạn đến tham dự. Lời giới thiệu tên tuổi, công việc của chúng tôi được thầy Thông Nhã nhẹ nhàng nhắc nhở: Trong cuộc trà, mọi người đều bình đẳng, không phân biệt cao thấp sang hèn (sang - hèn, ấy là nói theo lối thế tục). Nhưng chỉ có vài phút “vi phạm” ngăn ngủ ấy thôi. Còn lại, buổi trà diễn ra yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng mới có vài câu nói nhỏ, hỏi và giải thích về tên gọi các dụng cụ và ý nghĩa của chúng trong Trà đạo. Bên cạnh mỗi chung trà xanh, chủ nhân đặt một chiếc bánh đậu xanh nhỏ, vuông vức. Theo thói quen, tôi ăn bánh giữa hai hớp trà. Ly nhẹ nhàng: Không thực hiện hai việc lẫn lộn vào nhau: Ăn xong bánh mới uống trà; hoặc ngược lại. Thú vị thật: Vậy là tôi thêm một lần được “vỡ” ra cái sự “mit” của mình. Ngay cả chỉ trong một cử chỉ nhỏ như vậy mà cũng không bỏ được cái thói lãng xảng gọi là lịch

sự, thì hỡi ôi, làm sao dẫn bước trên con đường Quay Lại với chính mình (!?). Và tôi chợt nhớ lại để mà hiểu ra, vì sao ngày trước khi pha trà, ông tôi vẫn phải dùng nước suối hoặc nước mưa để lóng. Ấy là, nước không sạch thì tâm không trong. Nước là tấm gương của tình yêu, bước dẫn đến sự bình yên của thế giới, thế giới bên trong của mỗi người và cả thế giới hơn bảy tỷ người chen chúc, giờ đây!

Sau khi uống xong chung trà, Ly kể chuyện: Ở Hà Nội, đã có một số người tự nguyện trở thành môn đệ của Trà đạo. Một cách nghiêm cẩn chứ không phải chạy theo mốt hay “ham vui”. Và chi phái trà mà Ly tham gia chủ trương phải tuân thủ đầy đủ những quy thức của Trà đạo truyền thống. Hai phái khác thì lại chọn cách dung hòa để phù hợp với sinh hoạt vội vàng của cuộc sống hiện đại vốn hối hả. Ấy cũng là điều tất nhiên và... tự nhiên, nhưng có lẽ, khuynh hướng lưu giữ những nguyên tắc truyền thống là hợp lý, vì nó sâu xa và có nhiều “luận cứ” để đứng vững hơn. Thái độ này dường như cần thiết trong nhiều lĩnh vực, nhiều hoạt động xã hội khác. Bởi vì, những thành tựu của văn học, hội họa, âm nhạc... khi đã trở thành tài sản của cộng đồng, trong một giai kỳ nhất định, thì sự “biến chế” sẽ dần dần đưa đến hậu quả là dễ đánh mất và làm thiên lệch chính những kết quả ấy. Ví như một câu kinh Phật được... hát theo giai điệu thánh ca Thiên Chúa giáo; hoặc đưa một nội dung sinh hoạt của thế kỷ thứ XXI vào những hình thức đã được kiểu thức hóa của nghệ thuật hát bội thì sẽ buồn cười đến mức nào? Hay là, một ví dụ gần hơn: Hát nhạc Trịnh Công Sơn theo giai điệu pop - rap. Hoặc, diễn bi kịch Shakespeare theo cách... tấu hài Nam Bộ? Hẳn nhiên, văn hóa (hiểu theo nghĩa rộng) là sự tiếp biến nhưng không có nghĩa, cái gì cũng có thể “cách tân”. Bởi, những sản phẩm văn hóa ấy đã trở thành sự kết tinh - biểu hiện của từng thời kỳ trong lịch sử văn minh nhân loại... Bởi, sẽ buồn và hiếm nguy biết mấy, nếu Trà đạo chỉ là của riêng người Nhật, Khổng giáo là độc quyền của Trung Hoa, vân vân và vân vân. Ấy là cái lý tồn tại của Chung - Riêng mà Riêng - Chung. Không có cái Chung - Riêng ấy, sẽ chỉ còn là một thứ hỗn ma vất vương trong cơn lốc toàn cầu hóa tối tăm mặt mày.

Nhưng tôi đã bị “lạc đề” khi định viết một bài báo với số lượng từ đã được qui định, trong khi “lẽ ra”, phải nói



sơ qua về lịch sử Trà đạo ở Nhật vốn đã có từ thế kỷ thứ XV thông qua các nhà sư như một phương thức luyện Tâm (cùng với Hoa đạo, Thư đạo, Kiếm đạo); rồi phát triển mạnh từ thế kỷ thứ XVII dưới sự xiển dương của Trà sư Furuta Oribe... Tôi cũng không ghi lại những thuật ngữ cần biết khi tham dự buổi trà đạo mà Ly đã tận tình giải thích. Ví như, ý nghĩa các thao tác của trà nhân. Ví như, việc uống trà chỉ diễn ra trong diện tích khoảng ba chiếc chiếu đôi (tatami), trà thất (sukiya) không chỉ là một nơi chốn cụ thể mà hàm nghĩa rất rộng là tâm thức con người... Nhưng... thôi vậy, tôi tự tha thứ cho sự dốt nát của mình để nghĩ rằng, cả tôi và Phan Văn Cẩm, dù sao, cũng đã có dịp để Ngồi Lại bên chén trà. Nghĩa là, một dịp để quay về quan sát chính mình trên bước đi hướng về nghĩa sống, khi nâng chén trà của tinh thần nhân ái và hiểu rằng, chỉ có tình yêu mới có thể là phương thuốc giải trừ - xóa bỏ những âm thanh cuồng nộ chết chóc của thù hận và chiến tranh. Để biết rằng, còn phải nỗ lực biết bao trên con đường nhận thức về cái - không - nói, cái - không - biết, sau đó, mới có thể hy vọng đặt chân lên bệ - phóng - trực - cảm về cái - không - được .

*

Đâu đó và đôi khi, trên những con đường ở Sài Gòn đang được mở rộng lộ giới, mù mịt khói bụi, có lẽ nhiều khách qua đường chẳng buồn chú ý đến tấm biển quảng cáo Trà đạo, cắm xiêu vẹo bên vỉa hè lổn nhổn cát đá. A,

thì ra “nó” cũng đã có mặt ở vài nơi (có khi còn nhiều nơi nữa đấy). Như một mầm sống thẳm lặng đang nức lên từ những ngồn ngang giữa thời đại cơ khí.

*

Trên con - đường - sáng - trăng - ra - về, ngôi chùa và đêm yên tĩnh, sau lưng. Có thể đêm vẫn là đêm của mọi đêm, nhưng dường như đã lặng lẽ diễn ra một điều gì: sự bình an còn đọng lại trong chúng tôi là hiệu quả của buổi uống trà. Và nếu đã không có được sự “dọn mình” cần thiết của những trà nhân trên lối đi dẫn vào trà thất, thì trên bước chân hướng ra cổng chùa để rồi nhập vào thanh âm xao xác của phố phường, chúng tôi cũng hy vọng rằng, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, đã đặt được nửa bàn chân trên lối ngược thời gian. Để quay về với sự buông thả, bước đầu tiên giúp hiểu được chính mình. Còn trà, như một chất uống cụ thể, thì dầu sao, ngôn ngữ Trà ca của thi sĩ Lô Đồng khi uống đến chén thứ bảy đã tạo ra niềm cảm khoái của đời sống thế tục nhưng vẫn luôn hướng đến cái vĩnh hằng: “... Thất oản khiết bất đắc dã / Duy giác lương dục tập tập thanh phong sinh / Bồng Lai Sơn tại hà xứ? / Ngọc Xuyên Tử / Thừa thử thanh phong dục quy khứ...” (... Đến chén thứ bảy thì làm sao uống thêm được nữa. Chỉ nghe gió đang thổi lồng vào dưới hai nách. Núi Bồng Lai ở đâu? Ngọc Xuyên tử! Hãy cưỡi cơn gió này mà bay đến đấy...). ■



Ký ức đồng dao

LINH LAN

Mỗi khi bận lòng vì những nỗi niềm vui buồn đan xen, tôi bỗng khao khát cái cảm giác đi được giữa những con đường làng mát rượi, được thả hồn rong chơi trên những đồng ruộng phẳng lì và ngắm nhìn đám trẻ quê nở những nụ cười hồn nhiên - những nụ cười tỏa sáng giữa những trò nghịch ngợm hồn nhiên. Đôi lúc chỉ muốn trở về, ngồi thành thơ trên đồng ruộng, khoác trên mình chiếc áo bà ba đã bạc màu của mẹ, đầu đội chiếc nón cời của bà... thong dong trên cánh đồng chăn trâu. Bao giờ trong những giấc mơ ấy tôi cũng nhớ da diết khúc hát đồng dao quen thuộc mà những đứa bạn một thời rong chơi cùng nhau vẫn hay ngân nga mỗi chiều:

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Thả trâu ăn lúa... gọi cha ời ời
Cha còn cắt cỏ trên đồi
Mẹ thì cưỡi ngựa đi mời quan viên.*

Tuổi ấu thơ của tôi lớn lên bên những khúc đồng dao. Đó là những khúc hát đã nuôi lớn tâm hồn tôi cũng như bao đứa trẻ vốn sinh ra và gắn bó với đồng ruộng. Tôi nhớ da diết những buổi chiều chăn trâu, cả bọn ngồi trước cánh đồng cùng nhau hát vang những khúc đồng dao quen thuộc. Thời ấy, đồng dao với những đứa trẻ chúng tôi như một người bạn. Chúng làm cho những buổi chiều miệt mài chăn trâu trên đồng ruộng diễn ra trong niềm vui và sự hứng khởi chứ không còn đơn thuần là trách nhiệm công việc ba mẹ giao cho.

Từ khúc hát đồng dao tôi học được bao điều mới mẻ về cuộc sống. Đó là những bài học vỡ lòng về đạo đức và cách sống ở đời mà những đứa trẻ quê chúng tôi học được từ khúc hát được truyền miệng qua bao đời. Ngày còn nhỏ, mẹ hay hát ru tôi bằng những khúc đồng dao. Thuở ấy, những câu hát giản dị, mộc mạc của mẹ cứ cuốn lấy tôi bởi nhịp điệu tươi vui của nó,

nhưng phải đến khi lớn khôn tôi mới nhận ra ẩn sâu trong những câu hát đơn giản và gần gũi đó là bao bài học cuộc sống có nhiều giá trị mà tôi đã được mẹ dạy cho từ khi còn bé:

*Bà còng đi chợ trời mưa
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng
Đưa bà qua quãng đường đồng
Đưa bà về tận ngõ trong nhà bà
Tiền bà trong túi rơi ra
Tép tôm nhặt được trả bà mua rau.*

Từ khúc hát đồng dao vốn sinh ra từ ruộng đồng, tôi lớn lên biết yêu thương và sẽ chia những nỗi nhọc nhằn cùng ba mẹ cũng như bao người dân quê đang ngày đêm miệt mài trên đồng ruộng để rồi thấy yêu tâm hồn của những con người nơi đây. Dù cuộc sống nhọc nhằn họ vẫn lạc quan, yêu đời, tin tưởng vào ngày mai tươi sáng. Những khúc hát của mẹ năm tháng vẫn vang mãi trong tôi những giai điệu tươi vui truyền cho chúng tôi niềm tin yêu cuộc sống. Không chỉ có những đứa trẻ chăn trâu ngoài đồng, những đứa trẻ chỉ mới lẫm chẫm biết đi đã biết hát đồng dao vanh vách như thể nó đã thấm vào máu huyết của chúng từ thuở nào. Khúc đồng dao ấy ngày ngày vẫn ngân vang trên đồng ruộng, đường làng mạc những ngày nóng bức hay mưa rào khi bọn trẻ chúng tôi chăn trâu, cắt cỏ, chơi lò cò hay đuổi bắt.

Theo thời gian, tôi lớn lên đi học rồi xa quê. Cuộc sống nơi thị thành phần hoa cứ cuốn tôi đi xa những khúc đồng dao thân thuộc. Lâu rồi không nghe ai hát đồng dao. Trẻ con ở phố ngày nay lúc nào cũng bận rộn với việc học và những cuộc đua theo điểm số. Nếu có vui chơi chúng cũng chỉ quen với trung tâm thương mại, những khu vui chơi giải trí và các trò chơi hiện đại trên iPhone, iPad. Đồng dao với chúng là một thứ xa lạ. Giờ đây những đứa trẻ quê cũng bắt nhịp được với lối sống hiện đại ấy. Không còn nhiều đứa trẻ biết đến đồng dao và biết hát đồng dao. Trở về quê một chiều đi ngang qua cánh đồng vừa thu hoạch thấy tan tác, buồn thiu mà chạnh lòng khi không còn nghe thấy những khúc đồng dao cất lên từ chất giọng trong trẻo của các em.

Trẻ em ngày nay dù được chăm sóc và quan tâm hơn trước nhưng tôi vẫn cứ thấy chúng thiệt thòi. Có những khoảng trời tuổi thơ tuyệt đẹp bên những khúc hát đồng dao mà chỉ những đứa trẻ một thời lang thang đồng ruộng như chúng tôi mới hiểu được. Đồng dao ngày ấy là thứ đã gắn kết tâm hồn của những đứa trẻ chúng tôi để về sau dù xa cách muôn phương trời chúng tôi vẫn luôn nhớ về nhau bằng những ký ức tuổi thơ vui nhộn. Những khúc đồng dao ngày ấy nhắc tôi nhớ rằng một phần đời của mình đã từng là trẻ con - trong sáng, mộc mạc như những khúc đồng dao vốn sinh ra từ làng quê, đồng ruộng. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ	CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 41 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Thiện Thành, Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ	Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	Bác sĩ Thanh, Q3 TPHCM	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,		Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ	Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ	Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ	Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan	
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5		Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	(namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ	Châu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ		
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ	BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	448 cuốn
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ	Chị Tuyền,		Mọi thông tin về chương trình tặng báo	
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ	đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm	
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ	Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ	xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn, Phòng Phát	
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ	hành VHPG: (08) 3 8484 335.	
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ	Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc	
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ	toasoanvhp@gmail.com	
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,		Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ		

Ban Biên tập

Lời cảm ơn cuộc sống

Đã hơn một năm dọn về chỗ ở mới trong một con hẻm sâu trên đường Phạm Văn Chiêu phường 11 quận Gò Vấp, lúc nào tôi cũng cảm thấy bất khoan và bất an. Đây là khu lao động, phần lớn là người nhập cư, làm ăn buôn bán hầu hết là những công việc nặng nhọc, bà con ở đây thường cãi cọ, gây ồn ào suốt ngày đêm. Lắm khi tôi cảm thấy ân hận vì đã chọn nhầm chỗ ở. Vợ chồng tôi chỉ có một đứa con trai đang học lớp bảy và một bà mẹ chồng đã lưng tuổi; chồng tôi đi làm công trình xa có khi một hai tháng mới ở nhà được vài ngày còn tôi thì cũng đã tìm được một công việc kế toán cho một công ty bán hàng, ngày nào cũng rời khỏi nhà từ sáng đến tối. Tuy nhiên, gần đây xảy ra một việc khiến tôi thay đổi cách nhìn.

Hôm ấy, vừa mới đạp xe ra khỏi nhà chừng vài trăm thước để đi học thì con trai tôi bị một chiếc xe gắn máy chở nặng quệt vào rồi chạy thẳng; thằng bé ngã lăn ra đường, tay chân trầy xước và đầu va xuống đất. May sao, đúng lúc ấy hai mẹ con bà hàng xóm chỗ nhau đi lấy hàng chạy ngang qua trông thấy, vội dừng lại rồi đỡ thằng bé lên. Nhận ra con tôi, họ quay về báo tin cho mẹ tôi nhưng mẹ tôi lẩn cẩn, chỉ biết gọi điện thoại cho tôi và cứ quỳnh cả lên. Thấy thế, họ bảo mấy người thanh niên hàng xóm chạy ra chỗ thằng bé bị nạn, người thì mang chiếc xe đạp của nó về, người thì đưa nó ra bệnh viện quận gần đây cấp cứu. Nghe điện thoại của mẹ, tôi quỳnh quáng xin phép công ty chạy vội về nhưng vì đường xa nên phải mất nhiều thời gian mới về tới nhà; và may thay, tôi đã thấy con tôi an toàn nằm nghỉ trong nhà. Thấy tôi về, bà hàng xóm, đã lấy hàng xong, chạy sang thuật lại mọi việc, cho biết bệnh viện đã kiểm tra và kết luận cháu không gặp nguy hiểm.

Thì ra, tôi đã trông mặt mà bắt hình dong. Tuy bề ngoài, những người hàng xóm của tôi lam lũ nhưng họ rất tận tình, thấy người gặp chuyện không may liền sẵn sàng cứu giúp. Sau sự việc đó, tôi sống chan hòa hơn với mọi người và đã lần lượt tìm đến cảm ơn những người đã giúp con tôi hôm ấy. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn viết lại chuyện này để cảm ơn truyền thống tình làng nghĩa xóm của người Việt chúng ta, ở đâu cũng vẫn tỏa sáng.

Nguyễn Thị Thanh Loan, phường 11, quận Gò Vấp, TP.HCM

Năm ấy con gái tôi học lớp Lá, cháu có khiếu vẽ mà vợ chồng tôi không biết. Một hôm, mở quyển vở vẽ của cháu ra, tôi thấy có bức vẽ một người phụ nữ mặc áo dài cầm tay một đứa trẻ. Nét vẽ tuy nguệch ngoạc vụng về nhưng hình ảnh thì thể hiện rõ như vậy. Tôi hỏi cháu rằng con vẽ ai, nó ngòn ngoèn cười và nói con vẽ mẹ dẫn con lên chùa. Nghe con trả lời, tôi lặng người đi. Từ lúc cháu bé ra đời đến bây giờ, có bao giờ nó trông thấy tôi mặc áo dài đâu. Vợ chồng tôi đều là công nhân mới bước đầu khởi nghiệp, làm gì có tiền mà may áo dài. Ngay cả những lần vợ chồng tôi dẫn cháu lên chùa, tôi cũng chỉ mặc áo cộc. Nhưng chỉ trong một thoáng, tôi vội kiếm cách nói lảng để cháu bé được tự nhiên. Tuy vậy, câu trả lời của con làm tôi suy nghĩ. Nó rất thương mẹ nó, nó mơ ước mẹ nó cũng có được cái vẻ đĩnh đạc như những bà mẹ khác. Từ đấy, tôi chú ý đến vẻ bên ngoài của mình hơn, rồi với sự đồng ý và giúp đỡ của chồng, tôi chú tâm dành dụm may một bộ áo dài. Buổi học cuối năm của cháu, đi đón con, tôi mặc áo dài. Từ trong lớp ra, trông thấy tôi, cháu reo lên chạy a lại, mắt lúng liếng cười, nắm chặt lấy tay mẹ. Cháu nói: “Vậy thì mấy hôm nữa mẹ mặc áo dài này dẫn con đi chùa nghe mẹ”. Tôi thấy lòng thật ấm áp. Tự dưng tôi cảm thấy cuộc đời thật nhiều ý nghĩa và tự nhủ với lòng sẽ thường xuyên nguyện cầu Tam bảo phù hộ cho gia đình tôi ngày càng thăng tiến về mọi mặt. Tôi thật sự cảm ơn tấm lòng ngây thơ của đứa con, tuy còn bé, chỉ được mẹ vài lần dẫn đến chùa mà đã có ấn tượng sâu sắc để trả lời tôi một câu nói hết sức có ý nghĩa. Xin cảm ơn mọi duyên nghiệp của đời sống đã cho tôi có những hạnh phúc tuy đơn sơ nhưng thật đậm đà.

Lâm Thị Mỹ An, Nha Trang, Khánh Hòa





DIÊU TƯỜNG ÂM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỶ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 484558

DIÊU TƯỜNG ÂM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 604 913

VIETGEM (ĐÁ PHONG THỦY)
311A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 33265177

Ngũ phương Phật (chất liệu: Ngọc lưu ly)

www.dieutuongam.com



CÔNG TY TNHH-TM HOA TIÊN
D13/2 Trần Náo, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM


Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

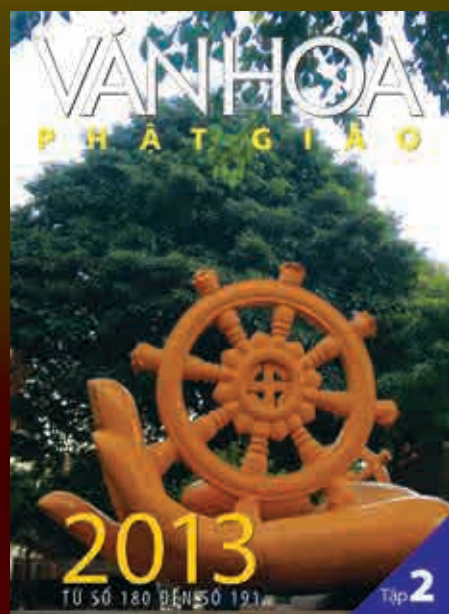
- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn



CÔNG TY CP MỸ THUẬT HUỲNH GIA SG
ĐC: 27 đường số 1, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức

- Thi công tạo mẫu các tôn tượng Phật, phù điêu, theo yêu cầu bằng nhiều chất liệu.
- Sản xuất các tôn tượng Phật, bài vị, hủ cốt, phù điêu bằng chất liệu puly composite.
- Thiết kế thi công trọn gói các công trình chùa, có nhiều kinh nghiệm xây dựng các tôn tượng kích cỡ lớn.

○ **Liên hệ:** Anh Huỳnh Như Ý
○ **Số điện thoại:** 0944 992 779 - 0944 991 889
○ **Web:** Dieukhachuynhgiasg.com.vn



Đang phát hành

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,
từ số 180 đến số 191
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ	2013 (2 tập): 420.000VNĐ

Coả Ngoạñ

NIỀM VUI CHO NGƯỜI YÊU ĐỒ CỔ

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG



Hội dâng tặng kiệu rồng cho đền thờ Hùng Vương

Sau khi Hội Cổ vật TP.HCM ra đời, thời gian sau Hội cho xuất bản *tạp san Cổ Ngoạñ*, tính đến nay đã phát hành liên tiếp 17 số; trung bình cứ 2 tháng tập san ra mắt bạn đọc yêu cổ vật một lần với hình thức trình bày trang nhã - 4 trang bìa và 72 trang ruột in 4 màu trên giấy couche. **Tạp san Cổ Ngoạñ** phục vụ cho hội viên nhằm trao đổi thông tin và làm nhịp cầu nối cho các nhà sưu tầm cổ vật, bạn chơi cổ vật và là địa chỉ giúp các đại gia yêu đồ cổ tìm đến để chọn cho mình những món đồ yêu thích... Phần đông, các bạn yêu mến đồ cổ sau một lần đọc *Cổ Ngoạñ* đều tỏ ra yêu thích với những bài sưu tầm có giá trị và những cổ vật như *đĩa gốm và ấm gốm* đời Lý-Trần, *bình và ấm rượu gốm* đời Lê, cặp chốe Pháp Lam đời vua Minh Mạng... cùng với những *đồng tiền xưa* các triều đại Đinh, Lý, Lê, Tây Sơn và tiền giấy, tem, tờ thuế thân từ thời Pháp thuộc... những cổ vật Trung Hoa như *đồ sứ và bình lục giác sứ* các triều đại nhà Minh, Thanh... Những bài viết giá trị và hiện vật của các nhà sưu tầm có tiếng như quý ông: Nguyễn Văn Quỳnh, GM.Giuse Vũ Văn Thiên, LM.Nguyễn Hữu Triết, Nguyễn Văn Phẩm, Nguyễn Thanh Tuyền, Trần Anh Dũng, Phạm Long Phi, Mai Quốc Thắng, Nguyễn Chí Hiếu... Mặc dù **tạp san Cổ Ngoạñ** còn hơi hạn chế vì chưa có mặt ở các sạp, quầy báo trên thành phố nhưng vẫn được lưu thông nhờ sự đón đọc và yêu mến của bạn yêu đồ cổ gần xa với sức lan tỏa dần qua sự giới thiệu, chuyển tay nhau phổ biến thông tin, giao lưu, trao đổi... Ông Nguyễn Văn Quỳnh, Chủ biên *tạp san Cổ Ngoạñ* cho biết: "... Mục đích **tạp san Cổ Ngoạñ** rất khiêm tốn, phục vụ cho giới cổ ngoạñ là chính (như tên của ấn phẩm), đó là những người

đam mê yêu thích sưu tầm cổ vật rồi mới học chứ không phải giới học giả học rồi mới tìm hiểu quan tâm và yêu thích cổ vật. Vì thế ấn phẩm này chỉ mới chuyển được những kiến thức vỡ lòng và phổ thông mà không nặng về tính hàn lâm... Rất mong rằng quý độc giả thông cảm và ủng hộ chúng tôi, nếu có thể mong quý vị cùng cộng tác với chúng tôi để *tạp san* có bài vở chất lượng cao hơn...".

Tôi có duyên gặp chị Bích Hằng, Ủy viên BCH Hội Cổ vật TP.HCM và là người phụ trách phát hành của tập san (bạn chỉ cần điện thoại đến chị là sẽ được phục vụ báo đến tận nhà), tôi sung sướng và trân trọng đón nhận **tạp san Cổ Ngoạñ** gần như đầy đủ từ số 1 - 17. Ban đầu, tôi nghĩ là mình đọc cho biết vì sao người chơi cổ vật được mang lại sự giàu sang! Nhưng càng đọc càng thích, rồi tôi tự nguyện gia nhập Hội và cùng tham dự sinh hoạt của Hội (2 tháng/lần), với nội dung: nghe chuyên viên khảo cổ ở Bảo tàng TP.HCM đến báo cáo - sự chia sẻ kinh nghiệm của các anh chị hội viên giàu kinh nghiệm (họ là nhà sưu tầm, cũng là người chơi và trao đổi cổ vật hoặc bán nếu bạn yêu cầu); thỉnh thoảng Hội còn tổ chức luân phiên thưởng ngoạñ cổ vật được sưu tầm ở các nhà hội viên tại TP.HCM và Tiền Giang... Nhờ vậy đã hé lộ một điều thú vị: ai muốn trở thành nhà sưu tầm và làm giàu nhờ đồ cổ, con đường sẽ được *Cổ Ngoạñ* trải rộng và Hội tạo điều kiện; tùy theo bạn có ý chí vươn lên, phấn đấu tìm tòi học hỏi hay không; hệ quả chắc chắn là bạn có đi ắt có tới để trở thành nhà sưu tầm có uy tín trên lãnh vực cổ vật.

Hiện nay Hội Cổ vật TP.HCM có trên 100 hội viên với đủ mọi giai tầng trong xã hội và luôn mở rộng cửa đón nhận các bạn yêu cổ vật (không luận tuổi tác) cùng tham gia vào Hội và viết bài cho **tạp san Cổ Ngoạñ**; thiết thực góp phần làm phong phú cho lãnh vực cổ vật và là tìm về nguồn để trân trọng và giữ gìn giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Việt và thế giới.



Tạp san Cổ Ngoạñ đã phát hành

Các bài viết, hình ảnh cộng tác và góp ý tạp san Cổ Ngoạñ xin gửi về:

Ông Nguyễn Văn Quỳnh, Chủ biên
Địa chỉ: 133/11 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.
ĐT: 0913 703 498. Email: ng_v_quynh44@yahoo.com.vn

Liên hệ đăng ký mua tạp san xin gặp:

Cô Chu Bích Hằng, Ủy viên BCH Hội, Phụ trách phát hành.
Địa chỉ: 124/19 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q.Bình Thạnh, TP.HCM. ĐT: 0903 101 699
Email: chubichhang1102@yahoo.com.vn



Đồng tiền Hồng Đức Thông Bảo
(đời Lê Thánh Tông)



Đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo
(đời nhà Đinh)

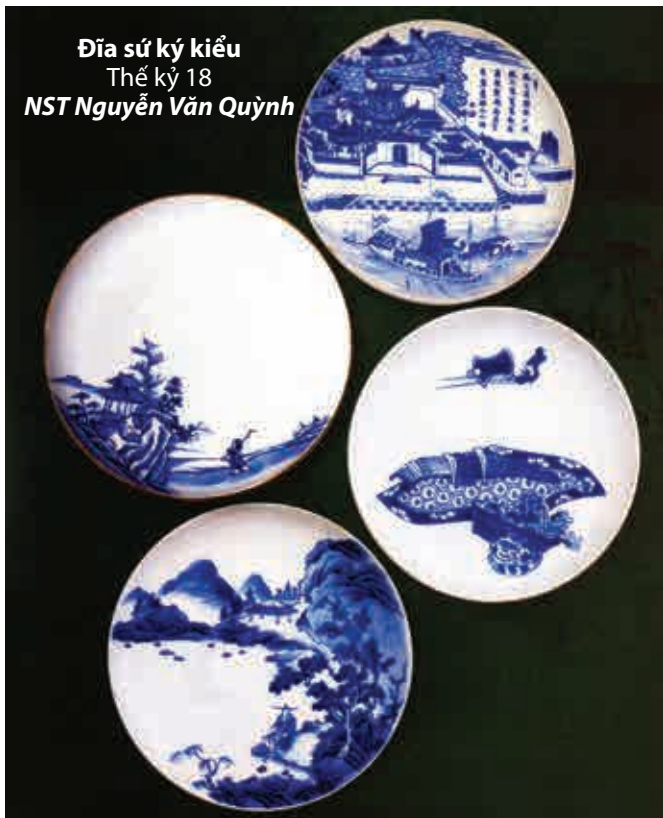
*NST Gm Giuse
Vũ Văn Thiên*



Đồng tiền Quang Trung Thông Bảo
(đời Tây Sơn)



Đồng tiền Đại Định Thông Bảo
(đời Lý Anh Tông)



Đĩa sứ ký kiểu
Thế kỷ 18
NST Nguyễn Văn Quỳnh



Ấm đồng ChămPa
Thế kỷ 12-13
NST Nguyễn Văn Phẩm



Đồ sứ đời Thanh
NST Trần Anh Dũng



Ấm gốm đời Lý, NST Nguyễn Văn Phẩm



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NÉN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

Nước Cẩm Hoa ASA
Đậm đặc 200%



Sản phẩm đang được sử dụng tại các chùa ở TP. HCM
như Thiện Hạnh, Pháp Quang, Giác Nguyên, và các
tỉnh như Tịnh Nghiêm - Tiền Giang, Huệ
Minh - Vũng Tàu...

Và được bán tại các cửa hàng Phật
Giáo, các Shop hoa tươi, và các hệ
thống siêu thị trên toàn quốc.

Giúp hoa tươi lâu không thối nước
Giữ gìn nét đẹp chốn tôn nghiêm

Tiết kiệm 40% chi phí so với
nước cẩm hoa ASA thường.

Giữ hoa tươi đẹp không cần phải
thay nước và cắt gốc hàng ngày.



CÔNG TY MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

SGPK

Phụ Kim Vàng & Bạc

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

- Móc khóa, quả lưu niệm
 - Quả tặng Phật giáo các loại.
- ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm: **304.000đ**
- 6 tháng cuối năm: **304.000đ**

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 8.000.000đ
- 1/2 bìa 3: 5.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3 8484 335

0907164066 - 0918032040 - 0913810082

Email: toasoanvhp@gmail.com

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO



Trái tim khỏe cho một cuộc sống trọn vẹn

Chỉ với một tương tác, cuộc sống ngày càng được nâng cao, tuổi thọ cũng bình ổn hơn trước. Đến VINMEC cũng vậy, bằng ứng dụng công nghệ y học tiên tiến và đội ngũ bác sĩ giỏi, chúng tôi sẵn sàng chăm sóc y tế với tỷ lệ bệnh tật thường cao ở nhóm người cao tuổi, đặc biệt là bệnh lý tim mạch vì đây là nhóm đối tượng dễ mắc nhất.

Khám và điều trị tim mạch toàn diện

Trung tâm Tim mạch Vinmec được thành lập với các trang thiết bị hiện đại có thể đáp ứng đầy đủ các nhu cầu khám chữa bệnh về chuyên khoa tim mạch:

- ✔ Hệ thống máy chụp mạch hai bình diện Artis Zee của hãng SIEMENS (CHLB Đức) - là hệ thống máy chụp mạch hiện đại nhất Việt Nam, có thể tiến hành can thiệp điều trị cho các trường hợp bệnh lý mạch vành; bệnh lý mạch thận; mạch ngoại biên; mạch máu não; mạch gan...
- ✔ Hệ thống máy điện tâm đồ gắng sức FULLVISION của hãng WELCHAL-LYN (Hoa Kỳ) - là hệ thống hiện đại với hệ thống thăm lặn, hệ thống đo huyết áp tự động đồng bộ giúp chẩn đoán sớm bệnh lý mạch vành mà không cần phải thực hiện các thăm dò chảy máu, phát hiện sớm các rối loạn nhịp nguy hiểm, tăng huyết áp liên quan đến gắng sức
- ✔ Hệ thống Holter điện tâm đồ và Holter huyết áp của hãng GE Healthcare (Hoa Kỳ) giúp phát hiện các trường hợp rối loạn nhịp tim, bệnh lý mạch vành, hay tăng huyết áp cơn, tăng huyết áp tiềm tàng
- ✔ Máy siêu âm tim của hãng GE Healthcare (Hoa Kỳ) là một trong các máy siêu âm hiện đại nhất miền Bắc có thể chẩn đoán chính xác các bệnh lý như suy tim, hẹp hở các van tim, các bệnh tim bẩm sinh...

Đội ngũ chuyên gia làm việc tại Trung tâm Tim mạch đều là các bác sĩ Việt Nam và Công hòa Pháp giàu kinh nghiệm, đã làm việc và được đào tạo trong môi trường y tế quốc tế. Vì vậy, tại trung tâm Tim mạch các bác sĩ trao đổi kinh nghiệm, phối hợp chuyên môn để đưa ra chẩn đoán chính xác nhất và phương pháp điều trị hiệu quả nhất.



Nguy cơ từ lão hóa hệ tim mạch

Lão hóa là một quá trình tự nhiên xảy ra đối với tất cả các cơ quan trong cơ thể. Quá trình này bắt đầu từ khi chúng ta được sinh ra và tiến triển ngày càng nhanh khi tuổi càng cao. Những biến đổi do lão hóa hệ tim mạch, đặc biệt là xơ vữa động mạch là nguyên nhân hàng đầu gây ra các bệnh lý tim mạch ở người cao tuổi.

Xơ vữa động mạch làm hẹp động mạch dẫn đến thiếu máu não, nhồi máu não, tăng huyết áp, suy thận, đau thắt ngực; nặng hơn có thể dẫn đến nhồi máu cơ tim... Quá trình lão hóa đồng thời gây ra quá trình thoái hóa các van tim trong đó van động mạch chủ thường bị tổn thương nhất gây nên bệnh van tim ở người cao tuổi.

**Trung tâm Tim mạch
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec**
458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3974 3556 | Fax: 04 3974 3557
Email: info@vinmec.com | Website: www.vinmec.com

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Số 205

Phát hành ngày 15 - 7 - 2014

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quảng báo

110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Khánh Chi)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG